

# VẤN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 23

Tháng 6-1969

# NHIỆM VỤ

người trí thức Việt Nam trước hiện  
tình đất nước

|                    |    |                                                              |
|--------------------|----|--------------------------------------------------------------|
| vấn đề giới thiệu  | 1  | nhiệm vụ của người trí thức Việt Nam                         |
| mai thảo           | 20 | đặt lại vấn đề tái bản và phổ biến những tác phẩm tiền chiến |
| du tử lệ           | 32 | bước tới                                                     |
| nguyễn quang hiện  | 38 | nhân bản mới của thơ                                         |
| sơ dạ hương        | 45 | hoài niệm                                                    |
| huỳnh phan anh     | 49 | trong xa lạ và quạnh hiu                                     |
| nguy ngữ           | 53 | ngoài tầm tiếng kêu                                          |
| trần lê nguyên     | 64 | có em                                                        |
| henri a. kissinger | 69 | thương thuyết về Việt Nam                                    |
| mặc đồ             | 76 | « bloc - notes »                                             |
| vũ khắc khoan      | 82 | những người không chịu chết                                  |
| từ kế tường        | 88 | hình dáng                                                    |
| túy hồng           | 97 | những sợi sắc không                                          |

Sinh hoạt giáo dục và đại học tháng vừa qua ở thủ đô đã được đánh dấu bằng lễ cấp phát văn bằng cử nhân Phật khoa và Văn khoa của Viện Đại Học Vạn Hạnh. Đặt dưới quyền chủ tọa của ông Tổng Trưởng bộ Quốc gia giáo dục, lễ cấp phát văn bằng khép đóng một năm học này đã được mở đầu bằng bài diễn văn khai mạc của thượng tọa viện trưởng Thích minh Châu và bài thuyết giảng mang nhan đề « nhiệm vụ người trí thức Việt Nam » của giáo sư Vũ văn Mẫu. Vấn đề đại học và vấn đề trí thức ở Việt Nam hiện nay là hai vấn đề lớn. Hai vấn đề đang được đặt ra và cũng có một tầm quan trọng đặc biệt. Nhận thức được tầm quan trọng đó, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc dưới đây, những phân lập luận và nhận thức chủ yếu nhất của diễn từ và bài giảng thuyết nói trên, hai văn kiện mà chúng tôi muốn nhìn thấy như những tài liệu cần thiết cho tìm hiểu của sinh viên và nhận đường của trí thức.

## ● HIỆN TÌNH CỦA ĐẠI HỌC THẾ GIỚI VÀ PHẬN SỰ CỦA ĐẠI HỌC VIỆT NAM.

Sau khi nhấn mạnh ngày cấp phát văn bằng cử nhân đầu tiên cho lớp sinh viên tốt nghiệp đầu tiên của hai phân khoa Phật Học và Văn Khoa là ngày trọng đại của viện đại học Vạn Hạnh, thượng tọa viện trưởng Thích minh Châu đã đề cập tới hiện trạng của nền đại học thế giới, và phận sự của đại học Vạn Hạnh trong tình cảnh hiện nay của đất nước, như sau :

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**  
CHỦ BIÊN : **VŨ KHẮC KHOAN**  
THƯ KÝ TÒA SOẠN : **MAI THẢO**

Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho bà BÙI-THỊ HÒA-KHANH  
Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

« Nhận ngày long trọng hôm nay, chúng tôi muốn xác định lại vai ý nghĩa chính yếu về con đường văn hóa của Đại Học Vạn Hạnh, về ý nghĩa của ngày quan trọng hôm nay, về tinh thần của con người Đại học hay sứ mệnh của con người trí thức trong hoàn cảnh Việt-Nam và Thế Giới hiện nay.

Hơn ai hết, một người sinh viên tốt nghiệp phải cần ý thức về con đường văn hóa của một trường sở mà đời sống tinh thần và trí thức của mình đã được nuôi dưỡng trong bao nhiêu năm trời; con đường văn hóa ấy không phải chấm dứt ngày sinh viên tốt nghiệp, trái lại, ngày sinh viên tốt nghiệp chính là ngày đầu tiên mà người sinh viên khởi sự bắt đầu bước lên trên con đường văn hóa ấy một cách ý thức nhất và một cách triệt để nhất. Con đường văn hóa ấy là con đường gì? Phát xuất từ đâu và sẽ đi về đâu?

Hôm nay, chúng tôi xin lựa chọn ngày long trọng này để tuyên bố ý nghĩa và sứ mệnh của Viện Đại Học Vạn Hạnh trên con đường văn hóa nhân loại ở Thế kỷ XX, vạch lại một hướng đi, chẳng những cho nền Đại Học Việt Nam và Á Đông mà còn có tham vọng thử tìm ra con đường nào đó thoát ra ngoài sự bế tắc của nền văn hóa hiện đại. Có thể có người sẽ cho rằng chúng tôi quá tham vọng khi chúng tôi đã vội tào bạo tuyên bố « Thử tìm ra con đường nào đó thoát ra ngoài sự bế tắc của nền văn hóa hiện đại », sở dĩ chúng tôi vội vàng tuyên bố như vậy là vì chúng tôi đã từng suy nghĩ nhiều về ý nghĩa của Giáo dục đối với sự đảo lộn những giá trị hiện nay ở thế giới, chúng tôi đã từng thắc mắc nhiều về vai trò của Đại học trong việc lãnh đạo ý thức văn hóa của con người hiện đại; tất cả những suy nghĩ và những thắc mắc của chúng tôi đã làm thành con đường văn hóa của chúng tôi, tạo thành một chủ hướng ý thức cho việc xây dựng Viện Đại Học Vạn Hạnh và việc hun đúc những thế hệ xuất thân từ Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Ngày long trọng hôm nay cũng là ngày mà Giáo sư và Sinh Viên của Viện Đại Học này cần phải ý thức rõ ràng ý nghĩa và sứ mệnh của Viện Đại Học mình trong tình cảnh phân tán của

Viện Đại Học Vạn Hạnh có thể cống hiến những gì đặc biệt của Vạn Hạnh? Viện Đại Học Vạn Hạnh có thể đưa ra những gì là độc đáo khả dĩ góp phần vào việc minh định lại hướng đi của Văn hóa nhân loại hiện nay? Đó là những sự thắc mắc nền tảng đã đeo đuổi những suy nghĩ của chúng tôi từ bao nhiêu năm nay. Sau đây, chúng tôi xin đúc kết lại những quan điểm căn bản của chúng tôi, Những quan điểm căn bản này được xây dựng từ những nghi vấn thắc mắc sau đây:

1. Hiện trạng của nền Đại Học ở Thế giới như thế nào?
2. Nền Đại Học hiện nay ở Việt Nam có nên đi lại con đường của nền Đại Học Thế giới hay cần phải tự tạo ra con đường độc đáo của mình?
3. Phận sự của Viện Đại Học Vạn Hạnh phải như thế nào trong tình cảnh Việt Nam và Thế giới hiện nay?

Trả lời ba câu hỏi trên chính là trả lời ý nghĩa của con đường văn hóa dân tộc, con đường văn hóa mà Viện Đại Học Vạn Hạnh đang đi và đang tiếp tục theo đuổi, để thể hiện ý chí và bản nguyện của ý thức con người trước trách nhiệm với đất nước và lịch sử nhân loại.

### 1. Hiện trạng của nền Đại Học ở Thế giới như thế nào?

Nói đến nền Đại học hiện nay ở Thế giới là nói đến nền Đại học hiện tại của Thế giới Tây Phương, vì tất cả những Viện Đại học hiện nay ở Á Châu cũng đều là sản phẩm của nền Đại học Tây Phương, ở toàn cõi Á Châu hiện nay, không có một Viện Đại Học nào mà không rập theo khuôn mẫu của nền Đại Học Tây Phương từ tổ chức hành chánh cho đến tổ chức giảng huấn, từ đường hướng lý tưởng cho đến mục tiêu hoạch định, tất cả những nền Đại Học ở những xứ Đông Phương hiện nay đều là những Viện Đại Học Tây Phương, từ hình thức cho đến nội dung bản chất; gọi là « Viện Đại học Á Đông » thực ra chỉ là gọi một cách hoa mỹ mà thôi. Chúng ta phải cần nhận thức đầu tiên rằng hiện nay chỉ có một nền Đại học ở Thế giới, đó là nền Đại học xuất phát từ truyền thống Tây Phương. Nguồn gốc của nền Đại học



đã được thiết lập từ Thế kỷ XII và XIII, như Viện Đại học Salerno, Bologna và Reggio ở Ý Đại Lợi vào khoảng năm 1158 và 1188, Viện Đại Học Paris và Montpellier ở Pháp vào khoảng năm 1181, Viện Đại Học Oxford và Cambridge ở Anh vào khoảng năm 1167-1168 và năm 1209. Những Viện Đại-học trên đều là sản phẩm của những trung tâm Thần học Thiên-Chúa-Giáo thời Trung Cổ, và Viện-Trưởng Viện Đại-học Âu-châu lúc bấy giờ thường là kẻ đại diện cho Đức-Giáo-Hoàng. Chúng ta cần phải ý thức rằng Thiên-Chúa-Giáo đã giữ vai trò quyết định cho nền Giáo-dục Tây-phương và ngay cả những nền Đại-học ở Tân-Lục Địa Mỹ-Châu. Tất cả những Viện Đại-học nổi danh nhất ở Mỹ-Châu như Harvard, Yale, Columbia vân vân, đều được thành lập cai quản bởi những giáo sĩ Thiên-Chúa-Giáo; trong các Viện Đại-học Âu-châu, cho mãi đến năm 1700, phân khoa quan trọng nhất và giữ vai trò thống trị chính là phân khoa Thần-học Thiên-Chúa-Giáo, chỉ trừ cuối Thế-kỷ XVII trở đi thì một tinh thần mới được thổi vào những Viện Đại-Học Tây-phương, đó là tinh thần Khoa-Học; tác phẩm *Novum Organum* của Bacon được dạy tại Oxford và Cambridge vào năm 1875, tại Oxford, Vật-lý học của Newton được bắt đầu dạy năm 1700 để thay thế Aristote những Đại-học đi tiên phong trên con đường Khoa-học tân tiến là những Viện Đại-học Đức như Viện Đại-học Halle vào năm 1694, Viện Đại-học Goettigen vào năm 1737. hai Viện Đại-học này đã chống lại tinh thần hạn hẹp của truyền thống Đại-học cũ, dạy Descartes và Bacon để thay thế Aristote, dạy bằng chữ Đức thay vì chữ La-Tinh, thay thế sự phục tùng quyền uy tín điều bằng óc tự do khảo cứu, phát huy tinh thần tự do Đại-học tự trị Đại-học; cho đến năm 1810 khi Viện Đại học Berlin được thành lập thì tinh thần Đại-học trên (do Halle và Goettigen khai mào) đã được thể hiện hoàn toàn và được coi như là lý tưởng của một Viện Đại-học Tân tiến gương mẫu. Nhìn qua truyền thống Đại-học Tây-phương, chúng ta thấy ba khuynh hướng tinh thần:

- 1.— Khuynh hướng tinh thần Thiên-Chúa-giáo ở thời Trung cổ và ở thời Tôn giáo cải cách (la Réforme)
- 2.— Khuynh hướng tinh thần nhân bản ở thời văn nghệ phục hưng (la Renaissance)
- 3.— Khuynh hướng tinh thần khoa-học từ cuối thế kỷ XVII cho đến thế kỷ XX.

*Thượng đế, con người và Khoa học*, ba danh từ này có thể tóm tắt lại ba khuynh hướng tinh thần của truyền thống Đại học Tây phương và ngày nay không có một Viện Đại học Tây phương nào mà lại không nằm trên ba tinh thần trên. Chính những quan niệm căn bản của nhà giáo dục Tây phương về ba ý niệm *Thượng đế con người và Khoa học* đã giữ vai trò quyết định triệt để cho truyền thống đại học Tây phương; chúng ta cũng cần nên ý thức rằng chính những quan niệm về ba ý niệm căn bản này đã được quy định triệt để trong tinh thần văn hóa Do-Thái, La mã, Hy Lạp; ba nền văn hóa này phối kết nhau mà tạo ra văn minh Tây phương: *Thượng đế* của Do thái, *con người* của La mã và Khoa học của tinh thần duy lý Hy Lạp đó là ba ý thức dẫn đạo truyền thống Đại học Tây phương.

Hiện trạng của nền Đại học ở thế giới như thế nào? Đó là hiện trạng *khủng hoảng trầm trọng*. Sự khủng hoảng trầm trọng của nền Đại học Tây phương hiện nay xuất phát từ sự khủng hoảng trầm trọng của chính nền văn minh Tây phương, vì Đại học chính là ý thức dẫn đạo cho cả nền văn minh; sự khủng hoảng của nền văn minh Tây phương là *sự khủng hoảng của ý nghĩa*, khủng hoảng giữa những quan niệm khác nhau về *Thượng đế* về *con người* và về *Khoa học*, nói tóm lại là *sự khủng hoảng giữa tôn giáo và của chính tri thức*. Thế kỷ XX chỉ là sự tập đại thành của những sự khủng hoảng mạnh mẽ phát khởi từ lâu trong lòng văn minh Tây phương.

1.— Khủng hoảng về ý nghĩa của *Thượng đế*: không phải chỉ có một ý nghĩa độc nhất về Thượng đế mà còn những ý nghĩa khác hẳn, Luther mở đầu một sự giải thích khác, và đại học đường Wittenberg là nơi cư ngụ của Luther và viện đại học Marourg được thành lập năm 1527 là viện đại học Tin lành đầu tiên, đi ngược lại tinh thần của những viện đại học Công giáo. Và từ những năm 1870-1879, tại viện đại học Basel, Nietzsche đã chuẩn bị nói lên sự khủng hoảng về ý nghĩa của một Thượng đế, và đến thế kỷ XX, tại những viện đại học Harvard và Yale, nhà thần học Tin lành Paul Tillich bắt đầu lập lại kinh nghiệm của Nietzsche trong việc tuyên bố rằng Thượng đế của Thần học đã chết; và con người Tây phương theo Paul Tillich, phải cần đi tìm một Thượng đế vượt qua Thượng đế của Thần học.

2. — Khủng hoảng về ý nghĩa của *con người*: viện đại học Wittenberg được thành lập vào năm 1502 và được coi là một viện đại học nhân bản đầu tiên, con người theo quan niệm La mã đã được thay thế lại bằng con người theo quan niệm Hy Lạp; phong trào này phát khởi từ những đại học Pavia Florence, Padua và Rome, rồi lan rộng đến Paris, Heidelberg, Erfurt, Leipzig, Oxford và Cambridge vào năm 1520. Nhưng quan niệm về *con người* lần lần được thay đổi bởi *quan niệm khoa học về con người*, *con người* hiểu theo *thực nghiệm*, đối tượng của phương pháp khoa học hơn là của siêu hình học hoặc nhân bản học thời văn nghệ phục hưng, đại diện cho khuynh hướng mới là Francis Bacon mà tác phẩm của ông đã được giảng dạy khắp những đại học nổi danh tại Âu châu từ 1675 trở đi. Ngày nay, ý nghĩa về *con người* đã được xác định bởi một khoa học mới tức là *khoa nhân chủng học*, nhưng nền tảng nhân chủng học này còn chưa vững, bị lung lay đồng nhịp với sự khủng hoảng về nền tảng của những nền khoa học Tây phương; câu nói của André Malraux vẫn mang một ý nghĩa đáng suy nghĩ: « phải cần thiết lập lại một nền tảng mới cho con người » (*L'homme doit être fondé à nouveau*).

3. — Khủng hoảng về ý nghĩa của *khoa học*: nhà toán học và triết gia nổi danh Husserl đã tố cáo sự khủng hoảng này trong những bài giảng về sự khủng hoảng của nền khoa học Tây phương vào năm 1934-1935 trước giới đại học ở Vienne và Prague, « thoát đầu tiềm tàng, cuộc khủng hoảng của nhân bản Âu châu càng lúc càng bùng nổ rõ ràng lộ liễu chói lòa, sự khủng hoảng này xâm chiếm tất cả những khu vực có ý nghĩa của sinh hoạt văn hóa Âu châu, nói gọn lại, xâm nhập toàn diện sự hiện hữu Âu châu (Husserl, *Philosophia*, t. I. tr. 89). Đến khi thuyết vật lý học của Heisenber và toán học của Godel xuất hiện thì chúng ta thấy rằng khoa học Tây phương bắt đầu bước sang giai đoạn khủng hoảng về nền tảng.

Từ sự khủng hoảng chính yếu về ý nghĩa của *Thượng đế*, của *con người* và của *khoa học*, ngày nay, chúng ta thường nghe nói đến khủng hoảng của *xã hội* và *giáo dục*. Hồi năm vừa qua, tại *Hội-nghị Quốc gia và Giáo dục Đại học của Hiệp Hội Mỹ Quốc về Giáo dục Cao đẳng* (National Conference on Higher Education of the American Association for Higher Education), nhà Bác-học Bar-

ry Commoner, chủ tịch phân bộ thực vật học và Giám-Đốc Trung tâm Sinh vật học của Đại-học đường Washington, St Louis đã trình bày về « Sự khủng hoảng song hành của Khoa-học và Xã-hội » (*The Dual crisis in Science and Society*), bài thuyết trình này đã đăng lại trong tạp chí *Today's Education* (Oct.1968) của *Hiệp Hội Giáo dục Quốc-gia Huê-kỳ* (NEA). Giáo-sư Barry Commoner đã nói lên tiếng kêu báo nguy tiêu biểu cho những con người văn hóa ý thức nhất hiện nay: « Chúng ta đang cố gắng để sống trên mặt trăng, thế mà chúng ta lại không thể sống với nhau một cách hòa bình ở ngay nơi địa cầu của chúng ta » (We are attempting to live on the moon-but we cannot yet live peacefully on our own planet), « chúng ta có thể nuôi dưỡng một người cô lập triệt để ở ngoại tầng không gian nhưng chúng ta lại không thể nuôi ăn đầy đủ được những trẻ con ở Calcutta hoặc ở Harlem » (We can nourish a man in the supreme isolation of outer space — but we cannot adequately feed the children of Calcutta or Harlem). Sự tiến bộ thành công hiện nay của Khoa-học và cơ khí lại đi đôi cùng sự hậu tiến thất bại của nhân tính, đó là « tình cách phi nhân đạo toàn triệt của nền văn minh hiện nay mà chúng ta đang chia xẻ » (...the total inhumanity of the civilisation that we share). Sau khi làm một sự phân tích thấu đáo sâu sắc về sự khủng hoảng song hành của khoa học và xã hội, Giáo sư Barry Commoner đã kết luận bằng cách kêu gọi ý thức trách nhiệm của giới trí thức cao cấp Đại-học trong việc phục hồi phẩm chất cho đời sống con người (...a mutual concern with the quality of life). Mấy năm gần đây chúng ta lại chứng kiến bao nhiêu hiện tượng khủng hoảng ở khắp các trường Đại-học Âu-Mỹ; trong bài khai giảng kỷ niệm 214 năm của trường Đại-học Columbia, giáo sư Richard Hofstadter có nói một câu đáng trích ra đây: « Chúng ta hiện đang ở vào giai đoạn khủng hoảng trong lịch sử của nền giáo dục Huê kỳ và có lẽ trong cả lịch sử nền giáo dục của thế giới Tây phương. Chẳng những ở New York và Berkeley mà cả ở Madrid và Paris, ở Belgrade và Oxford, ở Rome, Berlin và London (We are at a crisis point in the history of American education and probably in that of the Western world. Not only in New York and Berkeley, but in Madrid and Paris, in Belgrade and Oxford in Rome, Berlin and London...) (of. *The American Scholar*, Autumn 1968, trang 583-589).

Giáo sư Jacques Barzun bắt đầu đặt nghi vấn với nền giáo dục Đại học Mỹ (*The American University: How it runs, where it is going*) và các nhà văn hóa Pháp bắt đầu xôn xao đặt lại nghi vấn với nền giáo dục Đại-học Pháp, chẳng hạn Jacques J. Natanson, trong bài « *Les Educateurs à l'épreuve* » đăng trong tạp chí *Esprit* số 374 mở đầu bằng tiêu đề « la mort du maître » và chấm dứt bằng khẩu hiệu « nhà giáo dục phải trước hết tự giáo dục lấy mình » (*l'educateur doit d'abord être lui même éduqué*). Còn những nền Đại học Cộng sản thì lại sa lầy trong những khẩu hiệu và chỉ tạo ra những con người máy móc, hy sinh hiện tại cho ngày mai ảo tưởng.

Hiện trạng của nền Đại Học ở thế giới, tức là nền Đại học Tây phương cả tư bản lẫn Cộng sản đã rơi vào sự khủng hoảng như chúng ta đã thấy, sự khủng hoảng hiện nay là phát xuất từ sự khủng hoảng chung của một nền văn minh được xây dựng từ ý thức Do Thái, La Mã và Hy Lạp.

Bây giờ chúng tôi xin tiến đến câu hỏi thứ hai :

2.— *Nền Đại học hiện nay ở Việt-Nam có nên đi lại con đường của nền Đại học Thế giới hay cần phải tự tạo ra con đường độc đáo của mình ?*

Tất nhiên chúng ta phải chọn lựa một con đường đặc biệt của mình, nếu không muốn rơi vào sự khủng hoảng không thể tránh được mà chúng ta đã thấy trong truyền thống giáo dục Tây phương. Trên con đường văn hóa của nhân loại, không phải độc nhất chỉ có con đường văn hóa của Do Thái, La Mã và Hy Lạp, mà chúng ta phải có ý thức rằng còn nhiều con đường văn hóa khác, nhiều ý thức khác. Nhưng một điều đáng lưu ý hiện nay là những nền Đại học Việt Nam đều đang đi theo truyền thống Đại học Pháp và Mỹ. Đang khi nền Đại học Tây phương đang bị khủng hoảng và họ tự đặt nghi vấn với giá trị của nền văn minh và nền giáo dục của họ thì không lẽ chúng ta lại đi theo họ mà không thử tìm ra những con đường khác, những con đường riêng biệt của mình ? Chính vấn đề này đã được nêu lên tại Hội nghị Viện Trưởng các Đại học Quốc tế tại kinh đô Triều tiên năm 1967.

3. — *Phận sự của Viện Đại Học Vạn Hạnh phải như thế nào trong tình cảnh Việt Nam và Thế giới hiện nay ?*

Chúng tôi quan niệm rằng không phải chỉ có một truyền thống

Đại học duy nhất là Đại học Tây phương mà còn có một truyền thống khác nguyên thủy hơn, đó là truyền thống Đại học Đông phương mà đại biểu chói lọi nhất là những Viện Đại học Ấn độ như Nàlandà, Vikramsila, Odantapura và Jagaddala, những viện Đại học nổi danh thịnh phát từ thế kỷ thứ sáu, thứ bảy, thứ tám trước khi những Đại học Tây phương được thành lập. Ngũ Minh (Pancavidyā) đã được dạy tại những Viện Đại học trên như (i) 'sab dauidyā, (tương đương với *văn phạm* và *ngôn ngữ* học ngày nay), (ii) *Cikitsavidyā* (tương đương với *Y học* ngày nay), (iii) Hetuvidyā (tương đương với *Luận lý học* và *Khoa học* ngày nay) (iv) Silpasthānasidhā (tương đương với *Văn khoa* và *Mỹ thuật* ngày nay) ; (V) *Adhyātmauidyā* (tương đương với *triết học* và *siêu hình học* ngày nay). Những Viện Đại học trên là những Viện Đại học Phật giáo Ấn độ, cách đây trên mười thế kỷ, đã là Trung tâm văn hóa cho toàn cõi Á châu, những đại học đầu tiên của nhân loại có tinh cách phổ biến đại đồng, chẳng những dạy Phật giáo mà còn dạy đủ kiến thức quan trọng đương thời, quy tụ những học giả từ Trung Hoa Tây Tạng và các nước Á Đông.

Viện Đại Học Vạn Hạnh là một Viện Đại học nằm trong truyền thống đại học Đông phương của Nàlandà, mang tên của thiền sư Vạn Hạnh, một thiền sư đã giữ vai trò chủ động trong việc gây dựng tinh thần đời Lý ; nơi đây, chúng ta cũng nên ghi nhớ rằng nền giáo dục Việt Nam chỉ bắt đầu từ đời Lý, với cuộc thi Tam trường, cuộc thi đầu tiên của Việt Nam vào năm 1075 dưới thời Lý Nhân Tông và cơ sở học vấn cao đẳng đầu tiên của Việt Nam là *Quốc tử giám* được lập vào năm 1076, cũng dưới thời Lý Nhân Tông (và cả *Hàn Lâm viện* cũng được lập đầu tiên dưới thời Lý năm 1086). Phận sự của Viện Đại Học Vạn Hạnh là :

(1) đứng về mặt Đông phương : nối tiếp truyền thống của Nàlandà, Vikramsila, Odantapura và Jagaddala ;

(2) đứng về mặt quốc hồn : nối tiếp truyền thống tinh thần *Quốc tử giám* và *Hàn Lâm viện* của Việt Nam dưới thời Lý.

Đề gây dựng lại cơ sở tinh thần cho ý thức Việt Nam trong bối cảnh của văn hóa Đông phương đối mặt với sự khủng hoảng của truyền thống văn hóa Tây phương.

Con đường văn hóa của Viện Đại Học Vạn Hạnh là con đường khởi đầu từ sự khủng hoảng của văn hóa Tây phương

đề đi đến sự phục hồi của những giá trị căn bản của Đông phương, tìm lại những nền tảng xây dựng tinh thần Đông phương. Trước tình cảnh Việt Nam và Thế giới hiện nay, chúng tôi nghĩ rằng chỉ còn *con đường trở lại mình, về với bản chất của mình* mới là con đường khả dĩ giúp đỡ người Việt Nam ý thức triệt để vị trí của mình trong sự quyết định tập thể cho vận mệnh Việt Nam và cho hướng đi của văn hóa nhân loại.

Người trí thức Việt Nam và tinh thần của con người Đại học Việt Nam không thể là tinh thần nô lệ Tây phương, nô lệ truyền thống Tây phương; chúng ta không chống đối ý thức Tây phương trái lại chúng ta phải cần hiểu Tây phương một cách triệt để; nghĩa là phải hiểu giới hạn của họ, giới hạn ấy đã được biểu hiện qua những cuộc khủng hoảng trong tất cả mọi lãnh vực và đặc biệt nhất là lãnh vực giáo dục. Họ đã thắng Đông phương qua *tinh thần khoa học*, nhưng chính *tinh thần khoa học* ấy hiện nay đang đưa họ đến sự *khủng hoảng trầm trọng trong mọi lãnh vực*.

Một Viện Đại Học Việt Nam hiện nay nếu muốn thể hiện sứ mệnh lãnh đạo trí thức cho dân tộc, thì không phải chỉ phát huy *tinh thần khoa học* thôi là đủ mà lại cần phải phát huy cả *tinh thần căn nguyên*; *tinh thần căn nguyên* chính là tinh thần của Đông phương, tinh thần lãnh hội thực tại một cách triệt để và toàn diện, nơi căn nguyên của toàn thể ý thức con người.

Tinh thần khoa học có giá trị trong lãnh vực của nó, nhưng bước sang lãnh vực của thực tại toàn diện thì chúng ta phải cần có một tinh thần khác mà chúng tôi gọi là *tinh thần căn nguyên*, tinh thần ấy là tinh thần của một người ý thức triệt để về sự đảo ngược của những giá trị hiện hành và muốn lên đường tìm lại suối nguồn của Đông phương, tạo lại những giá trị mới và tìm đến ý nghĩa thực sự của đời sống con người hiện nay.

Chúng tôi không quan niệm Viện Đại Học Vạn Hạnh như một cá thể đơn độc, tự mình nhận lãnh một sứ mạng độc đáo nào. Trái lại, chúng tôi luôn luôn đặt Viện Đại Học Vạn Hạnh trong cộng đồng Đại học Việt Nam và cùng với các Đại Học bạn làm được những gì có thể làm để xây dựng một nền đại học Việt Nam thực sự đúng nghĩa. Ở đây, chúng tôi rất trông mong sự tiếp tay và ủng hộ của các vị Viện Trưởng và giáo sư các Đại học bạn, mà

sự hiện diện hôm nay là cả một cử chỉ đầy khích lệ và ý nghĩa.

Hơn ai hết, những sinh viên tốt nghiệp của hai phân khoa Phật khoa và Văn khoa, lại chính là những người cần phải ý thức nhiều nhất về sứ mệnh của mình trong việc phục hồi ý nghĩa cao cả của Đông phương học và của Quốc học, nhưng chúng ta chỉ có thể tự ý thức một cách sâu sắc là khi nào chúng ta ý thức được kẻ khác, chúng ta có thể hiểu đồng phương một cách sâu sắc là khi nào chúng ta hiểu được Tây phương, chúng ta chỉ có thể đạt được *tinh thần căn nguyên* là khi nào chúng ta đã sở đắc *tinh thần khoa học*. Con đường văn hóa của chúng ta phải là đi từ *tinh thần khoa học*, rồi vượt qua *tinh thần khoa học* để hướng tới *tinh thần căn nguyên*, chính tinh thần căn nguyên này mới là lộ trình tối hậu của chúng ta; lộ trình của con người ý thức về sự khủng hoảng của thời đại mình, sống với sự khủng hoảng ấy và *vượt qua sự khủng hoảng* ấy để trở về *căn nguyên của thực tại và tâm thức* và sống một đời sống siêu việt ở ngay nơi thế gian hữu hạn này.

« Ngũ minh » (Pāncavidyā) trong truyền thống đại học Á Đông có mục đích tối thượng là đưa sinh viên đến « Minh » (vidyā) nghĩa là « sự sáng suốt toàn triệt » căn nguyên của tất cả mọi sự sáng suốt », và (vidyā) chính là đề tiêu trừ « vô minh » (Avidyā) tiêu trừ tất cả mọi sự nô lệ và đưa con người đến sự tự do toàn triệt.

« Vidyā » (minh) chính là (tuệ) (Prajñā); Duy tuệ thị nghiệp chính là ý nghĩa tối thượng của sự tốt nghiệp hôm nay, và chỉ có sự tốt nghiệp theo nghĩa đó mới là sự tốt nghiệp thực sự của người sinh viên Đại-học Vạn-hạnh. »

## • NHIỆM VỤ NGƯỜI TRÍ THỨC VIỆT NAM TRƯỚC TÌNH THẾ MỚI

Bài thuyết giảng của giáo sư Vũ văn Mẫu, mở đầu bằng một lời chia vui với toàn thể ban giảng huấn và các sinh viên tốt nghiệp. Sau đó, giáo sư đề cập tới những tiêu chuẩn tinh thần và trí thức quy định cho vai trò và nhiệm vụ người trí thức Việt Nam, tiêu chuẩn đó còn là tiêu chuẩn của con người khoa học « *luôn luôn khách quan, vô chấp, thành thực cần học và cầu tiến trên con đường phát minh chân lý để phụng sự xã hội và nhân loại* » : Giờ này đây



các bạn đã chinh thức gia nhập giới trí thức mà nhiều người đã hài hước tặng cho danh hiệu trí thức khoa bảng. Tại hầu hết các quốc gia tân tiến trên thế giới, trí thức được coi như những phần tử ưu tú, hy vọng của Tổ Quốc, nhưng ở nước ta, trong mấy năm gần đây, trí thức đã bị lên án nặng nề trước một phần dư luận, mặc dầu trong thực tế, hằng năm, sĩ số trúng tuyển ở cấp trung học càng tiếp tục tăng gia và con số các sinh viên tốt nghiệp ở các ngành đại học cũng không khỏi tăng theo.

Đó là một điều đáng mừng hay đáng lo? Phải chăng ta đã đi lầm đường và đã tạo ra một giới trí thức vô bổ cho sự sống còn của đất nước? Đã đến lúc, phải can đảm nhìn thẳng vào thực tế, và nếu cần, vẫn đủ thì giờ tìm kiếm những giải pháp thích đáng để tránh khỏi tiêu phí hàng năm những ngân khoản trọng đại dành cho ngành giáo dục và ngành Đại học.

Cũng đến lúc, giới trí thức cần phải kiểm điểm lại thực trạng, tự vấn lương tâm, đặt lại vấn đề cho đúng vị trí để tránh sự hiểu lầm trong dư luận và cũng để ý thức rõ rệt hơn trọng trách của mình trong xã hội.

Chính vì các mối quan tâm ấy, chúng tôi muốn cùng các bạn thử phân tích vấn đề trách nhiệm của người trí thức nói chung và trách nhiệm của các bạn trí thức được đào tạo ở Viện Đại Học Vạn-Hạnh này, nói riêng.

Có người đã đặt vấn đề: « Trí thức người là ai? » Đề tài ấy đã vạch rõ hết cả sự lạnh lùng, ngờ vực, nếu không phải là sự ghẻ lạnh dành cho giới trí thức Việt Nam, một giới người mà người ta cảm thấy tò mò, tìm hiểu, như một giống vật lạ từ hành tinh nào khác mới xa lạ xuống địa cầu này chứ không phải một thành phần xã hội mà tại các Quốc gia khác người ta thường đặt niềm hy vọng lãnh đạo và cải tạo xã hội.

Vậy bản án mà giới trí thức đã lãnh trước một phần dư luận đã quy những trách nhiệm và quá thất gì đối với họ? Hơn nữa, bản án ấy có dựa vào những luận cứ và bằng chứng nào xác đáng không?

Người ta đã trách các trí thức quan niệm bằng cấp như cái « cần câu cơm », chỉ lo mục đích thiên cận sinh sống trong nhung lụa cho mình và cho gia đình. Nói khác, trí thức đã có một nếp sinh hoạt quá tầm thường, tự giam hãm trong vòng tham vọng

vật chất thấp kém của con người, mà quên những vấn đề trọng đại liên hệ đến tương lai Tổ Quốc. Quen sống một cuộc đời hưởng lạc, ích kỷ, trí thức đã sống một cuộc sống cô đơn, bèn lè đại chúng, mà họ không tìm hiểu những nguyện vọng, những nhu cầu, và cũng không « dẫn thân » để giúp đại chúng giải quyết những vấn đề ấy. Các quyền lợi mà xã hội đã ưu đãi dành cho trí thức đã đem lại kết quả bất ngờ tạo cho họ một khối óc quen tính toán, suy lường hơn thiệt về phương diện cá nhân, mỗi khi xã hội trông đợi một sự tham dự can đảm, vô tư vào việc công ích. Cuộc đời vật chất dễ dãi cũng đã là một sự sa đọa tinh thần đối với họ. Quên nếp sống tìm tòi, khảo cứu, trau dồi tri tuệ, họ đã yên phận tự thúc buộc trong vòng lần quần, vô vị của một đời sống cầu an hoàn toàn mất hết lý tưởng và tịn tưởng.

Đối với những phần tử như vậy, lẽ dĩ nhiên đòi hỏi sự hy sinh, lòng quả cảm để tham dự vào đại sự, có ích cho nhân quần xã hội là một điều khó quan niệm! Từ ích kỷ đến tính toán, từ tính toán đến sợ sệt, những giai đoạn tâm lý ấy liên hệ với nhau rất mật thiết, và đã vẽ lên hình ảnh thiếu não của người trí thức hiện đại qua câu thơ bất hủ của Trần Kế Xương:

« Sĩ khí rụt rè gà phải cáo! »

Nếu quả thật tất cả các phần tử trí thức đều nhận thấy chân dung của mình qua những nét tiểu họa thô sơ của nhà thơ sống Vị, thì thật là một sự bất hạnh cho xã hội này, và trí thức cũng đáng cho người đời coi nhẹ.

Nhưng giới trí thức có đáng các lời bện tội nói trên không?

Chúng ta hãy cùng nhau khách quan mổ sẻ vấn đề, gạt bỏ tất cả những trường hợp cá nhân và riêng biệt, chúng ta chỉ phân tích con người trí thức Việt Nam nói chung.

Xét cho kỹ bản cáo trạng khắc nghiệt, chắc các bạn cũng nhận thấy rằng tất cả các đặc tính ích kỷ, tính toán, sụn hèn mà người ta quy trách cho trí thức đều bắt nguồn ở luận cứ căn bản, theo đó, bằng cấp đã đem lại cho họ một sự ưu đãi về phương diện quyền lợi và vật chất.

Được dịp hằng tiếp xúc với các cựu sinh viên, những người cũng như các bạn đã được hưởng những phút hân hoan ngày hôm nay khi thụ nhận danh vị tốt nghiệp ở các trường Đại học, tôi đã được rõ những quyền lợi vật chất mà các bạn ấy đã được hưởng,

sau bao năm đèn sách, thực ra còn thua kém lương một người thợ chuyên môn mỗi ngày ít nhất cũng kiếm được 500 đồng, nghĩa là 15.000 đồng một tháng.

Tình cờ, tôi vừa được gặp lại một cựu sinh viên trường Luật, tốt nghiệp cử nhân ba năm về trước, hiện giữ chức Thẩm Phán ở một tỉnh nhỏ, một vợ, hai con với chỉ số lương 470, nghĩa là 12.000 đồng bạc một tháng. Phải thêm rằng, trường hợp này còn là cảnh ngộ của một trí thức có tài, được gặp may mắn trên đường đời, vì không phải tất cả các sinh viên đầu cử nhân đều có được chức phận như vậy. Muốn làm Thẩm Phán, các người có văn bằng Cử nhân Luật khoa còn phải qua một kỳ thi tuyển khó khăn.

Trong ngành giáo huấn, quyền lợi vật chất cũng chung một cảnh huống. Gần đây, một sinh viên tốt nghiệp Tiến sĩ Luật Khoa ở Đại Học đường Ba Lê, sau khi xin làm Giảng sư và được Bộ Quốc Gia Giáo Dục chấp thuận, đã từ chối không hồi hương có lẽ vì với số lương 12.000 đồng một tháng không đủ để thuê nhà ở Saigon và trả tiền xe đi làm, không nói đến những khoản chi phí khác !

Những con số trên đây, đã khiến ta phải suy nghĩ. Với số lương như vậy, nếu buộc tội giới trí thức coi bằng cấp như cần câu cơm để lo vinh thân phì gia thì không những là một lời buộc tội hoàn toàn vô căn cứ, mà còn vô hình chung gieo rắc sự phân hóa trong hàng ngũ quốc dân, có hại cho sự đoàn kết nhất trí của dân tộc.

Thiết tưởng, đề đã thông vấn đề, cần phải thảo luận trong một khuôn khổ rộng rãi hơn nữa. Sự thực, giới trí thức ở Việt Nam hiện nay cũng chung một số phận như trí thức ở phần đông các quốc gia chậm tiến tại Á Châu.

Ở Âu Mỹ, người ta đã nhìn nhận rằng hiện đang có một trào lưu thúc đẩy các người trí thức di chuyển chạy quanh một cái vòng kỳ khôi trên thế giới. Các nhà trí thức Âu châu tương đối không được trả lương cao bằng ở Mỹ châu hay các nước chậm tiến cần chuyên viên ngoại quốc, nên đã di cư sang Mỹ hay tại các quốc gia chậm tiến. Để bù đắp số chuyên viên đã rời quốc nội, các quốc gia Âu châu, lại sẵn sàng tiếp nhận các chuyên viên của các nước chậm tiến. Phần lớn những người này,

sau khi tòng học tại ngoại quốc, vì lẽ đó, đã tìm kiếm dễ dàng công việc để sinh sống luôn tại chỗ. Ngoài ra, các chuyên viên ở các nước chậm tiến, với tài lực của họ, cũng không phải khó khăn mới kiếm được công việc ở ngoại quốc, nếu họ muốn.

Trong tình cảnh ấy, chúng ta đã được chứng kiến một hiện tượng trái nghịch, nếu không phải là phi lý.

Trong khi ở Âu Mỹ, người ta thi nhau đi làm chuyên viên ở các nước chậm tiến với số lương cao, thì một số đông chuyên viên ở các nước chậm tiến đã được tuyển dụng ở Âu Mỹ.

Nghiên-cứu về vấn đề này mà người ta gọi là hiện tượng « cán bộ di cư » (l'oxode des compétences) hay là thu hút trí thức (brain-drain), ông E. Naraghi, một chuyên viên của Liên Hiệp Quốc, đã nêu lên nhưng thí dụ điển hình trong một bài báo viết trong tạp chí Politique Étrangère, số 3, năm 1967.

Năm 1965, ở Hoa Kỳ, có tới 20.000 bác sĩ đã tốt nghiệp ở các Đại học đường ngoại quốc : Gia-Nã-Đại : 5.758 ; Đức : 4.263 ; Phi-Luật Tân : 3.760 ; Ý : 2.680 ; Thụy-Sĩ : 2.221 ; Ấn-Độ : 1.293 ; Mê-Tây-Cơ : 1.180 ; Anh : 911 và Ba-Tư : 904.

Ở Anh-Quốc, riêng năm 1964, 5.900 giáo sư, 4.400 nữ y tá, 2.200 kỹ sư, 1.200 bác sĩ đã di trú sang Hoa-Kỳ, nhưng trái lại, cũng trong năm ấy, Anh quốc đã tiếp nhận 3.300 giáo sư, 1.300 nữ y tá, 800 bác sĩ ngoại quốc, phần lớn từ các nước trong khối Liên-Hiệp Anh di cư đến. Đặc biệt nhất ở Anh quốc, trong các ngành y tế hiện nay có tới 35% nhân viên là người Hồi quốc, Ấn-Độ.

(Đối với Việt-Nam, phần lớn các sinh viên tốt nghiệp ở ngoại quốc đều có công việc làm tại chỗ. Tuy không có những số thống kê chính thức, nhưng riêng ở Pháp, số chuyên viên ấy có thể lên tới sáu, bảy ngàn là ít. Sau hết, còn một thiểu số cựu công chức ở Việt-Nam hiện cũng được làm chuyên viên ở một vài tổ chức quốc tế với số lương khá cao, từ 1.000 đến 2.000 Mỹ kim một tháng).

Trong bài khảo luận nói trên, tác giả Naraghi đã kết luận : « Thị trường lao động đã trở thành một thị trường quốc tế. Khía cạnh bi thảm của hiện trạng ấy là ở chỗ các nước chậm tiến đã không ý thức được sự quan trọng của vấn đề » (Pour conclure, je retiens que : le marché du travail est devenue un marché international. L'aspect tragique du phénomène réside dans le fait que beaucoup de pays en voie de développement n'ont pas pris conscience du



problème). Và hơn nữa, sự viện trợ kinh tế của các quốc gia cường thịnh không đủ để bù đắp cho các quốc gia nghèo về các kinh phí cần thiết để huấn luyện những cán bộ ấy (... l'aide économique accordée par les pays riches compense à peine le coût, pour les pays pauvres, de la formation de ces cadres. E. Nuraghi op. cit. tr. 279).

Vấn đề quả đã có những khía cạnh bi thảm! Để giữ những phần tử trí thức ở trong nước, hoặc khuyến khích họ hồi hương các nước chậm tiến đáng lẽ phải có một chính sách sáng suốt và thích ứng. Vì thị trường lao động đã có tính cách quốc tế, lẽ dĩ nhiên thị trường ấy phải tuân theo luật cung cầu quốc tế, do đó không nên ngộ nhận thực tế và khinh rẻ chuyên viên người bản quốc.

Hơn nữa, vì lý do lý hương, một chuyên viên Âu Mỹ bao giờ cũng phải lương bổng đắt hơn một chuyên viên bản quốc, không kể rằng có nhiều vấn đề tế nhị mà chỉ có người dân trong nước mới hiểu triệt để được tất cả các phương diện.

Tuy vậy, hiện nay, ở các nước chậm tiến nói chung, vẫn có hiện tượng « Bụt nhà không thiêng đi cầu Thích Ca ngoài đường »! Để trở lại vấn đề đối riêng với Việt Nam, các người trí thức kiên quyết sinh sống ở trong nước với một số lương khởi thủy trên dưới 10.000\$ tương đương với giá chợ đen 50 mỹ kim, mỗi tháng, hoặc số lương mẫn nghiệp hàng tháng trên dưới 25.000\$ hay 125 mỹ kim, sau 20, 30 năm phục vụ đầu phải là hạng người đã coi bằng cấp như phương diện để vinh thân gia như người ta vẫn lầm tưởng?

Trái lại, ta phải chống lại phong trào kỳ thị trí thức, phong trào phân hóa dân tộc. Cũng như tất cả các đồng bào khác các trí thức đã nặng gánh hy sinh để giữ những phận sự đã được giao phó, với một số lương có thể nói là bạc đãi, vì ở xa với mức tối thiểu.

Nói như vậy, không phải là khẳng định rằng trong hàng ngũ trí thức không có một số phần tử xấu, nhưng đó là luật chung cho tất cả các tầng lớp xã hội, các đoàn thể: trong giới nào, đoàn thể nào, cũng có người tốt lẫn người xấu! Ta không nên quên rằng, mặc dầu trong non một thế kỷ vong quốc, giới trí thức đã bị gò bó, dưới trăm hình thức đè nhứt mất chỉ hướng tang bồng

hồ thỉ, song luôn luôn vẫn có những đại biểu xứng đáng, ghi danh trong sử xanh, khiến cả đối phương cũng kính nể. Một Đinh Nguyên Phan Đình Phùng, một Giải Nguyên Phan Bội Châu, một Tiến Sĩ Trần Cao Vân, và biết bao nhiêu các danh nhân trí thức trong thế hệ trước và thế hệ này đã hoặc đương oanh liệt hay âm thầm hàng ngày chịu phạt những sự hy sinh cao cả cho Tổ quốc!

Truyền thống khí phách ấy, tội tin, là trí thức Việt Nam vẫn tiếp tục kiên trì mãi mãi với khí thiêng của sông núi. Nhắc lại truyền thống ấy, tôi khát khao ước vọng các bạn, tân khoa sẽ có những hành động xứng đáng với tiền nhân khi rời nhà trường để phục vụ xã hội.

Lòng vị kỷ, óc tính toán suy lường chắc chắn chỉ là những cáo trách không tưởng, khi ta đã biết rõ giới trí thức cũng chẳng có quyền lợi vật chất gì để suy tính, bảo vệ. Nếu có sự do dự ở người trí thức nhiều hơn ở các thành phần xã hội khác, là vì tính quen suy luận, người trí thức thường không có sự bùng bột, dẫn thân, mà chỉ có sự dẫn thân sáng suốt cho một lập trường hay một lý tưởng đáng phục vụ. Chỉ có những lập trường nào cao đẹp trong sự vô tư, lấy quyền lợi tổ quốc làm chủ đích, lấy quyền lợi nhân dân làm căn bản, lấy công bình xã hội làm đường lối, không vụ vào cá nhân, không thiên về bè phái, mới chắc chắn khích động mạnh mẽ tâm khảm người trí thức cũng như tất cả các người dân Việt.

Một hạt giống dù tốt đến đâu cũng chỉ có thể manh nha, nảy lộc, nếu gặp được môi trường và khí hậu thuận tiện. Trong hơn một phần tư thế kỷ nay, người dân Việt nói chung và người trí thức nói riêng, đã bị thực tế lừa dối phũ phàng nhiều lần. Không nên trách họ thờ ơ, suy nghĩ hay nghi hoặc, mà trái lại cần phải tạo những điều kiện để họ hết thờ ơ, suy nghĩ và nghi hoặc.

Cũng có người trách trí thức Việt Nam không hề khảo cứu, phát minh được điều gì mới lạ như các nhà bác học ngoại quốc. Song ta cũng không nên quên rằng những điều kiện thực tế nghiên cứu ngày nay đối với họ còn khiếm khuyết chẳng khác gì điều kiện thời Pháp thuộc, nếu không phải là kém—không cần phải so sánh với những tiện nghi dành cho các trường Đại học ở Âu Mỹ. Những sự trách cứ vụ vơ chỉ đem lại sự phân hóa, trong khi tổ quốc đương chờ đợi tất cả các bàn tay của con dân để xây

dựng, mỗi người tùy theo khả năng của mình.

Không thua kém khả năng đối với các chuyên viên ngoại quốc người trí thức Việt-Nam, từ trước đến nay, đã thiếu một hoà cảnh thuận tiện để phát triển tài năng. Có lẽ cũng vì lý do ấy, dần nếp sống của người trí thức đã bị ảnh hưởng không ít, cũng như một lưỡi cây đề rỉ vì không dùng tới. Thiết tưởng, mặc dầu thiếu điều kiện sinh hoạt về phương diện tinh thần, các nhà trí thức cũng nên ý thức trách nhiệm của mình và nỗ lực tranh đấu cả với hoàn cảnh để tiếp tục sự khảo cứu, bồi đắp di sản tinh thần của tiền nhân và đóng góp vào di sản chung của nhân loại.

Tiếng chuông cảnh tỉnh của ông Ehsan Naraghi đối với chính quyền các nước chậm tiến, cũng là tiếng chuông cảnh tỉnh đối với người trí thức.

Trước khi dứt lời, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào vai trò đặc biệt mà quốc dân đang mong đợi ở sự đóng góp của các phần tử trí thức đã được đào luyện ở một trung tâm văn hoá được nghĩa lý cao cả của Phật-giáo.

Ngày hôm nay, nhân dịp lễ Phật Đản, Viện Đại-Học Vạn Hạnh hiến dâng Tổ Quốc bó hoa thơm đầu tiên đã được trồng từ trong vườn Thiền. Chúng tôi thành khẩn ước mong rằng rồi đây các bạn tân khoa, trên vạn nẻo đường đời, khi đem học lực, tài năng ra thi thố để gánh vác công việc xã hội, sẽ lúc nào cũng không quên gương Đức Thế Tôn trong 45 năm, sau khi thành đạo, đã luôn luôn di chuyển trong khắp trung vực sông Hằng để cứu nhân độ thế. Từ các thành Vương Xá (Rajagṛha), Xá V (Śrāvastī), Ba-Nại-La (Bénarès), đến các thành Gia-Tỉ-La (Kapilavastu), Tỉ-Xá-Lị (Visali), Câu-Đàm-Di (Kosambhī) v.v... không nơi nào là Đức Thế Tôn không đặt chân đến, để dạy cho chúng sinh con đường giải thoát. Phải tưởng tượng những phương tiện di chuyển eo hẹp và những đường lối giao thông bất tiện và 2.500 năm trước, chúng ta mới có một ý niệm về sự hy sinh và tận tụy vô biên của Đức Thế Tôn đối với chúng sinh đang chìm luân trong bể khổ.

Được đào luyện ở Viện Đại Học Vạn Hạnh, chắc chắn các bạn cũng luôn luôn ghi lòng tạc dạ con đường « Bát Chánh Đạo ». Không những là con đường giải thoát khỏi vô minh và đau khổ, Bát Chánh Đạo còn cống hiến cho các bạn, trong khuôn khổ

hội này, những phương tiện tinh thần để làm tròn bổn phận một người trí thức đối với chính bản thân mình cũng như đối với đoàn thể xã hội.

Tiêu chuẩn của con người khoa học luôn luôn khách quan, vô chấp, thành thực cầu học và cầu tiến trên con đường phát minh chân lý để phụng sự xã hội và nhân loại.

## VẤN ĐỀ

*Giới thiệu và trích dẫn*

# MAI THẢO

## trước phong trào tái bản và làm sống lại văn thơ tiên chiến

Khoảng thời gian từ đầu năm ngoái tới đây, người ta nhìn thấy phát hiện trên thị trường xuất bản miền Nam — một thị trường vốn đã đầy đặc những dấu chân, đột nhập như bản của nghệ thuật thương mại, văn chương thị hiếu và ăn loát con buôn — một hiện tượng mới. Đó là một số nhà xuất bản tư nhân ở đây đang tấp nập in lại một loại sách cũ. Loại sách này đã ra đời từ thời tiền chiến tác giả chúng phần lớn là những nhà văn nghệ thơ lớp trước đang cách biệt với chúng ta bằng sự cách biệt của cả một trận tuyến văn học, hiện còn sống ở Hà Nội, ở miền Bắc, đến nay đã trở thành những tiếng nói chính thức, những cây viết chỉ đạo của nghệ thuật văn học phía bên kia.

Những tác phẩm tiền chiến ấy được in lại, thoát đầu chỉ theo một nhịp điệu lác đác. Như một tấm thảm dò, không thấy, vấp phải một trở lực, một phản đối nào, sách cũ trước 1945 thuận đã được tung ra, rồn rập, hàng loạt, biến thành một ngọn triều sách cũ tràn ngập. Tới nay, thì những sách cũ được tái bản này đã lên tới một con số nhiều không đếm hết. Muốn thấy, chỉ cần bước vào bất cứ một tiệm sách nào. Những Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên đang được in lại. Hàng chục tập. Những Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Công Hoan, Lưu Trọng Lư đang được tái bản, hết cuốn này tới cuốn khác. Bên cạnh những tác phẩm mới nhất của các nhà văn nhà thơ miền Nam, đã xếp những chồng cao, đã bày những hàng dài, những O Chuột, Vang Bóng Một Thời, Chùa Đàn, Bước

Đường Cùng, Thơ Thơ, Giòng Sứa, Điện Tàn, Lửa Thiêng, Tiếng Thu, Gửi Hương Cho Gió. Ngó nhìn vào chung sống đột ngột bất ngờ của văn chương hai thời và hai miền trên cùng một giá sách, người ta có cảm tưởng đất nước mười lăm năm cắt chia và hai mươi năm kín trùm lửa đạn, đã nhờ sách, bằng sách, mà sắp được hòa bình. Cảm một tập Lửa Thiêng của Huy Cận trên tay, đọc lại những câu thơ đầu mùa quả Xuân Diệu (trong Gửi Hương Cho Gió, thấy lại Nguyễn Tuân thấy lại Chùa Đàn, người ta có ấn tượng như trên một khía cạnh nào, bằng một dọn đường nào, văn học nghệ thuật miền Nam đang có cái khuynh hướng muốn trở lui, muốn sống lại với cái không khí ba mươi năm về trước. Và nếu sách cũ của các tác giả đang ở miền Bắc mà được miền Nam in lại, công khai và đầy đặc như thế, thì hình như đã thấp thoáng đâu đó một ngọn gió muốn trở chiều, cho một chia cắt chấm dứt, một giới tuyến không còn, và Hà Nội nghìn trùng cách biệt, với văn Nguyễn Hồng, với thơ Hồ Dzếnh, Hà Nội đã một phần tới đây, ngang nhiên có mặt giữa Sài Gòn. Sự thật là Nam với Bắc vẫn còn thép gai và đạn đồng đứng giữa, Sự thật là chúng ta đang chịu đựng sức đánh phá không phải chỉ của những trung đoàn địch, ăn ở chiến khu D, đến từ đường mòn Hồ Chí Minh, mà còn bằng văn thơ tuyên truyền đã kích hàng ngày bôi nhọ chế độ và xã hội ta của những người mang tên là Nguyễn Tuân, Xuân Diệu. Bài nhận định về văn học nghệ thuật miền Nam của Trần Văn Giàu, được tóm lược lại trên một tờ nhật báo tháng trước đây là một bằng chứng. Cùng với cuộc chiến gia tăng cường độ, cùng với hòa đàm Ba Lê nằm nguyên trong tình trạng bế tắc, cùng với hỏa tiễn 122 ly đêm ngày rót đều cái chết, lên những thị trấn, xuống những đời sống, thực tế tàn nhẫn cho ta biết mọi hy vọng đoàn tụ hòa bình nào, ít nhất là cho tới những giờ phút này, vẫn chỉ là ảo tưởng. Chĩa mũi nhọn vào ta, thơ văn miền Bắc 1969 vẫn quay tròn cái nhịp tuyên truyền của nó, mài sắc cái sức đánh phá của nó. Nói tới liên hệ văn học hai miền, lúc này hơn bao giờ, rõ ràng là chúng ta phải có một thái độ, một lập trường minh bạch.

Vấn đề in lại những tác phẩm cũ của các tác giả ở miền Bắc, bởi vậy phải được đặt thành một vấn đề xét lại. Trên cái nền hay cái không nền của nó. Bằng tìm hiểu những nguyên nhân, lượng đoán tầm ảnh hưởng. Xét lại. Bằng cách đánh giá lại những tác

phẩm tiên chiến. Bằng tìm trả lời cho hai câu hỏi. In lại những tiểu thuyết tiên chiến lúc này có đích thực là một cần thiết hay không? và lấy tư cách nào, bằng thái độ nào, người ta đã in lại những sách cũ ấy?

### ● MỘT KHAI TỬ CHUNG VÀ TỪ CẢ HAI PHÍA.

Trước sự việc hiển nhiên là những tác giả tiên chiến không có mặt ở đây, không có với chúng ta một liên hệ tinh thần hay vật chất bé nhỏ nào, một nhà xuất bản in lại sách cũ của Tô Hoài, Nam Cao, chắc hẳn sẽ dùng luận điệu này để bênh vực cho việc làm mình) trên nguyên tắc xuất bản là một việc làm không được phép, vì không được thỏa thuận và ủy thác) là: những tác phẩm tiên chiến kia là những công trình sáng tác có giá trị, phải được phổ biến, cần được in lại. Luận điệu này, nếu có, chỉ có thể là thứ luận điệu vô ý thức của kẻ mù lòa trước một tiến trình nghệ thuật, không nhìn thấy đâu là cái đã chết, đã mất, không nhìn thấy đâu là cái đang có, đang thành, bởi vậy mà đang làm cái việc hồi sinh vô ích những thầy ma, đang đem những tử thi quá khứ về làm chương ngại lối đi và con đường tiến tới của nghệ thuật. Mà nghệ thuật chúng ta, sự thực là nó đang đi tới. Nó đã tạo được cho nó một sức đẩy hai chiều rất mạnh: tự đẩy nó đi về trước mặt, còn đẩy lùi một thời kỳ văn học quá khứ về xa tắp sau lưng.

Mấy năm trước đây, chúng ta đã được biết đến một phong trào « thoát xác » cải tạo tư tưởng lan rộng và bao trùm lên mọi giới mọi ngành văn học nghệ thuật miền Bắc. Chế độ miền Bắc một khi đặt định được những nền tảng chắc vững hơn, nhà văn nhà thơ miền Bắc biện chứng đã đứng trước bắt buộc phải chối từ mọi độc lập cá nhân của mình. Đề có mặt. Đề tồn tại. Trước đe dọa bị gạt bỏ, lớp lớp nhà văn nhà thơ tiên chiến đã nhất loạt rơi ngã vào một cảnh ngộ ý thức và sinh tồn đồng dạng: phải làm khác nghệ thuật mình, phải làm mới con người mình. Muốn hay không cũng vậy. Tự ý hay miễn cưỡng, không thành vấn đề. Phát đạn 7,45 bắn vào một bóng ma tưởng tượng là hình hài và tâm thể cũ chập chờn trên một vũng nước tiêu trong một tùy bút chuyên hướng và tự thú gò ép và giả tạo đến tức cười của Nguyễn Tuấn

ray ra khỏi Hà Nội, Hà Nội của Khâm Thiên và Ngã Tư Sở, là tiền hình cho những nỗ lực đẩy về nhọc mệt của một thoát xác thể, sau này chúng ta thấy trở lại, khốc liệt và tan nát gấp nghìn lần hơn với những phong trào cải tạo tư tưởng, tự thú, phê bình mà gần như không một nhà văn nhà thơ tiên chiến nào tránh được, ngoại trừ những cán bộ lãnh đạo cao cấp như Hoàng Thanh, Tố Hữu.

Tác phẩm tiên chiến vì thế đã bị khai tử. Bởi chính những người khai sinh ra chúng. Tế Hanh lên án Hoa Niệm. Nguyễn Tuấn chỉ rửa con người quá khứ mình bằng những bản án tử hình cho Vang Bóng Một Thời và Tàn Đèn Dầu Lạc. Lưu Trọng Lư coi Tiếng Thu là một đứa con hoang. Xuân Diệu đào huyết làm mồ cho Gửi Hương Cho Gió. Những tác phẩm tiên chiến vậy là đã chôn chết, cất vào một bảo tàng viện, là nạn nhân của một đào thải ý thức, trước sự đào thải tất nhiên của thời gian.

Có một điều này là những người không gia nhập được vào dòng sống mới, bởi vậy mà không nhận thức được sự hình thành của nghệ thuật mới, chỉ mới biết, về số phận lũ tiểu thuyết và thơ văn tiên chiến, có một cuộc khai tử ấy là cuộc khai tử đã diễn ra ở miền Bắc, do nơi những nhà văn nhà thơ miền Bắc, muốn hòa nhập với chế độ mới, với lập trường và quan điểm nghệ thuật hiện thực xã hội, cho nên phải lên tiếng đoạn tuyệt với quá khứ và tác phẩm cũ của mình. Những người đó không biết thêm rằng sách tiên chiến đã nhận chịu một khai tử khác. Khai tử này tự nhiên mà rút khoát gấp nghìn lần khai tử ở ngoài kia. Đó là cuộc khai tử của chúng ta. Đào huyết cho thơ văn tiên chiến còn là văn học nghệ thuật miền Nam. Tiểu thuyết, thơ văn tiên chiến không còn chỗ đứng nào trong đời sống tinh thần và nghệ thuật chúng ta nữa. Một thời kỳ văn học với những tác phẩm tiêu biểu của thời kỳ đó đã bị chúng ta khai tử. Vượt qua và bỏ lại. Rời khỏi và đi tới. Khai tử này mới đích danh là khai tử của nghệ thuật. Nghệ thuật mới làm chết nghệ thuật cũ. Như một thời đại mới không thể làm thành bằng những vang bóng một thời đại cũ. Khai tử này không cần phải có vì một lập trường chính trị nào. Nó là một tất yếu. Một quy luật. Nó phải có và đã có từ ngay những yếu tính cấu thành nghệ thuật chúng ta. Bởi vì nghệ thuật chúng ta là một thoát ly, một đoạn tuyệt, một lên đường.



bình xưa cũ. Không thêm. Mà trong những cái bình mới. Ta không đang làm cái việc chế biến, lược lấy cái này, bỏ đi cái nọ. Mà là cái áo ngắn cũn cỡn một mùa lạnh cũ đã thẳng tay ném nó vào một số tủ rồi, ta lớn như thời, mỗi ngày là một áo mới ta may, áo vừa mặc đã không vừa, lại may ngay cho mình áo mới.

Giữa cái công trường đêm ngày vang động những tiếng búa thi nghiệm thường trực này, còn làm sao dành được một chỗ đứng cho những công trình xưa, đã héo rũ và đã lên màu, ẩm mục? Vậy mà người ta còn muốn trồng cây vào vùng đất đai, sinh động này những thân gỗ chết. Tác phẩm tiền chiến giữa cánh rừng xanh ngắt và chan chứa sinh khí tươi trẻ của chúng ta bây giờ, chỉ còn là như thế. Những thân gỗ chết.

### ● THƠ VĂN NÓI VỀ MỘT SỰ CÓ MẶT.

Những người không đồng ý với tôi về sự cần thiết phải có một thái độ dứt khoát quyết liệt đối với tiểu thuyết và thơ văn tiền chiến có thể nói rằng: trên thực tế thơ văn tiền chiến vẫn có mặt trong sinh hoạt tinh thần và đời sống nghệ thuật chúng ta. Và điều này rõ nhất trên địa hạt thơ. Rằng, mặc dầu đã có thơ tự do, chúng ta vẫn còn nhắc tới những bài lục bát của Lưu Trọng Lư và Huy Cận. Rằng những vần thơ ngợi ca tuổi trẻ và tình yêu của Xuân Diệu ngày nào trong tập Thơ Thơ, trên thực tế vẫn chưa phải là những vần thơ đã bị nhận chìm hoàn toàn xuống một đáy hồ quên lãng. Rằng ta còn viết về Nguyễn Tuấn, Hồ Dzếnh. Rằng ta còn ngâm Nguyễn Bình, Hoàng Cầm. Điều này đúng một phần nào. Thơ văn tiền chiến tới nay chưa hoàn toàn mất hẳn. Nó còn thấp thoáng đâu đó. Nó còn mơ hồ đâu đây. Nó vẫn còn trở về trong mỗi chúng ta bằng sự trở về đó của kỷ niệm, hồi tưởng, thói quen và trí nhớ. Và nếu đã hết là một tiếng động, nó còn là một tiếng vọng. Đã thôi là một ảnh hình rực rỡ chói lóa trước mặt, nó còn là một hình bóng đôi khi phảng phất trong tâm hồn và rung động chúng ta. Nhưng một cõi thơ nào nếu chỉ còn là kỷ niệm, thói quen và trí nhớ, cõi thơ ấy chỉ còn là một cõi thơ phai tàn hấp hối. Nó chưa chết hẳn, nhưng chính là đang trút thoát ở nó cái lượng sống cuối chót, cái hơi thở cuối

cùng. Những mái tóc rũ rượi ấy còn cố gắng ngoi lên. Nhưng chính là tay chân đã buông xuôi và thân thể đã nằm xuống. Trong một không khí văn học ngột ngạt, thiếu sinh khí, mỗi một, bế tắc và cùng đường, chắc chắn là như vậy, thơ văn tiền chiến sẽ sống lại. Thất bại trong những bước chân sáng hồng tiến về trước mặt, tất yếu là người đi đường sẽ lùi lại sau lưng. Xa cái mới, ta sẽ về cùng cái cũ. Nếu xã hội ta, tâm hồn ta, ý thức ta được cấu thành trong những điều kiện và hoàn cảnh y hệt với điều kiện và hoàn cảnh tiền chiến, Thơ Thơ, Lửa Thiêng tất nhiên vẫn là những tập sách gối đầu giường. May mắn thay là mười lăm năm đã qua, và bây giờ thì chúng ta không phải ở gần cái mới, mà hơn, đã nằm trong cái mới. Trời ta, đã hết sáng những đời sao cũ. Biển ta, những diêm lân tinh lấp lánh ngày nào đã chìm nhòa vào bóng tối và đêm. Ta đã sống rất hôm nay, cho nên nói cái tiếng nói bây giờ. Ta đi giữa ngày, hát lời ánh sáng. Ta bình minh nên thơ phải là thơ mặt trời giữa ngực, mà thơ không thể là vầng trăng ngột ngạt sau lưng. Thơ văn của chúng ta bây giờ đã quay hẳn về một chiều hướng khác, đối nghịch với mọi chiều hướng tiền chiến. Mặc dầu những bất đồng và những dị biệt, mặc dầu những cái chưa thành hình, mặc dầu những cái còn thử nghiệm, ta đã nhận định được với nhau một điều này là văn học nghệ thuật ta bây giờ phải được nói về chúng ta, đời sống chúng ta, nếu không nó sẽ chẳng nói được gì hết. Những vấn đề đã được đề cập tới trong nghệ thuật tiền chiến không còn là những vấn đề của chúng ta hôm nay. Mà cái vấn đề lớn nhất của chúng ta bây giờ trước-sau vẫn là phải làm sao đoạn tuyệt được hoàn toàn với những ám ảnh và những tàn tích quá khứ. Cho một nền văn học muốn tiên phong và cách mạng, muốn ý thức và muốn tự do, trước mọi thực hiện, công tác chặt đứt những trói buộc cũ phải được đặt lên hàng đầu, bởi cái lẽ giản dị là chúng ta muốn đi lên và chúng ta đã chặt đứt. Thơ văn ta bây giờ là một đánh dấu rực rỡ cho sự có mặt, sự đi qua ghê gớm của con người trước sự vật. Nó hàm chứa trong nó một lay chuyển tận cùng, chuyển chỗ trong nó một sức xô ngã mãnh liệt. Trong những cái bị xô ngã, — tôi nhấn mạnh, đã bị xô ngã — có thơ văn tiền chiến.

mai thảo

# PHẠM THIÊN THƯ

## đóa cảm hồng tịch mặc

như đóa cảm hồng trên mười ngón tay  
 như bức thủy hoa trên khung tường tối  
 như bây giờ đốt thuốc nằm im  
 kỷ vật cuối cùng một niềm tiếc nuối

trong thăm thẳm lốc mù kỷ ức  
 em hiện lên  
 và hào quang  
 và mặt trời  
 và tiếng chim — tịch mặc

anh lớn dậy cuộc luân vũ trần trường  
 trên một vùng sao khuê  
 cây huyền cầm — và tâm gian cầm thạch

khúc hát mở đầu trên mắt thủy họa  
 qua lửa rừng thảo hồ  
 gã thủy thủ bỏ đi — cơn mộng du trên biển

như con lạc đà về jésusalem  
 không mang theo tội lỗi  
 anh mở ngõ hình hài  
 đón em và trăm con nhật nguyệt

anh đốt thuốc nằm nghe thân thể mưa rừng  
 khúc hát mùa đông trầm cung bémol  
 những ngày mặt trời bỏ quên túi áo

anh tiêu tiện trên cây cỏ đồng  
 cho cuộc đời xanh tốt  
 và giả tưởng loài người  
 hiện thân con rắn lục

dong xe đón đưa hai cỡi tuyệt vời  
 trọn phiên ế khách  
 cùng mặt trời — con ngựa mỗi trên xe  
 anh kéo theo khúc ca tụng muông thú

như một bóng hồng trên môi cười khô  
 như một bóng mưa đầu và sa mạc  
 như dấu cảm ngọc từ giữa mặt trời  
 trên kẽ tay lơ

## mưa từ vòng ngọc

thời mình về nhé thiên thư  
 chợt nghe mây trắng phiêu từ tóc bay  
 với em trọn một phiên ngày  
 con xe gỗ chợ cũng lay bánh buồn  
 thừa anh gió nội mưa nguồn  
 thân chim còn nhớ què hương mặt trời  
 hồ như mắt biếc lệ người  
 cũng nhe vòng ngọc tay ngời đồ sương  
 tóc bờ lệ suối hoa hương  
 trăm con máu lũ về nương nấu mình  
 sương un cột chợ ga tình  
 cơn mây phố bến với mình một mai  
 ngọc từ tây núi nghiêng vai  
 còn nghe áo trắng thừa vài tiếng chim

phạm-thiên-thư

niệm của riêng mình. Tôi có những hãnh diện lạ lùng về đời sống, về tâm hồn, về tính nết tôi, mặc dù, chung quanh tôi, không ai có thể cùng chung một quan niệm đó. Tỷ như khi tôi yêu chàng, không phải tôi chỉ yêu những gì đã có, đang có, đang có ở chàng (trong đó, tôi quên nói, có cả một chuỗi dài những lỗi lầm, những hư hỏng), tôi còn yên cả những cái mà tôi cho rằng tôi sẽ đem lại cho chàng nữa. Tôi ví chàng như một ngôi nhà hoang phế, đồ nát. Một ngôi nhà, không còn gì, nếu có thể nói thế, ngay đến cả chiếc nền nhà cũng phải được làm móng lại. Và tôi hãnh diện, tôi kiêu căng mãn nguyện với ý nghĩ, tôi sẽ làm lại ngôi nhà đó. Tôi sẽ xây đắp lại nó. Tôi sẽ đem hết cả tâm hồn tôi, trí lực tôi thổi vào cho nó một sức sống, một hơi thở, một rực rỡ được nhìn thấy trước, ở mai sau. Bẩm sinh tôi vốn không phải là kẻ dễ dàng chấp nhận mọi làm sẵn, tôi muốn mọi trật tự, mọi ngăn nắp phải do chính tôi hay có sự tham dự tích cực của tôi trong đó.

Đấy chính là lý do, tại sao tôi chọn chàng, như một thử thách, một chứng minh sự có mặt của chàng cùng giá trị (cái giá trị, theo quan niệm của riêng tôi) làm người.

Chàng dịu tôi lên nốt những bậc thang còn lại. Lúc này, tôi thấy mình sưng mềm như một sợi bún (tôi thường thế đó, sau những nụ hôn của chàng). Đứng trước tấm màn nhung thẫm, tôi giữ tay chàng lại. Đột nhiên tôi không muốn mình ngồi ở đầu hay cuối một hàng ghế nào đó với bóng tối vây quanh và hình ảnh nhảy nháy ở phía trước. Tôi sợ, tôi sẽ không cầm được nước mắt khi ngồi xuống một trong những chiếc ghế đó (mà ngay giờ phút này, tôi cũng đã đang muốn khóc rồi đây). Chàng đặt tay lên vai tôi, yên lặng. Một lát sau, chúng tôi quay trở xuống, ra về. Lần này, trên những bậc thang hẹp, tôi ở chỗ gầy khúc của chiếc cầu thang, chàng không giữ tôi lại, hôn. Chúng tôi đi tuột, từng bước, cho đến khi thấy được con đường đang trong cơn mưa, và dãy mái hiên, bên kia lẽ, lỗ nhỏ, những người cùng xe đang trú ẩn.

Tôi kéo chàng băng qua lộ. Sang đến bờ kia, hè phố, chàng giữ tôi trong một mái hiên nhỏ. Chúng tôi cùng nhìn thấy những hạt mưa lóng lánh trên tóc nhau. Chàng rút khăn thấm đi cho tôi những giọt mưa đó, nói, em không bao giờ có thể đẹp

hơn trong cơn mưa với những hạt long lanh, bám dính trên mặt và tóc, nhưng anh không thích cái đẹp của ảo tưởng, của những giọt nước mong manh. Chúng ta đã sống trong những ảo tưởng ràng buộc đó nhiều quá rồi. Anh muốn lúc nào cũng được nhìn em với mái tóc rom khô, với những nét thô sơ chân thực của khuôn mặt gằn sát... Đang nói, bỗng chàng chỉ một cô gái đang bơi com ra bát, cho những người ngồi quanh một chiếc bàn ăn lớn, trong ngôi nhà bên kia đường, dáng điệu cô ta dịu dàng, hiền thực. Chàng bảo, em thấy không (tôi gật đầu), một hình ảnh đẹp đấy chứ. Nhưng đó không phải là vị trí cố định của cô ta. Tới một ngày nào, cô ta phải tự chọn lấy cho mình một vị trí khác, trong một khung cảnh khác; và khi ấy, vai trò của cô ta, sự cần thiết bây giờ, sẽ có một tầm vóc khác, lớn lao hơn, ý nghĩa hơn và cũng cần thiết hơn thế nữa. Cô ta sẽ để lại một chỗ trống, một khoảng khuyết thiếu, và có thể thêm, một oan giận cay nghiệt, của những người còn lại. Nhưng cô ta không thể khác, nếu quan niệm sống là đi tìm soi đời mình, cũng là một phần quan trọng của ý niệm hiểu đời.

Tôi hiểu chàng muốn nói gì. Tôi không bày tỏ một ý kiến nào, tôi chỉ nói, thôi cứ đi đi anh, mưa thế này, biết bao giờ mới tạnh được. Không lẽ đợi hoài. Rồi tôi kéo chàng men dọc theo lề phố.

Tôi ngã tư, gió thổi mưa chạy dọc ngang hỗn phía lộp lộp hơi nước làm tôi mờ mắt, không nhìn rõ đường, nước mưa bắt đầu ngấm lạnh vào da thịt tôi. Tôi nghe từ trong tôi, niềm thống khoái từ đầu kéo tới, cùng dạt dào, kín khít như cơn mưa, trong bầu trời.

Tôi xăm xăm bước tới, giữa khi bên tai có tiếng ai kêu hốt hoảng (nghe thoáng thoáng, như tiếng chàng) cùng tiếng chân đuổi theo bùng bực trên mặt đường, nước.

du tử lệ

# NGUYỄN QUANG HIỆN

## nhân bản mới của thơ

Trong vấn đề văn học thuần túy, không có sự ổn định giá trị theo tiêu chuẩn thời gian, nhưng vấn đề thời gian lại nêu lên một mối liên quan đặc biệt và chính yếu cho sự biến chuyển của văn học. Người ta nói thực tại xã hội, trên một phương diện là một cái gì bất biến, vì nó hằng cửu trong thời gian và nó tồn tại trong mọi hình thức xã hội, phong kiến hay tư bản, cộng đồng hay riêng tư, nhưng đồng thời nó lại biến đổi theo sự biến chuyển của toàn thể xã hội, không phải trong phần yếu tính của nó, mà vì nó nhuộm hình thức mới, và mang những sắc diện mới của thời đại nó được thể hiện. Trong lãnh vực thi ca, mối liên lạc giữa cơ cấu xã hội, cơ cấu tâm linh và sự biểu hiện thi ca, có lẽ lại được thể hiện một cách tinh vi và khó nhận ra hơn hết. Phải hiểu thơ ở đây như phần tinh túy, cái phần tinh lọc của hoạt động tâm linh, nên dù dưới hình thức nào, dưới sự biểu lộ nào cũng mang dấu tích tất yếu nhất của tâm linh. Nếu thơ tự do, một hình thức đương thời của thi ca, có thể bị coi như sản phẩm của một nỗ lực tách biệt với hoạt động xã hội, (tạm thời tất cả các hoạt động nhân loại đều gọi là xã hội), chúng ta sẽ phải tìm ra và nhận ra rằng, không phải đó là một mưu toan hoàn toàn của một phản ứng có điều kiện (nếu có, chỉ trên một phương diện), mà sự thực nó lại nhuộm đầy thực tại của một nhân bản xã hội mới.

Một cách tổng quát, cơ cấu sinh hoạt xã hội bao giờ cũng bao gồm tất cả các khía cạnh của các hoạt động khác, cơ cấu ấy làm nền móng cho mọi hình thức phát biểu của tinh thần. Lấy ví dụ như khuynh hướng lãng mạn của thế kỷ thứ 19 của Pháp,

cơ cấu tinh thần xã hội đó tổ chức trên nền tảng Duy lý (Rationalisme), (ít nhất đó cũng là một thời kỳ thịnh hành của Triết học Descartes). Trong tinh thần ấy liên quan giữa sinh hoạt xã hội, cũng như liên quan giữa sinh hoạt tri thức và văn học với sự biểu hiện của văn chương là sự biểu hiện của khuynh hướng lãng mạn. Khuynh hướng lãng mạn trong nghệ thuật ngoài và truyền tục của nó vì nội dung của sự lãng mạn cũng hướng tới bề ngoài lãng mạn.

Trong thời kỳ hiện tại, không phải sự lãng mạn đã biến mất, nhưng vì trong xã hội chúng ta, sự lãng mạn đã được phát hiện bằng những phương thức khác, hoặc ít duy lý hơn, hoặc nhiều duy lý hơn. Có lẽ xã hội hiện đại ít sản xuất và không hướng tới việc sản xuất ra những cuộc tình kiểu Graziella, kiểu Lan và Điệp hay xa hơn kiểu Roméo et Juliette, nhưng trên khía cạnh nào đó, những đặc tính ấy còn tồn tại, sự tồn tại nằm trong cơ cấu tâm linh và đưa tới những phương thức biểu hiện mới của văn chương tùy theo hoàn cảnh xã hội.

Vậy trong tiến trình của tư tưởng, cơ cấu tâm linh tương ứng với cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội là một chu trình dài theo những định luật tự nhiên của tiến hóa. Định luật này lôi kéo nội dung của cơ cấu xã hội trong phần linh động của nó, và như vậy biến đổi cùng một lúc với cơ cấu tâm linh. Nếu sự lãng mạn được chấp nhận bởi mọi thế hệ vì nó là đặc tính nhân loại, nhưng sự lãng mạn lại được biểu lộ theo những phương cách khác nhau vì bắt nguồn từ những cơ cấu khác nhau. Không phải sự lãng mạn của Roméo et Juliette ở mức độ cao hơn hay thấp hơn sự lãng mạn của những *Héros-existentiels*, mà chính vì cơ cấu xã hội và cơ cấu tâm linh của xã hội thời *Shakespeare* đã chấp nhận tức khắc hình thức lãng mạn ấy một cách tự nhiên, cũng như chúng ta chấp nhận sự lãng mạn của các nhân vật văn chương hiện đại một cách tự nhiên, không phải trong ước lệ biểu lộ mà ngay trong nội dung việc biểu lộ.

Tạm ví dụ, sự biến chuyển của cơ cấu xã hội trong một phạm vi xã hội, có trước sự tương ứng của cơ cấu tâm linh, nói rõ hơn, cơ cấu tâm linh như một phản ứng có điều kiện đối với biến chuyển xã hội, trong trường hợp này, nếu sự phản ứng trong cơ cấu tâm linh trì trệ hoặc cố tình ngưng đọng, thì hình thức phát



biểu trở nên lạc hậu. Nếu một số công chúng một phần nào đó đã không chấp nhận được những biểu lộ mới của thi ca hiện đại trong phần chính yếu của nó, thứ nhất vì những phạm trù tưởng và những nguyên tắc của thời đại văn học trước còn ám ảnh họ, sau nữa, vì cơ cấu tâm lý của họ không phản ánh đầy đủ những dữ kiện xã hội của cơ cấu xã hội mới, cơ cấu tâm lý ấy đã không tương ứng với cơ cấu tâm lý của những phần tử trưởng thành trong khối đầu thời kỳ văn học mới. Đây chỉ là một vấn đề sự kiện vì suy rộng hơn, cơ cấu tâm linh và cơ cấu xã hội dĩ nhiên không bên nào có trước mà lôi kéo nhau phản ảnh hỗ tương nhau, cho nên sự biểu hiện của thơ có dấu tích ý thức, không những của thời hiện tại mà còn hướng tới những mảnh đất của xã hội mai sau.

Có lẽ độc giả bây giờ nếu có hồ nghi, sẽ hồ nghi trước một bài thơ từ tuyệt tả tình tả cảnh một cách mực độ (kiểu Trương Phổ) hơn là trước một bài thơ trong đó nhận thức được phát biểu một cách sống (cru) và bất thần (spontané). Vì không phải sự biểu lộ đó giống như thời trang, mà hình như nó có một cái gì tương ứng và thích hợp với nội dung tâm linh của họ hơn một hình thức khác. Nói như vậy, không có nghĩa giải thích một việc theo một sự kiện đã rồi của nó. Thơ không bao giờ ngừng lại trước một sự đã rồi, theo một nghĩa tích cực, thơ hướng tới tương lai và qui định hình thức nhân bản của xã hội tương lai, thơ như một dự phóng vừa tinh cò vừa suy nghiệm dựa trên những dữ kiện đời sống. Nếu một nhà thơ thu nhận các dữ kiện của đời sống một cách hết sức tổng quát bao gồm các địa hạt sinh hoạt trong một mực độ sâu xa của một chuyên viên, thì những sự phát biểu của nhà thơ đó sẽ có thể có một tác dụng sâu sắc hơn và tinh xác hơn về xã hội mới. Trường hợp này, thơ có thể như một bộ máy thời gian đi tìm các đời sống dĩ vãng trong phạm vi tiêu cực, và hướng tới sự thâm sát tương lai nhân loại theo một khuynh hướng cấp tiến hiện tại, vì không phải thơ chỉ nhằm mô tả, nhưng nhằm mô tả và diễn đạt sự vật, thứ nhất, theo tính chất không ước lệ của nó, thứ hai, theo việc phóng theo sự tiến hóa của nó. Tính chất không ước lệ có lẽ đã biểu lộ một cách rõ rệt hơn, vì gần như hầu hết các thi sĩ hiện đại đều nhằm coi trần các sự vật đã được mặc vào bởi các thể kỷ văn chương trước.

Người yêu bây giờ không nhất định phải cài trâm cho những buổi gặp gỡ, mà có thể u buồn vui tươi theo một hoàn cảnh không cố tình bình dân như phái hiện thực xã hội cũ, nhưng nét mặt và thần xác của họ nguyên vẹn trong một hoàn cảnh nào đó, của một cô Liên cô Vân nào đó, không cần có một lý lịch và một điều kiện nhất định. Họ không còn phải gặp gỡ nhau trong một khung cảnh mùa xuân, mắt người yêu đẹp như hồ thu rồi ngồi đợi nhau trên lầu hồng bên mảnh trăng sầu, mà có thể ở trong một khung cảnh bàng bạc hay xấu xí khác. Có thể chỉ như một ngày nào đó, bầu trời xầm hay quang đặng, giống như những ngày tháng của các năm trước, nỗi vui mừng hay sự trống rỗng ấy không cùng, ẩn trong đó cái vẻ gì tro gan của đường phố cũ nát hay mới kiến thiết lại. Vì người ta thường liên quan với đời sống bằng những điều nhỏ nhất, có thể tất cả giống như một vùng mây đục trong giấc ngủ chập chờn.

*Em ngủ giấc em hay đầy mộng mị*

*Cuộc đời dằng sau dằng trước trong như pha lê.*

Tất cả những dấu tích toàn thể của đời sống đều phải được chuyển đạt không bỏ con người lại phía sau trước khi lên sân khấu, vì sự thực họ đang diễn xuất tại chỗ, « sân khấu ngay ở chỗ hân dưng ». Người làm thơ đã dựng lên khung cảnh có thể được, và trong đó, người đóng vai có thể giống như một người khác không cần xuất sắc hay xuất chúng mà còn có thể biểu lộ đầy đủ những yếu điểm riêng. Nhưng khi ấy, người ta bỗng thấy các nhân vật đã toát ra một bộ mặt mới dù cổ che dấu vẫn để lộ ra đầy đủ, một bộ mặt mà các nhà, văn học hiện thời muốn diễn đạt qua nền văn chương phi lý, nền triết học phi lý (philosophie de l'absurde). Người ta không khẳng định rằng tất cả các nhân vật văn chương và thi ca đều đã diễn đạt, chủ quan của mình qua mạng lưới phi lý, không phải tất cả những người thơ, làm thơ và đọc thơ, đều bị nhiễm lý thuyết phi lý, nhưng mà vì thời đại chúng ta sự phi lý đã bao trùm lên sinh hoạt một cách bao quát hơn hết, và cũng đã được diễn đạt qua những nhà văn học chủ yếu của thời đại bởi những lý thuyết có hệ thống hơn bao giờ hết. Nói một cách rộng rãi hơn, không phải hệ thống văn chương đương thời đều thấm đậm tinh cảm phi lý, không phải nhãn quan của các tác giả đều bị xô đẩy bởi tinh cảm phi lý mà vì tiếng nói của văn chương

hiện đại, nhất là thi ca, đều được nói lên bên cạnh những thực tại phi lý của xã hội, của thế giới, và của biến chuyển tư tưởng con người. Các nhà thơ hiện thời không phải là phát ngôn viên của lý thuyết phi lý, nhưng là phát ngôn viên của một thực tại xã hội nào đó, mà ở phần thâm sâu của nó lại hình như đã nhiễm một đặc tính là sự phi lý. Có thể một nhà thơ đã cùng một lúc không cảm thấy một điều gì giống như sự phi lý, nhưng sự diễn đạt chủ quan của mình xuyên qua các thực tại xã hội và tâm lý của thời đại, bỗng thấy đã bao bọc và phảng phất một không khí phi lý. Điều này cũng có thể do phần nhận ra của người đọc qua sự diễn đạt vô tư và khách quan của các nhà thơ. Dĩ nhiên, sự phi lý đã có trước thời đại chúng ta trước khi lý thuyết và sự phi lý xuất hiện. Vì trong thực tế sự phi lý đã không phải có từ khi anh Roquentin nhìn xuống đất thấy cái rễ cây, mà chắc chắn từ một số đông đảo nào đó đã từng tham gia các trận đánh của đại chiến thế giới thứ nhất, một thời gian yên ổn tạm thời, rồi lại những trận đánh lớn của đại chiến thế giới lần thứ hai, rồi sau đó tới những viễn tượng của một cuộc đại chiến khác chắc chắn rộng lớn và quy mô hơn, mực độ giết người cũng quy mô và nhanh chóng hơn. Sự phi lý bắt rễ từ những thực tại chính trị và xã hội, đã lây từ thế hệ này qua thế hệ khác với những ảnh hưởng khác. Có lẽ chưa bao giờ vấn đề siêu hình lại được biểu lộ trong văn chương của thời đại chúng ta như hiện thời. Vì con người đang bị đặt trước một lỗ trống khủng khiếp của không gian vô tận của mục đích sinh tồn với sự khai phá dần dần của khoa học và kỹ thuật đang có tham vọng đặt chân vào những lãnh vực chuyên hữu và xa xôi khác. Nói một cách khác, sự phi lý nếu có thể coi là một đặc tính của thời đại thì đặc tính đó đã có ngay từ sinh hoạt toàn thể của thời đại chúng ta, bởi những gì liên quan tới cơ cấu tổ chức của mọi hoạt động xã hội của chúng ta, mà thi ca chỉ diễn đạt nó bằng con đường ngắn nhất khi nó phát xuất từ cơ cấu tâm linh của một đông đảo con người thời đại chúng ta. Như vậy, phi lý là một tình cảm chung, đã phát hiện sau những biến động xã hội, những biến động ấy đã in dấu vết vào văn chương mà thi ca đã cảm thấy và biểu lộ nó một cách vô tư và tinh vi hơn hết theo như tổ chức cơ cấu của nó.

Một điều khác, như người ta thấy xưa kia các nhà thơ đã

chỉ làm một nhiệm vụ trung gian giữa nhạc sĩ và tư tưởng gia. Âm nhạc và tiết điệu đã có sẵn trong một thể tứ tuyệt hay lục bát nào đó mà thi sĩ chỉ cần xử dụng tình cảm để phổ một số những tư tưởng vào đó. Trái lại các nhà thơ hiện giờ xử dụng ngôn từ một cách tự do và tự ấn định cho nó một hình thức, nghĩa là đã soạn lấy âm nhạc cho bài thơ của mình, một thứ âm nhạc riêng cho mỗi bài thơ và làm sao cho phù hợp với nội dung diễn đạt. Vậy thi sĩ hiện giờ đã một lúc làm nhiệm vụ của một nhạc sĩ và tư tưởng gia trong khi các thi sĩ thời xưa chỉ giữ vai trò trung gian. Nói như vậy có nghĩa thi sĩ bây giờ ra khỏi vùng hệ thức cũ, tới một khung cảnh rộng rãi hơn trong việc diễn đạt chủ quan của mình. Chính vì được tự do, nên sự diễn đạt mang nặng chủ quan hơn, mà cái chủ quan ấy lại là một nỗ lực hà khắc để đạt được một cái nhìn khách quan tới một mực độ có thể được. Thi sĩ hiện giờ đã nhìn sự vật như chính nó, và làm cho thơ thành những vật tự thân (chose en soi). Nếu có sự ghi chú, thì phần đó sẽ dành cho người đọc mà thi sĩ chỉ nêu lên sự kiện như chính nó có thể đạt được.

Người làm thơ của thời đại chúng ta, trong phạm vi chủ quan, đã cố gắng loại bỏ những yếu tố của chủ thể để tìm một thông cảm, để tự xóa vào khách thể, hay tinh vi hơn nữa để xác định một chủ quan tính trong một phạm vi nhất định trước khi quan sát sự vật, và loại bỏ những gì phụ thuộc cho sự quan sát đó. Từ một cố gắng bác khước những ước lệ của cách quan sát trong dĩ vãng; người làm thơ hiện giờ quan sát sự vật như một khách du đến một thành phố lạ, một miền đất lạ, không cần biết những nơi này đã cư ngụ những thành phần nào đã cư xử theo kiểu nào và không cần biết sự liên quan giữa sự vật và kẻ quan sát trong dĩ vãng như thế nào. Khuynh hướng này trong phần nội dung của nó đã gần với cách cấu tạo tinh thần của xã hội tương lai, vì một xã hội nào đó mai sau khi đã tổ chức rành rọt tất cả các sinh hoạt, kể cả sinh hoạt cá nhân, sẽ đưa đến sự thu hẹp hoàn toàn sáng kiến cá nhân. Sự thu hẹp triệt để sáng kiến cá nhân có nghĩa xã hội đã được bày đặt và được nhìn bởi con mắt khách quan triệt để. Con người trong thời đại chúng ta vì vậy có thể được nhìn như một người khổng lồ nhưng đầu óc

trống rỗng. Hắn đi ra biển nằm, vốc nước biển uống, rồi lại trở về đồng bằng và thành phố và như vậy đã tiêu mất một ngày trong vô ý nghĩa, và năm tháng cũng như thế tiếp theo. Con người này có lẽ chính là hình dáng của con người mai sau khi mà kỹ thuật đã len lỏi vào khắp các ngõ ngách của cuộc sống.

Như vậy, người ta thấy rằng thơ bây giờ đang khước từ những hình dung từ đề chỉ một hiện trạng mà xử dụng những danh từ đề ấn định nó, như chính là nó. Cũng như xưa, người ta dùng kính viễn vọng để quan sát một địa điểm thì ngày nay, người ta đã đặt chân tới và nhìn nó bằng con mắt thật. Cũng như xưa người ta chẳng thể thưởng lãm một cách nồng nàn tranh của một Vangogh, hay trường thiên của một Joyce một Proust thì thời đại chúng ta hiện nay đang đứng ở miền đất đó.

Nói tóm lại, thơ bây giờ đang nhằm chuyển đạt một nhân bản của một xã hội mới, một xã hội đã và đang biến đổi từ hình thức đến nội dung, xã hội ấy mang định chế và cơ cấu mới, cơ cấu mới ấy mang dấu vết tâm linh của những người thu nhận, trưởng thành và diễn đạt mới. Đó là cái nhân bản của những liên quan xã hội đã bóc dần ược lệ, đã khai phá dần dần những vùng hoang sơ trong tâm linh nhưng sau cùng cái phần đó lại đầy dấu tích của cơ cấu xã hội hiện tại. Trong một khía cạnh của vấn đề này, nếu có thể nói văn chương như một triệu chứng của xã hội, một cách tổng quát, và trong phần tinh túy, như một đòn bẩy phóng vào tương lai, thì ta có thể nghĩ rằng thơ là những loại phi thuyền đặc biệt để cho chúng ta đặt chân tới những vùng đất của con người mai sau vậy.

**nguyễn quang hiện**

tháng 5.69

# SƠ DẠ HƯƠNG

## hoài niệm

Tìm cách nhớ rồi viết những ngày mới quen biết thành phố. Thời thơ ấu trong một thành phố và tuổi niên thiếu trong một thành phố khác. Những ám ảnh liên quan đến — có tính cách — thời tiết, khí hậu. Những năm khổ cực khi mới di cư vào Nam, miền đất xa lạ, quyến rũ.

Xa lạ, quyến rũ : Trong những năm học Tiểu-học ở trong những căn nhà sàn giữa rừng vùng thượng du Bắc Việt (khi phải tản cư chạy giặc Pháp, cả gia đình rời khỏi vùng châu thổ sông Hồng chạy sâu vào chân dãy núi Ba Vi, rồi chạy ngược lên vùng Tuyên Quang, Phú Thọ) hay tại trường làng (khi đã hồi cư trở về sống trong vùng đất Tề (cho đến bây giờ cũng vẫn chưa hiểu tại sao vùng đất chịu sự kiểm soát của những đồn bót do quân đội viễn chinh Pháp hay do đám lính bảo chính mặc bộ đồ màu vàng, trấn đóng, lại có tên là vùng Tề) hay trong những năm học đệ thất, đệ lục bậc Trung-hoa tại Hanoi — Trong những bài học địa dư, sử ký hay trong những trang giấy tiểu thuyết xuất bản ở trong Nam, tất cả những lời nói (đối thoại) chữ viết, cách hành văn, những tán thán tự, (chẳng hạn như quá xá, quá trời, bỏ người ta !...) những danh từ riêng chỉ tên đất, tên sông ngòi, tên người, những Tôn thờ Tường, Phan văn Trị, Đồ Chiểu, Phan Thanh Giản, ba tỉnh miền Đông rồi ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (hay ngược lại), những năm Nam bộ kháng chiến, những trận đánh mười tám vườn Trầu, Hỏa hồng Nhựt Tảo, tên những đường phố của Saigon (ở bìa sau của những cuốn tiểu thuyết, thường là địa chỉ của một nhà xuất bản, một nhà sách) tên những phim, những rạp chiếu bóng (đọc được trong những tờ nhật báo Thần

Chung, Tin Điền bày tại phòng thông tin gần bờ hồ Hoàn Kiếm) tên những trái cây, những mùi vị tưởng tượng sẽ nếm qua, những hình thù tưởng tượng sẽ trông thấy, cùng với những thanh âm thật lạ tai, khó hiểu, buồn cười, những qua qua, tui tui khi nghe (khi đọc) Hồ Biểu Chánh (Ngon cổ gió dừa, Bơ Vơ, vv...) Huỳnh Tịnh Của (chuyện giải buồn) Đồ Chiểu (Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga) Phú Đức (Hiệp Phố Châu Hườn), một tác giả cùng với một số tác phẩm từ một miền Nam xa tít, mù mịt (miền Nam của những rừng cao su, đất đỏ như máu (lênh-đênh trôi giạt ra tận đây, lẫn lộn trong đám tiểu-thuyết quen thuộc, dễ đọc, dễ hiểu của Lý Ngọc Hưng (Giao Tri ngọc nữ, Bồng Lai hiệp khách), Ngọc Cẩm (Dao bay) Trần Văn Quý (Lão già đeo kính đen) Phạm Cao Củng (thảm tử Kỳ Phát, kho vàng nhà họ Đặng, Chiếc tất nhuộm bùn), tiểu-thuyết Tàu (Thủy Hử, Phấn trang lâu, Tam Quốc Chí, Tái sinh Duyên...) và sau này, những cuốn tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn đoàn, Thế Lữ, Nguyễn Tuân, Song An, Hoàng ngọc Phách, những cuốn sách không phải mua nhưng đã được đọc (hay đã lén đọc được) bằng cách nhin ăn quà sáng để thúc ở trong một tiệm cho mươn ở ngoại ô Bạch Mai, một tiệm khác ở khu phố Huế, — Tất cả đám từ ngữ, nhân vật, khung cảnh, tất cả những cây cối, vườn tược, nhà cửa, sông ngòi xa lạ, bí ẩn, huyền hoặc đó sau cùng lẫn lộn, tan biến vào trong những giấc mộng phiêu lưu, giang hồ mạo hiểm, những giấc mộng do trí tưởng tượng vẽ vờ, thêu dệt mà bất cứ một đứa trẻ nào trạc tuổi đó đều ấp ủ, nâng niu và gìn giữ, chiếc thăm thần biết bay một lúc nào đó sẽ bay ngang qua xứ Saigon xa với vợ, (một trong ba điều ước của đứa bé có tên là tôi ngày đó như thế nào, bây giờ làm sao mà có thể nhớ lại được?...)

Cực khổ : Chị Hiền theo đám du kích vượt qua sông gia nhập kháng chiến (Bảo, đứa em trai út, sau này cũng bị đám du kích trong làng đang đêm vượt qua sông vì bắt mang đi làm nữ cán bộ, làm dân công tải đạn, lương thực lên tận Điện Biên Phủ, đình chiến, chị trở về quê trông coi căn nhà của bà nội và một vài sào ruộng còn sót lại (bà nội đã bán đi một số để lấy tiền nhờ hàng xóm mua dùm đồ ăn thức uống, trong khi hai đứa con trai của bà, một đã mất tích, chắc đã chết — cha tôi — đứa còn lại, bác giáo Thái, giáo viên tiểu

học, tản cư chạy theo kháng chiến, dạy học tại một trường tiểu học ở vùng Phú Thọ, cùng với cả gia đình gồm có vợ và đứa con gái độc nhất, chị Phúc, bà nội chết khi không có một người thân thích, không có một đứa cháu nào ở gần bên (chị Hiền theo kháng chiến, Bảo bị bắt mang đi sau này được trao lại cho bác giáo Thái, tôi theo bác giáo Thái đi học, rồi sau đó trở về Hà Nội, Sĩ, đứa em trai thứ nhì, sau này chết, tử trận, ở trong Phú Hữu, nhà bà Hàn) hàng xóm nói là do bệnh nhưng bây giờ tôi nghĩ chắc không phải, hoặc đó chỉ là một nguyên nhân phụ, có lẽ bà nội đã chết doí đúng vào thời gian có đình chiến, tất cả đều nhốn nháo, hàng xóm lớp lo chuẩn bị di cư, lớp lo tìm cách ở lại mà không bị kết tội theo giặc, trong khi đó bà cụ già bị bệnh bán thân tê liệt, không thể đi đứng, cử động được, suốt ngày nằm một chỗ, đã bị chết vì vô tình bị lối xóm bỏ quên, không nhớ tới, quên không chạy qua để mang cho một chén cơm, cho uống dùm một ly nước), sau cùng chị Hiền kết hôn cùng một cán bộ đảng và nhận tin xuống Hải Phòng thì không thêm nhìn mặt mẹ và hai đứa em trai đã ngu ngốc di cư vào Nam. Đám quyến thuộc dắt diu nhau vào Nam gồm có : gia đình bà Nghị ở Phú Hữu, (bà Nghị, người đàn bà ngày trước đáng lẽ đã kết hôn cùng với bố, trong mấy anh em tôi, Sĩ là đứa được bà cưng nhất,) gia đình anh chị Hoạt (Anh Hoạt là một người đàn ông tính tình phóng khoáng, đã tham dự trực tiếp vào những biến cố hồi 1945, đảng viên VNQDD, một trong những người cuối cùng rời khỏi thành phố Hà Nội khi quân Pháp tới, theo kháng chiến — hợp tác với Việt Minh — như là một gã phá hoại, một tên phản động nguy hiểm, bỏ kháng chiến trở về Hà Nội, làm công chức thuộc sở thông tin, chúng tôi — tôi và hai người con bà Nghị, một trai, một gái — đã sống ở trong gia đình anh trong những ngày ở Hà Nội, mẹ tôi và bà Nghị tất cả đều theo lời khuyên của anh cùng di cư vào Nam). Chị Hoạt thối xối, bà Nghị bán bánh cuốn, mẹ tôi bán miến gà, để sinh sống. Anh Hoạt bỏ nghề công chức ra làm báo, bị bắt mấy lần vì những bài báo do anh viết. Nghề bán miến gà không đủ để nuôi sống cả ba mẹ con, anh Hoạt nhận lo cho tôi ăn học, Sĩ đến ở nhà một người quen — một gia đình có liên hệ họ hàng với anh Hoạt — (anh Hoạt chỉ là anh rể của lũ chúng tôi, một người chị họ của chúng tôi, chị Giậu, là vợ của anh Hoạt) như một gã tiểu đồng cho người chủ của



*noi tác phẩm hần.* Nhà văn viết nhưng đến lượt tác phẩm hần tìm kiếm người đọc. Viết xong một cuốn sách nhà văn không còn thăm quyền gì. Hần chỉ còn là kẻ vắng mặt. Tác phẩm hần từ đây đã là một tiếng nói, một cuộc đời, một định mệnh thân mật và đồng thời xa lạ đối với hần, phát xuất từ hần và đồng thời quay lưng trước hần, nó chống lại hần nếu cần. Hần viết cho ai khi tác phẩm hần một khi hoàn thành hần đã không còn ở đó để trả lời, đề lên tiếng. Có thể khi viết hần nghĩ tới một quần chúng hay một thời đại nào đó nhưng tất cả mập mờ trong tâm tưởng hần, tất cả không mặt mày, tất cả luôn luôn tránh. Người (sẽ) đọc hần nhất thiết là kẻ vô danh, chưa xác định, không bao giờ xác định. Người viết không biết mình đang nói với ai và kỳ lạ thay trong điều kiện đó hần viết, trong điều kiện đó tác phẩm hần hoàn thành. Tác phẩm mai đây hoàn thành sẽ hiện hữu một cách tự tại. Người viết nên nó đã lui vào bóng tối. Người đọc nó tiếp tục ở trong bóng tối tiếp tục giấu mặt. Tác phẩm ngay trong sự hoàn thành của nó đã trở thành tác phẩm không người viết cũng không cả người đọc, hàm hồ thay! Nguyễn Du đã viết trong nỗi thắc mắc vô vọng về hình ảnh người đọc ba trăm năm sau. Dù ba trăm năm sau hay ba trăm năm trước, hình ảnh người đọc ở đây, kẻ khóc Tố Như, kẻ đọc Tố Như bằng nước mắt (cũng như Tố Như đã viết bằng nước mắt) đời đời là kẻ vô danh, hần chỉ hiện diện đầu đó lần khuất một nơi nào. Đọc giả là một hiện hữu có thật nhưng hần chỉ có thật trong điều kiện của sự vắng bóng. Như vậy đầu là tương quan giữa nhà văn và độc giả? Phải quan niệm cuộc hẹn hò của họ ra sao? « Kẻ nào gặp tôi sẽ giết tôi ». Phải chăng đó chính là thân phận của nhà văn. Hần tìm đến nhưng không bao giờ gặp, hần không chờ đợi một ai cái gì ngoài chính sự chờ đợi của hần. Hần viết cho tất cả mọi người, điều này cũng có nghĩa là không cho một ai. Hần viết, hần tìm đến mối tương quan với người đọc, với tha nhân luôn ở ngoài hần, xa cách hần: hần tương quan với chính cái bi ẩn, với cái khác còn là cái khác, với cái không thể tương quan. Tương quan giữa người viết và người đọc hay vô khả hữu của mọi hình thức tương quan. Tác phẩm văn chương, thực tại hàm hồ. Quan niệm thông thường vẫn cho người đọc người viết gặp nhau ở tác phẩm. Sự gặp gỡ kỳ dị. Gặp gỡ hay chỉ là ảo tưởng về sự gặp gỡ. Có chăng một sự cảm

thông giữa người viết và người đọc. Hay người ta chỉ cảm thông trong bóng tối của tư tưởng. Người ta không thể quan niệm một cách đơn giản rằng một cuốn sách là cái gì được viết ra và sau đó được đọc tới. Viết không chỉ là viết. Đọc không chỉ là đọc. Viết và đọc không hần đã là những tác động cần và đủ để hai chủ thể gặp gỡ và thông cảm nhau. Người ta có thể gặp nhau trong café ngoài hè phố, người ta không gặp nhau trên một quyển sách, trên những giòng chữ. Một quyển sách, một tác phẩm không hề mang những kích thước, chiều hướng cố định, rắn chắc bao giờ. Nó không là một món đồ nằm giữa những món đồ có tính cách văn hóa hay không. Nó không là một hoàn tất dù khi được viết ra, dù khi được đọc tới. Nó dở dang đối với kẻ viết nên nó, càng dở dang đối với người đọc nó. Mặt khác nó không ngớt trở thành một hiện hữu tự tại vì người viết và người đọc là những kẻ tình nguyện vắng bóng (lui vào bóng tối nặc danh, quên lãng...) có yếu lĩnh của nó chính là phủ nhận và bạo động. Người ta viết như thể dưới ngòi bút của mình tác phẩm không hoàn tất bao giờ, tác phẩm hay sự chờ đợi của tác phẩm, tác phẩm như cái gì còn phải viết lại mãi mãi. Và người ta đọc như thể tác phẩm chưa hề được đọc tới, chưa hề được viết ra. Do đó tác phẩm không ngừng là một hứa hẹn. Nó không dừng lại ở một xác định nào. Nó không là cái ở đó. Nó đồng thời là một khẳng định và nó khẳng định ở ngoài mọi hình thức khẳng định. Maurice Blanchot: người nghệ sĩ không hề biết rằng đã có sẵn một nghệ thuật cũng như đã có sẵn một vũ trụ. Tác phẩm cũng là một vũ trụ, kỳ lạ thay, một vũ trụ vượt khỏi mọi phạm trù, một vũ trụ luôn gọi mời và cảm đoán. Viết. Trong tác động đó, dường như đã mất sự thơ ngây, trong sáng. Cioran đã nói tới hiện tượng mới mẻ đánh dấu bằng sự xuất hiện của người nghệ sĩ thông minh. Của một thứ nhà văn triết gia. Hần viết trong khốn khổ, viết đối với hần là một hành vi phạm tội, hần viết không theo giòng cảm hứng êm đềm. Hần chính là độc giả đầu tiên của chính hần. Viết không chỉ là viết. Nó bao hàm một tác động tư duy. Lời chú giải của tác phẩm đã có sẵn trong chính tác phẩm. Hãy nghe Cioran: « Ý tưởng về thơ trở thành chất liệu thơ, nguồn cảm hứng thơ (của thi sĩ) ». « Chính cá nhân làm nên nghệ thuật, nghệ thuật không làm nên cá nhân nữa, cũng như điều đáng kể không còn là tác phẩm



mà là lời chú giải có trước hay đến sau nó ». Hành trình của tác phẩm, của ngôn ngữ không đi tới. Nó trở về, tìm lại chính nó. Viết, một hành vi phản tỉnh. Trong ý nghĩ này, người ta gặp lại Novalis : lời nói chỉ nhằm vào chính nó. Người ta nói chỉ để nói. Người ta nói trong xa lạ và quạnh hiu. Viết tức là tìm kiếm một ngôn ngữ thuần khiết nhất, có thể là sự im lặng, có thể là cái chết.

huỳnh phan anh

## NGUYỄN NGỮ ngoài tâm tiếng kêu

Mặt đường nhựa ướt bóng, phơi tênh ra dưới ánh đèn. Hai dãy nhà cao im-lặng nối dài, những tấm bảng hiệu chen khuất trong bóng tối hoặc phơi sáng ra lạ lùng, tách biệt. Một tấm bích chương căng ngang qua đường, nối từ bao-lon một hiệu ảnh sang thân trụ đèn, hàng chữ viết bằng sơn đỏ, nét lớn, quệch-quạc. Tất cả vắng ngắt như một vùng đất chết, một thành phố hỏa tinh. Và cơn mưa không biết bắt đầu từ bao giờ, những hạt nước nhỏ trắng đục bay lất phất theo gió, tạt thành từng đám lóm chùng, quanh bóng điện đường. Người lính đi qua khỏi bóng tối trụ đèn, đứng lại nhìn tấm bích chương rồi tiếp tục đi, dáng người cao ốm, quần áo ướt sũng, khuôn mặt che khuất một nửa dưới chiếc mũ rừng rộng vành chụp xuống. Tiếng chân kéo lê trên vỉa hè lát đá ô vuông. Qua khỏi trụ đèn bóng tối tiếp từng vùng lớn dọc theo dãy hiên phố khép kín. Đi một chốc, người lính co nghiêng vai lại, thọc sâu tay vào túi quần kéo gói thuốc, bọc kín trong hộp nhựa lấy một điều gắn lên môi, bật lửa đốt. Đóm lửa cháy le lói một chốc rồi tàn lụn, giấy vắn vừa nát, những sợi thuốc đổ ra bám dọc ngón tay, hần ném mạnh xuống đường và tung chân đá một hộp bìa không nằm bên lề. Thoảng xa có tiếng động cơ của chiếc xe nào đó tạt ngang qua phía đầu phố và mất hút lạng-lẽ. Người lính chợt dừng lại, nhìn quanh quất, kéo cao vành mũ, khuôn mặt ngửng lên đọc mấy tấm bảng hiệu, số nhà, rồi đi trở lui một đoạn ngắn, đến bên khung gỗ quảng-cáo chương-trình ciné, chăm chú nhìn khuôn mặt người đàn bà vẽ trên bìa giấy lớn và bước vào một khoảng đất trống, tối thăm, chừa ra giữa hai bức tường. Tiếng giày nghiêng rào rào trên

lớp gạch ngói đồ vụn. Con hẻm mở ra phía trước, mặt đường trải đá nhỏ lam nhám trộn quánh với đất bùn và rác bẩn. Một bên đường là bức tường cao chạy thẳng tắp ngăn chia với khu phố trước. Dưới chân tường có nhiều cánh cửa sắt đã khép chặt. Bên này đường là liệt nhà cửa lồi lõm, tối tăm. Có nhiều mái nhà dựng sát vào mặt đường, thân nhà khuất hẳn xuống sâu phía dưới. Đầu con hẻm một cây trụ đèn cao lêu nhêu nổi theo những bóng đèn khác mọc dọc theo đỉnh tường, soi rõ từng sợi giây kẽm gai rào ngăn và những giòng chữ đủ màu, đủ kiểu viết chỉ chít trên lớp vôi câu đục, nói đến sự phẫn uất ghét bỏ của ai đó với người Mỹ, hoan hô một chính sách mới, chính phủ của dân nghèo... kêu trời không xong, ta là... US go home, anh ơi từ già Cọng-nô, về đây xây dựng cơ đồ... Người lính đứng lại đọc từng giòng, nụ cười trên môi, hai bàn tay trong túi quần. Đọc theo dãy nhà thấp, cách khoảng ngắn có những con đường nhỏ mở ra sâu hút dẫn xuống phía dưới. Người lính dừng lại nhìn xuống từng con đường, chậm chạp tìm kiếm, quay đọc mấy hàng chữ khác trên tường rồi bước đi, từng bước chân ngắn gọn và chúm môi huýt sáo. Khúc nhạc thì thầm, thúc hối, bật cao lên chơi vui, âm thanh vỗ vào mặt tường lan về phía trước hút vào vùng bóng tối nhờ nhoẹt những chấm đèn sáng trong mưa giăng mù. Khúc hát hẳn đã thuộc nằm lòng từ thời còn trẻ nhỏ ở một vùng quê nhiều cây, ven theo giòng sông lớn, nước trong biếc thăm, trông sang những ngọn đồi sim thoải thoải nổi vào núi xa, Khúc hát do một người con gái mặc áo nâu ngắn, mái tóc vấn gọn, cánh tay trắng nõn, chân đi dép cao su, đứng giữa khoảng sân rộng vừa hát vừa vỗ tay đếm nhịp hai ba cho bọn trẻ hát theo. Tiếng hát nuôi nao nức cuồng nhiệt trên những đồi sim non hồng, mắt người sáng tin yêu, hát đưa chân đoàn dân vận lên đường mang lúa khoai về chiến khu xa. Hò ơi, gánh ta gánh qua làng, qua sông, qua rừng, gánh cho người ôm súng gian nan, đây hạt cơm mang lên từ đồng, đây ơn đây từ lòng quê hương. Như hẳn, tất cả đám trẻ đã thuộc, từng đưa tình nguyện đứng lên hát một mình, chỉ sai vài ba tiết nhịp không đáng trách, và tất cả đã ra khỏi khoảng sân đó, lớn khôn lên, tần mát, mặt mũi, một số nhỏ ở lại, cầm lấy súng đạn của bên này, bên kia. Khu làng

đã cháy nát trong những trận mưa bom đạn tàn khốc, vùng đồi sim đã trở thành một căn cứ của quân đội đồng minh, đêm đêm tiếng đại bác ầm ầm bắn về những thôn xóm bên kia sông miệt dưới. Người con gái áo nâu đã chết một mình bên bờ sông lớn, trong đêm trăng non, xác bị kéo ra giữa đám ruộng, mấy người dân vệ cõng hết áo quần đứng vỗ tay cười và đem lên phơi bên lề đường số một cho xe đồ qua lại trông thấy. Trong đám dân vệ đó nhiều đứa còn thuộc khúc hát, có thể ngồi nhịp chân một mình hát lên khi buồn. Gánh, ta gánh qua làng, gánh nuôi người gìn giữ non sông, áo bạc bao năm anh đi giết giặc, giọt mồ hôi nồng tưới ẩm mai sau, xác Tây đem làm phân bón, cho lúa xanh mau, em đem ngày trồng lúa lên cao. Người lính hát thành lời một đoạn rồi tiếp tục huýt sáo, đôi mắt quay lại trông tìm chung quanh, trên những mái nhà thấp lụp chụp đan nối. Đến đầu một con đường nhỏ, một ngõ kiết, người lính khom người bước xuống, đặt chân lên từng bậc đá thăm thăm, chìm đắm, bàn tay xòe ra vịn vào bờ thành, thân thể lún dần, khuất hẳn với tiếng huýt sáo. Người lính men men đi theo dãy nhà mù cảm. Ngõ kiết kéo dài chùng như một mê cung, chân dẫm lên từng vũng nước bị bõm, hẳn lên lối dưới những mái hiên thấp, cửa khép. Không một ánh đèn. Không một tiếng động. Hẳn ngoài cổng trông lại đằng sau. Không có gì cả. Bàn tay lần mò tìm cái máy quạt, ánh lửa lem luốc bùng lên, soi rõ những vũng nước lớn, rác rưởi nổi lênh bênh, có rào giây kẽm gai chung quanh, chưa lối đi nhỏ trơn bẩn. Hẳn bước qua khi ánh lửa tắt. Mưa nhẹ nhàng lất phất chạm trên da mặt. Khoảng im lặng dày kín, lao xao phía trước. Mũi giày bước tung nhăm một tảng đá lớn, thân thể loạng choạng đổ xuống, hẳn chống tay ngồi dậy, mò mẫm tìm máy quạt đã đánh rơi. Ngọn lửa lại bùng sáng, soi lù mù trên phiên đá ướt như lưng một con thú lạ. Ngõ kiết chẻ ra ba nhánh. Hẳn ngồi xuống trên tảng đá và đem thuốc hút. Tiếng mưa vỗ thì thầm bao la như một ru đồ người ngoài. Đây là một cõi chết. Một nơi đã mất tích loài người. Phải không? Tại sao vắng vẻ thế này? Tại sao không có một tiếng động nào cả, một tiếng ho, một tiếng chửi thề, tiếng nước đá, tiếng trẻ khóc, tiếng một nào trái phá đó nổ chẳng hạn. Sau những cánh cửa khép chìm đó có trái tim nào còn thoi thóp nữa không? Còn một lồng ngực nào phập phồng hơi thở, mưu toan nào đang le lói, sợ hãi nào đang rũ chùng,

Người đàn bà bước đến, ngồi vào thành giường.

— Nhi nào? Nhi bắc hủ?

— Không Nhi người Huế. Nhi có đôi mắt thật to đó.

— À, Nhi lại hả? Nhi tóc hoe hoe, mắt to như mắt trâu, lại Tây đó chứ gì?

— Không, người Huế thật mà, lại đâu. Mà sao? Nhi đó ở đâu rồi?

— Nhi lại có lẽ đã vào trong kia rồi, chắc là lấy Mỹ. Còn Nhi bắc thì chết rồi, pháo kích bữa rằm đó.

— Tội nhỉ. Còn Nhi kia em không biết gì hơn sao?

— Thời này mà tin tức gì. Có lẽ nó đi vào QN, CR gì đó, nghe thế. Anh là bồ nó à? Bộ muốn tìm đến đào mỗ sao hỏi kỹ lưỡng thế?

Người lính im lặng chộp mắt, chăm chăm nhìn ngọn đèn phía trước, hít một hơi khói dài, chum môi trở thành từng vòng tròn lơ nhơ bay lên

— Em ở đây một mình.

— Ừ. Đúng ra thì phòng này có 3, 4 đứa giờ thì chỉ còn em, con Tắm có con đại đã qua ở hai cái phòng bên kia rồi. Trước có chị Tư chủ nhà và thêm mấy con nữa, nhà cửa vui lắm kia, giờ chúng đi hết cả rồi, chị Tư thì vào Cà-mau nhận xác chồng đâu có hai tháng mà chưa thấy tăm hơi gì hết. Đáng lý ra em cũng đi theo lũ kia rồi, nhưng ở lại đợi thử chị ấy ra sao, chờ anh nghĩ coi, thời thế này làm sao ở, đêm nào cũng hỏa tiễn, mọc chê, nhất là xóm này, chịu hết nổi, chết đều đều.

— Chết hết thì rộng chỗ, đỡ ồn, có sao đâu.

— Thôi anh, nói năng chi vô hậu quá.

— Anh hiền nhất, có hậu nhất đây em, ra ngoài mặt trận mà xem mấy thằng bồ của em giết người thế nào. Tay mặt thì bóp cổ, chân thì đạp lên ngực, tay trái cầm lưỡi lê đâm cho được vào mắt người ta, nhưng vì tay trái nên trật hoài, lúc nào cũng cứ trúng vào trán, máu chảy có vôi, óc não sũ ra từng cục.

— Thôi, cho em lay anh, ghé lăm. Người đàn bà ngửa cổ ra vuốt lại tóc, cha nào về năm cũng kể toàn chuyện chém giết không. Ờ, mà giới nghiêm lâu rồi sao anh vẫn tìm đến đây được, giỏi thế?

— Nhớ em mà, kẻ giới nghiêm giới nghỉ mẹ gì.

— Xạo hoài, anh về phép à, hay là đào ngũ rồi?

— Không, 29 ngày tái khám.

— Bị thương đầu nào? Xạo.

Người lính nhếch chân, cựa mình ngồi thẳng dậy, xòe bàn tay nắn nắn vào bắp vai, nè, nè, miêng đạn còn cứng trũng nè, tái khám hoài, sức mấy mang ba lô nổi. Người đàn bà đưa tay xoa nhẹ vào vết thịt bạn cười, sừng quá há, anh bị thương hồi nào?

— Tháng trước

— Dữ không? Trận lớn không?

— Đó, lại thích nghe chuyện chém giết à?

Người đàn bà đứng dậy, đến bếp lửa nói nhỏ, a, cơm sôi hồi nào rồi, kén gió quá mà. Nàng cúi húi thu dọn, mang thêm chiếc chảo nhỏ ra làm thức ăn. Bóng bộ áo quần trần phơi trên giầy phủ trùm lên thân thề nàng, khuôn mặt leo lét sáng trên ngọn lửa cháy thấp. Người lính duỗi thẳng hai chân, đăm đăm nhìn người đàn bà rồi nhìn con bú bê. Khoảng im vắng mênh mông trên tầm mắt, trong tiếng mưa vỗ chung quanh êm đềm và ánh đèn vàng ủa. Đôi mắt thì thắm khép lại.

Người đàn bà lấy mấy khúc lạp xường ra tắm thớt, xắt nhỏ, bỏ vào chảo, đặt bên réchaud, mỡ ứa ra sôi lèo xèo trên mặt nhôm, nàng bỏ thêm chút gia-vi, một lúc sau trướng xuống, trút ra chiếc đĩa lớn mang lại giường nhìn người lính đang nhắm mắt lạng lẽ, nàng đưa tay khều khều vào mấy ngón chân thò ra khỏi ra khỏi chăn và mỉm cười, lắc đầu, đến mang thêm son com, chén dừa.

— Này mình, người đàn bà kéo tấm chăn xuống khỏi ngực bạn vừa gọi, vừa cười, mình, này mình, gôm đầu mà mê ăn mê ngủ quá.

Người lính giật mình, rùn hai vai, ngồi thẳng dậy, đôi mắt mở lớn ngờ ngác, như từ một cõi xa xôi nào mời lạc về, nụ cười sần sượng, không hồn, kéo xéch đôi môi lên.

— Dỡn hoài à, bắt người ta nấu ra-gu rồi ngủ sao?

— Ờ nhỉ. Người lính nhìn xuống đĩa thịt, cười, ngon lành quá, đi khách mà như em thế này thì chắc chóng chết lắm đó.

— Thôi ông, khách khứa gì thời này nữa, sống được giờ nào hay giờ đó.

— Lay trời cho đêm nay/đạn hỏa tiễn tìm đến xoi tròn cả hai đũa, sáng ra nát bét trong đất bùn không ai tìm ra hết, khỏi ồn.

— Đó, nói cho thành điềm đi, mới nghĩ nỏ được một hôm đó. Người đàn bà vừa nói vừa cầm đũa xoi cơm, đem ra chén, bảo, ăn anh. Bữa cơm ấm áp dưới ánh đèn soi nghiêng cất hai chiếc bóng động đậy trên mặt những bao cát lằm lì. Người lính kể một câu chuyện trong nhà thương. Một người đi lính đầu từ thời Pháp, giờ lên được Thượng sĩ, vợ chết con chết, lấy lại vợ khác, sinh con khác, con vợ cũng trẻ cỡ bằng em đó, rồi thượng sĩ bị trận, vào nhà thương cura chân. Con vợ vào thấy cái ống chân cụt, nói gì đó, để đưa con trai lại quây quã đi, anh ngỡ là nó ra mua cam quýt gì, hay đầu nó đi thẳng luôn, thượng sĩ biết chuyện thế, nửa đêm dậy ngồi gãi chân xoang xoạc rồi bóp cổ đưa con lên lưởi nằm chết, và ông cắt mạch máu mình chết theo, sáng ra... Người đàn bà nhieu mày, chặn lại bảo, thôi mà, dữ lắm. Hẳn kể sang chuyện khác, về một đồng đội hẳn, người thượng, thuộc hết những loại cây, những giống thú trong rừng, ca hát bị bỏ luôn miệng và có nhiều ngải quí, như ngải làm mê hoặc đàn bà, ngải làm đạn bắn không lủng da. Người đàn bà chậm rãi ăn, thỉnh thoảng lại cắt ngang, xen vào một câu hỏi. Tiếng cười vui và mái tóc biếng trễ rũ xuống, chốc chốc bàn tay cầm đũa xoe ra, nắm lấy hắt lại đằng sau. Ăn xong nàng thu dọn son chén, lấy nải chuối thờ xuống cho người lính, nói nhỏ, anh ăn, và đi vịn nước ra thau cầm cùi lau rửa. Người lính ăn trái chuối, đốt thuốc, uống ngụm nước, ngồi vào thế cũ, thở những vòng khói tròn lên trần nhà và đôi mắt khép lại, thiếp đi. Đốm lửa cháy le lói đầu ngón tay, chậm chạp lùi xuống sát vào da. Người đàn bà dọn dẹp xong trở lại, nhìn đốm lửa, nhìn khuôn mặt người lính và vịn tay vào thành giường mỉm cười im lặng. Chợt người lính giật mình, tung mạnh đốm lửa xuống đất, bàn tay đưa lên xuyết xoa. Người đàn bà cười thành tiếng trong vui.

— Trông anh như người mất hồn. Muốn ngủ lắm rồi à ?

— Không, chưa muốn gì cả.

— Thế sao nhắm mắt lại làm gì lạ vậy ?

Người lính trở mình giọng nói ngái ngủ, chậm chạp :

— Anh đang tưởng tới một vùng rừng... Rừng.

— Rừng, bộ chán thành phố rồi à ?

— Chán lâu rồi.

— Thì mai trở về đơn vị, xin ra tác chiến tha hồ mà rừng.

— Không. Người lính nói, đôi mày nhieu lại thoáng do dự. Không. Một vùng rừng. Em biết xưa kia trên chỗ chúng ta ở bây giờ đây là gì không ?

— Không. Người đàn bà lắc đầu, ngồi xuống, hai bày tay chống nhòai ra phía sau, khuôn mặt ngử lên chờ đợi, mái tóc đổ lòa xòa trên tấm chăn.

— Rừng. Giọng nói người lính thấp xuống. Xưa xa kia trên chỗ ngồi này, trên căn nhà này, trên thành phố này, trên trái đất này, mịt mù những rừng, những sông, những suối, những biển, núi đồi, sa mạc và đồng vắng.

— Thế chúng ta ở đâu ?

— Em dại quá. Chúng ta ở trong rừng, trong hang đá. Rừng mệnh mông bát ngát che chở, nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta. Khói đá và sương mù dâng trắng xóa những chiều khi ngọn lửa bắt đầu đốt lên. Chúng ta ở chung nhau thành một bộ lạc, vây quanh ngọn lửa như những bộ lạc luân lưu, tiếp nối giữa cây cối còn lại đến bây giờ. Nhưng tội nghiệp là họ đã bị xua ra khỏi rừng và có chính nghĩa, súng đạn cả rồi. Còn chúng ta, chúng ta thuộc đó phải cao đá để lấy lửa, đốt cây khô cháy suốt những đêm dài, canh chừng giấc ngủ cho bộ lạc, xua xa những loài thú dữ, ma quái. Chúng ta ăn trái cây, uống nước suối mức chứa trong ống nứa ống tre. Chúng ta thương yêu nhau với tình người sơ nguyên với linh hồn như cây như lá, chưa có sự xếp loại, gọi tên. Tháng ngày mệnh mang trong cánh tay niu chân treo đi hái trái nuôi nhau. Chưa biết đến gì cả.

— Sao anh, sao. Tay niu... chân treo... đi hái trái... nuôi nhau. Anh đặt thơ hay quá.

— Không phải đâu, đó là một câu ca dao. Một câu thơ chung cho tất cả chúng ta, từ một linh hồn nào đó quá khốn khổ trong những phân tán, hận thù, băng khuâng nhớ thương quê cũ và hát lên, hát lên hẹn hò ngày về với rừng, nơi chưa có sự ganh đua, lường gạt, chưa biết xa bỏ, phỉnh lừa nhau. Quê hương của thật thà, của thơ ấu, của thiết tha. Chúng ta đốt rừng làm rẫy, nhưng rồi trả rẫy lại cho rừng, tìm đến vùng khác, chưa biết cảnh bầu xé

nhau từng tấc đất như bây giờ với đầy đủ chính nghĩa này, chủ nghĩa kia, với những tự do, công bằng, bác ái, hòa bình, dân chủ, độc lập, ấm no, đại đồng, công chính, để chém nhau bằng dao cùn, bằng mả tấu, bắn vào đầu, vào mặt vào lưng nhau, đâm đầu nhau xuống bùn cho chết ngạt, chẻ từng ngón tay ra, đổ nước xà phòng vào miệng vào mũi, nhảy lên bụng đạp cho úa ngược ra, để lấy khẩu cung, để tìm cho được kẻ thù nghịch, để chôn sống nhau, để đốt cháy nhau ngoài ruộng đồng, trong thôn xóm, giữa phố phường, để giải phóng dân tộc, để bảo vệ cộng đồng tự do để chống xâm lăng đỏ, xâm lăng trắng, nhân nghĩa đầy cả môi cả miệng, chính nghĩa đầy đường phố, đầy xóm làng, trên hồ ban, trên bụng ông thân trần, những là dân giàu, dân nghèo, cần lao, vô sản, anh ơi từ giã đề về... Đ. mẹ.

Giọng nói người linh nhanh dần, căng chặt, u uất, nghẹn lại. Người đàn bà ngẩng đầu lên về bạn, đôi mắt khép lại im lìm. Một lúc sau tiếng nói tiếp tục, đều đều.

— Em đã thấy có bàn tay chẻ dọc trước năm, trước sáu ra chưa? Em đã thấy những người bị chém bảy tám lát dao phay vẫn chưa chết nằm ọ lên như một con bò bị thọc huyết, những người bị trói tay chân nằm trong bao bố kêu van ư ờ chưa? Em đã thấy lần nào chưa? Em đã nghe những tiếng kêu van, rên ọ đó lần nào chưa? Để làm gì thế em biết không?

— Thôi anh. Người đàn bà nghiêng úp mặt xuống, mái tóc đổ bung ra dưới ánh đèn. Người linh xoay bàn tay lật đầu bạn dậy. Khuôn mặt lạnh lẽo, trên mí mắt khép kín hai giọt nước nhỏ ứa ra, lăn vắt qua gò má, đổ xuống chần. Người linh yên lặng vuốt dọc bàn tay theo ngọn tóc dài chùng.

— Biết đâu ngày mai...

— Thôi anh, đừng nói nữa, buồn lắm.

— Ừ, thôi. Bàn tay người linh lồng vào tóc, vuốt đắp lên mặt bạn. Hai người lặng im như thế một lúc lâu, bàn tay vẫn mân mê đùa dớn với ngọn tóc, tiếng nói người linh trở lại, thấp hơn.

— Thôi mà anh đừng nói nữa. Bây giờ anh nhắc lại hai câu thơ đó đi.

Người linh cúi xuống nâng khuôn mặt bạn lên lê lưỡi liếm vào đôi mắt khép kín, đọc thi thầm: Lên non em cũng lên theo.

Người đàn bà mấp máy môi đọc theo. Tay níu chân treo hái trái nuôi hau. Đó là câu cad ao, đôi mắt người đàn bà mở ra ướt sáng, nụ cười băng quơ theo tầm mắt nhìn lên trần nhà nói nhỏ, hay quá, làm em thêm nhớ nhà, quê em trước kia cũng ở gần rừng. Người linh vỗ vỗ nhẹ vào vai bạn, ru dỗ:

— Thôi, ngủ đi, nhắm mắt lại, ngủ đi, quê hương em...

— Đề đèn thế sao?

— Đề thế, nó canh chừng cho giấc ngủ chúng ta. Nhắm mắt lại, tưởng tới xa xưa đây là một vùng rừng, bộ lạc chúng ta chỉ còn lại hai người. Sau khi bị thiên tai, phân tán, thất lạc hết. Chỉ còn lại hai người thương yêu nhau xa xót, một bộ lạc bị thương. Anh kiếm cá khô lột ỏ cho em nằm trong hang đá, bên cạnh bếp lửa vừa nhóm. Ngủ đi, quên hết những tang tóc khổ nạn đã qua, quên hết đi, giữa quê hương mình, trên lòng ỏ anh lột, không có gì cả chung quanh. Bao la là rừng. Ngủ đi. Nhi. Ngủ đi. Sương núi đang giăng lên mịt mờ và cây rừng thăm thẳm tiếng thú. Ngủ đi.

Chợt một cơn gió lớn hú tạt qua bên ngoài. Những hạt mưa đổ nặng và tiếng một cành cây nào đó đánh soạt mạnh trên mái nhà. Ngọn đèn lung lay quẩn quại. Bộ áo quần trần im sững đổ bóng xuống nền nhà trống trơn, loang lổ, chiếc bóng theo ngọn đèn di động qua lại như một thân người không toàn vẹn, nhúc nhích trở mình. Ở phòng kế bên có tiếng trẻ em bật khóc o-oe. Tiếng ru u ám mê man theo tiếng khóc trời lên, à ơi chiều chiều à ra đứng à à ngổ sau à muốn về quê mẹ à ruột đau à à chín chiu. Bàn tay người linh úp trên khuôn mặt bạn, vuốt xuống chậm chạp theo lời ru. À à ời chín chiu đứt ruột mẹ ơi, à à muốn về nhưng quá à xa xôi đường về...

nguy ngữ



# TRẦN LÊ NGUYỄN

## có em

*tặng giảng tiên của tên mọi đen*

### 1

Lúc má em ứng hồng màu băng chai ly-cơ Grand Marnier anh hư ảo thấy dung nhan người đẹp xứ Florence qua pho tượng thế kỷ XV bên Louvre và chợt nhận ra Em Có Thực.

Có thực như sương mù đêm nào tập kích về khuya ảo ảnh mờ dần tiếng nói một Thượng-đế tan loãng anh trở lại kiếp độc hành. « Như kẻ say rót rượu lấy mà uống — Cho vui thêm cuộc hành trình... » Như Em bỏ những trưa nắng cháy lên đây lò sưởi đêm về chưa đủ lạnh để nhen lửa ấm.

Có thực như rừng thông như đồi cháy con đường núi hoang vu những mái dốc sườn cao con lũng thấp. Mặt nước bình nhiên mà lòng sông thác lũ. Em có đây nu cười siêu hình trên môi và loài hoa hương dương bùng nở như chưa từng thấy mặt trời. Anh đâu còn nhớ nỗi màu áo nào Em mặc. Em đến và đi hư thực như đêm và ngày trộn lẫn giữa Em và anh. Chiều ba mươi anh nằm dưới gốc thông độc nhất con đồi trụi thấy Em qua mây trắng qua trời xanh mà mây thì bay trời thì cao xa đề tự hỏi phải chăng Em Có Thực ?

Ngôi nhà ấy thành thang trống rỗng không người trọ những ngày cuối năm anh ở một mình lặng nhìn ảnh tượng và Em hiện hình đến bên anh khi tiếng súng không cầm lặng đêm trừ tịch. Em hát nhẹ như người chị ru đứa em bé nhỏ anh òa khóc vì không có chị chợt nhớ mẹ ở đâu xa mười mấy năm không rõ sống chết ra sao rồi anh bỗng nín thình biết sáng nay mừng một và mình đã lớn.

13-4-69

### 2

Em cho anh biết đợi chờ là cái gì  
đợi chờ như kiếp sống  
như bao nhiêu tháng năm anh lãng phí  
như sáng nay hoa hồng nở trong chai Vat 69 — một  
bông Baccarat  
như hẹn ước một đời chưa thỏa  
Nhưng đợi chờ không bao giờ là cõi chết  
Anh gắp cuốn Horoscope 1969 của những người sinh ra  
dưới dấu hiệu Lion  
và muốn quên ngày hôm nay thứ ba 29 tháng 4 như một  
âm ảnh siêu hình  
và muốn nhớ Em cũng như anh chúng ta là một loài  
kiêu hãnh — kiêu hãnh đến khiêm nhường tự cho  
mình là bèo bọt là sâu bọ là cỏ rác  
kiêu hãnh đến thăm nhủ chẳng có ai xứng đáng với tình  
yêu mình (ngoại trừ Em về phần anh)

Anh tự hỏi có Trời không khi thấy Em Có Thực  
Có Trời như không phải màu xanh thường hằng thăm thăm  
bao la miền nhiệt đới

Có Trời như đôi mắt thiên thần cô nhỏ cuốn phim  
Les dimanches de ville d'Avray em sợ buồn không  
muốn xem

Chiều qua anh mua khung lồng tấm hình Em triển lãm  
hoa Tết năm nào cô bán hàng hỏi vì đâu nước ảnh  
mờ anh đã không biết nói sao

Đề sáng nay anh lặng nhìn Em vừa làm thơ vừa đọc  
những dòng chữ người chị yếu đau viết ngòong ngoè  
lên trên nghĩ lung về cõi đời với nỗi niềm vui  
buồn với tính chất hư thực với tình anh yêu Em  
người ta (đôi khi cả Em) làm sao thấu hiểu

Em khám phá ra Em là đàn bà qua anh một kiếp mọi đen  
tên thanh tâm tuyền đưa một thời chơi bi điện vào  
thơ cho em lấy gọi. Anh khám phá ra mình thành  
thiện qua Em tuyệt vời như anh thơ ngây chưa một  
lần tội lỗi. Anh lạc nẻo mê cung và chẳng cần đến sợi  
giấy nàng Ariane mong tìm lối thoát. Em sợ anh là quỷ.  
Anh thấy có thể cười nhắm mắt được rồi đề nghị Em  
cùng chết nhưng Em sợ không dám nhận lời. Bởi Em —  
Em cũng chưa bao giờ được sống một lần thần diệu.  
Tất nhiên anh chiều Em. Và hai đứa mình còn sống.

Đề sáng nay anh đợi Em. Đợi chờ như chưa bao giờ chờ  
đợi thế, Từ đêm tình sương xóm Tàu lao động còn  
yên giấc. Đôi bồ câu tung bay sợ thế giới hòa bình đất  
nước này hết chiến tranh khi mặt trời lên. Buổi sáng  
dài đặc lè thê khắc khoải tới xế trưa nắng gắt. Đề  
thấy Em khắp chốn ngoài phòng khách bên phòng ăn  
trên bàn viết trong phòng ngủ. Em nơi anh. Dù Em  
không đến

Anh sợ không dám nghĩ đến định mệnh nỗi ám ảnh hoài  
hoài nơi anh miên viễn. Nếu có chuyện gì đã xảy  
ra (anh thật không muốn giàu tương tượng) anh sẽ

sống làm sao đây ? Anh biết chọn màu hoa hồng nào  
cho Em ? Màu đỏ gạch hay vàng tươi ? Không. Anh sẽ  
lựa hết hồng trắng của Dalat gửi về Sài Gòn sáng  
tình sương ngày ấy. Bởi với anh Em là nàng giáng tiên.  
Mà tiên thì đời đời trinh trắng.

Hỡi Em hãy tha thứ cho anh. Anh yêu Em quá đến nỗi  
« ôm em trong tay mà đã nhớ em ngày sắp tới ».

29-4-69

### 3

Anh tìm bao kiếp luân hồi bắt gặp Em đỉnh cao giá buốt  
khi anh muốn sống nơi đây cào lá thông khô một tu  
viện nào. Thấy Em niềm băng tuyết quyến rũ thấy Em  
nhân sắc Nguyễn Du. Gió hú xoáy hút nhà nguyện đó  
đêm chèo Quan âm Thị Kính như nỗi oan khiến anh như  
con hán hán cháy bỏng biến Em thành pha lê tiếng vỡ  
ròn lạnh chát. Anh kiếm Em những lối cỏ khô mòn vùng  
đồi cháy trái còn cầu trắng nhỏ bay vút lên cao anh  
biết tìm đâu ra Em một thửa xa xưa màu áo tím Pim-  
prenelle chiếc xe Omic đen đón ai hè trường Hoài-Đức.  
Em ra đời tỉnh ty Kiến-An năm sau lên thành Sơn có  
núi Tản sông Đà cách một giải sông Hồng miền Vĩnh-  
Phúc. Ngôi biệt thự đường Huyền Trân Công Chúa đỏ xup  
đỏ Tết Mậu-Thân. « Em nghèo thừa chị lấy đâu — Vất  
đánh một lễ đôi châu đất liền. » Anh chưa một lần đi Bạch  
Mã nơi đỉnh cao nhìn biển cả. Anh chỉ kiếm Em qua  
những con lũng khai quanh các biệt thự hoang vu khônu  
chủ ông già gác-dang nói chuyện con ma đói khát đêm  
qua lại về gõ cửa. Anh tìm Em trưa mừng hai Tết năm nay  
cỏ may vương đầy — Cỏ May, mi có phước hay bất hạnh ?  
— khát bỏng tìm đến quán L'eau vive xin một ly nước

mát. Anh không bao giờ nư đã khi chưa thấy được Em mặc  
dầu ai uống nước nơi đây sẽ đời đời không còn khát.  
Anh tìm Em ở hướng đông nơi mặt trời mọc sớm mai —  
nẻo đường ánh sáng đỏ anh chưa hề đi — bắt gặp nước  
dềnh cao muốn ngập những xà-lan lúa gạo. Anh men theo  
dạ cầu chữ Y qua một cây cầu chữ U hân hoan như lần  
đầu thừa nhờ đọc truyện nhà văn Hồ-Biêu-Chánh viết  
về miền Nam trong tập sách quảng cáo nhà thuốc Nhị-  
Thiên-Đường thấy toàn những bến những thuyền của lúa  
Hậu-Giang chở về hăng rượu Bình-Tây. Thơ Nguyễn-Bính  
mang mang buổi sớm mai toàn Hoa và Rượu. « Thấy rét  
u tôi bọc lại mền. Cô hàng cất rượu ủ thêm men. Mẹ Cha  
mất sớm còn em nhỏ. Say cả tư mùa cho khách quen... »  
Anh qua một con đò máy đầu biết có một cây cầu dành  
riêng cho bộ hành tìm đến trước nhà lúc bình minh  
chưa rạng ở phương đông. Anh không dám gõ cửa quay về  
tự hẹn rồi ra sẽ lại. Và chúng ta yêu nhau như tiểu  
thuyết — cuốn tiểu thuyết chưa hề xuất bản. « Thừa ấy  
làm sao thực thái bình. Trai hiền bạn với gái đồng  
trinh. Đời say men rượu thơm hoa rụng. Đây những thơ  
ngây ngập cảm tình... » Yêu Em anh thuộc hết tên các  
loài hoa hồng. Em muốn được nghe một bản nhạc cổ điển.  
Toute la ville danse. Nhưng anh làm bài thơ này khi  
Sài Gòn mưa cơn mưa đầu mùa. Và anh lo ngại.

trần lê nguyên

# HENRI A. KISSINGER

## thương thuyết về Việt Nam

2

### ● 5) TỪ ĐÂY TA ĐI VỀ ĐÂU ?

Có thể đây sẽ là một nghịch lý, nhưng trong một hoàn cảnh  
nà lòng bất tín quá sâu xa và các vấn đề liên lụy với nhau quá  
nặng nề thì con đường tốt nhất đưa đến tiến bộ có thể  
là đi tìm sự đồng tình về các mục tiêu tối hậu trước đã, rồi sau  
đó đi ngược trở lại, tìm những chi tiết để thực thi các mục  
đích đó.

Điều này đòi hỏi một sự phân tích về những ưu và nhược  
điểm của hai phe. Ưu điểm của Hà Nội là họ chiến đấu giữa dân  
tộc của họ trên một lãnh thổ quen thuộc, trong khi H.K. chiến  
đấu xa nhà. Chẳng nào Hà Nội có thể bảo toàn một số những  
lợi ích sản chính trị của họ tại miền Nam, họ sẽ giữ lại triển vọng  
một hậu quả chính trị thuận lợi cuối cùng. Không có gì là ngạc  
nhiên, nếu ta thấy Hà Nội tỏ ra một sự hiểu biết cao hơn về tình  
hình địa phương và khả năng lớn hơn trong việc thiết kế những  
hoạt động quân sự nhắm tới những cứu cánh chính trị. Hà Nội dựa  
vào dư luận thế giới và những áp lực quốc nội H.K.; họ tin  
rằng sự thất bại về cuộc chiến tại Việt Nam tối hậu sẽ  
củng cố một sự rút lui của người Mỹ.

Nhược điểm của Hà Nội là : kế hoạch ưu thế chỉ có thể thay  
thế tài nguyên vật chất đến một độ nào mà thôi. Xa hơn nữa thì  
những dị biệt về cỡ lớn nhỏ ắt sẽ phải trở nên có ý nghĩa và  
một sự tiếp tục chiến tranh sẽ đòi hỏi một mức độ ngoại viện

khuyến có thể đe dọa nền tự trị của Bắc Việt. Điều này cho tới nay Hà-nội vẫn bảo toàn khất khe. Một cuộc chiến trường kỳ, cho dù cuối cùng có thắng lợi đi nữa, cũng sẽ khiến cho Việt Nam kiệt quệ, và như vậy, mục đích của hàng chục năm tranh đấu hóa thành công cốc.

Hơn nữa, một xù nhậy cảm với các trào lưu quốc tế như Bắc Việt ắt chẳng thể yên tâm trước những phát triển mới đây. Cuộc xâm chiếm Tiệp khắc của Sô viết đã gạt V.N. khỏi mối quan tâm chính của dư luận thế giới, ít nhất cũng trong một thời gian. Một vài quốc gia từ trước đến nay thường chỉ trích H.K. bỗng sức nhờ lại tình cảnh cheo leo của chính mình và cần đến sự bảo vệ của H.K.; sự kiện này làm giảm bớt cường độ các áp lực quần chúng đối với Mỹ. Sự ủng hộ của Hà-nội đối với Mạc Tư Khoa chứng minh cái mức độ lệ thuộc của Hà nội với Nga Sô; cũng có thể là Hà nội đã cố ý điều này để ngăn chặn trước những áp lực của Sô viết đòi Hà nội phải mềm dẻo hơn, bằng cách bắt Mạc Tư Khoa phải chịu nợ Hà Nội về khoản ủng hộ đó. Nhưng dù sao chẳng nữa, mối ảo vọng về một Việt Nam theo chủ nghĩa Ti-tô-it bỗng trở nên có vẻ khó tin hơn — càng khó tin hơn nữa khi lời biện bạch của Mạc-tư-khoa cho sự xâm chiếm Tiệp-krắc của mình có thể được dùng làm một căn bản lý thuyết cho một cuộc tiến quân sau này của Trung Hoa chống lại Bắc Việt. Sau hết, cái chủ thuyết Sô-viết cho rằng Mạc-tư-khoa có quyền can thiệp để bảo vệ các cơ cấu xã hội chủ nghĩa quốc nội đã làm cho cuộc chiến Nga-Hoa ít nhất là có thể quan niệm được. Bởi lẽ những lời buộc tội của Mạc-tư-khoa hướng tới Bắc-Kinh vẫn thường nặng hơn những lời hướng tới Prague. Nhưng trong trường hợp có một cuộc xung đột Nga-Hoa, thì Hà-nội sẽ bị mắc cạ (nghĩa là bị gạt ra ngoài những biến cố của thời đại — L.N.D.). Những khủng hoảng quốc tế đe dọa làm lu mờ Việt Nam mấy năm liên tiếp — Trung Đông, năm 1967; Trung Âu năm 1968 — như vậy chắc đã khiến Hà-nội tin rằng thời gian hiện không đứng về phe họ.

Những tích sản và tiêu sản Hoa Kỳ lại trái ngược hẳn. Cho dù một số quan niệm chính trị có bất hợp thời, bất hợp cảnh đến mấy, cho dù chiến lược của ta có không nhạy cảm đến mấy, ta vẫn mạnh mẽ đến độ Hà-nội chẳng có cách gì đánh bại ta về mặt

quân sự. Bằng nỗ lực riêng của mình, Hà-nội chẳng thể bắt buộc quân đội Mỹ phải rút lui khỏi Việt Nam. Hơn nữa, mới đây đường như lại có được một vài cải thiện lớn trong vị trí quân sự Hoa Kỳ. Kết quả là, ta đã đạt được mục tiêu tối thiểu của ta rồi: Hà nội chẳng thể thâm lược được một chiến thắng quân sự. Bởi lẽ không thể bắt buộc ta rút lui, họ đành phải thương thuyết về sự rút lui đó. Cái không may là, sức mạnh quân sự của ta lại không có hệ luận chính trị; ta vẫn chưa có thể tạo ra được một cơ cấu chính trị khả dĩ có thể sống sót sau sự đổ lập quân sự của Hà nội một khi ta đã rút lui.

Cho nên cơ cấu của cuộc thương thuyết khác hẳn với Triều Tiên. Không có trận tuyến với các vùng an ninh đẳng sau đó. Tại Việt Nam các cuộc thương thuyết không thừa nhận một *status quo* quân sự mà tạo ra một thực tại chính trị mới. Không có những cuộc đo sức nào rõ rệt về sức mạnh tương đối, chính trị cũng như quân sự. Tình hình chính trị của cả hai bên thì rất bấp bênh — về mặt quốc nội ở Việt Nam đối với H.K., về mặt quốc tế đối với Hà Nội. Bởi vậy, rất có thể rằng không phe nào dám kéo dài cuộc thương thuyết như ở Bàn Môn Điểm 15 năm trước đây. Trong tình thế đó thì một hậu quả thuận lợi (cho ta) sẽ tùy thuộc vào một định nghĩa rõ ràng về các mục tiêu. Giới hạn của lời cam kết H.K. có thể được phát biểu thành hai mệnh đề: thứ nhất, H.K. không thể chấp nhận một thất bại quân sự, hoặc một thay đổi trong cơ cấu chính trị ở Nam Việt do lực lượng quân sự bên ngoài gây ra; thứ hai, một khi các lực lượng và áp lực Bắc Việt đã không còn nữa, thì H.K. không có nghĩa vụ nào phải duy trì một chính phủ tại Saigon bằng sức mạnh.

Bởi vậy, các mục tiêu H.K. phải nhằm: (1) mang tới một sự rút lui từng giai đoạn các lực lượng bên ngoài, Bắc Việt và Hoa Kỳ; (2) do đó, tạo một khích lệ tối đa cho các lực lượng tranh chấp ở Nam Việt để đi tới một thỏa hiệp chính trị. Cơ cấu và nội dung của thỏa hiệp đại loại phải để mặc cho người dân miền Nam quyết định. Thỏa hiệp đó có thể đạt được một cách chính thức trên cấp bậc quốc gia. Hoặc nó có thể xảy ra tại địa phương, trên cấp tỉnh, nơi mà hiện nay, những cuộc điều giải mặc thị chẳng phải là tình trạng bất thường tại nhiều vùng, như ở đồng bằng Cửu Long chẳng hạn.

Còn những chi tiết về một cuộc rút lui hỗ tương từng giai đoạn đối với các mục đích hiện thời của ta, thì cũng không có gì là xác định cả và, dù sao chăng nữa, cũng phải để dành cho các cuộc thương thuyết. Tuy nhiên, ta có thể liệt kê một số nguyên tắc: sự rút lui phải được thực hiện trong một thời gian đủ lâu để một trình chính trị bản xứ đích thực có cơ hội được thiết lập; các phe tranh chấp tại Nam Việt phải cam kết với nhau là sẽ không theo đuổi các mục tiêu của họ bằng sức mạnh trong khi sự rút lui các lực lượng bên ngoài đang tiến hành; nếu có thể, thì định nghĩa thế nào là một tiến trình hay cơ cấu chính trị thích hợp phải để tự người dân miền Nam giải quyết với nhau, mà lịch trình triệt thoái hỗ tương sẽ là thời hạn đi tới thỏa hiệp đó.

Sau đó, H.K. phải tập trung vào vấn đề triệt thoái hỗ tương của các lực lượng bên ngoài, và nên tránh, càng lâu càng tốt, mọi cuộc điều giải về cơ cấu nội bộ của Nam Việt Nam. Trách nhiệm sơ đẳng trong việc điều giải cơ cấu nội bộ của miền Nam phải nằm trong tay người dân miền Nam thương thuyết trực tiếp với nhau. Nếu ta liên lụy sâu xa vào vấn đề dàn xếp nội bộ miền Nam, ta sẽ vướng mình vào nhiều phức tạp, có hai bất lợi chính. Thứ nhất, trong cuộc thương thuyết, ta sẽ là thành phần ít ăn nhịp nhất với những tế nhị của chính trị miền Nam. Thứ hai, có thể rồi ta sẽ phải gây phần lớn áp lực của ta với Sài Gòn, coi họ như là một trở ngại cho sự hòa giải. Kết quả có thể là sự thất chí hoàn toàn của Sài Gòn, tình trạng hết sức căng thẳng quốc nội ở H.K. và một bế tắc trường kỳ, hoặc một cuộc tái diễn chiến tranh. Cách nào đi nữa, thủ tục thương thuyết trở thành vấn đề sinh tử; quả thế, nó có thể xác định hậu quả và tốc độ đạt được hậu quả đó.

Buộc chặt sự ngưng ném bom vào sự tham dự của Sài Gòn trong các cuộc thảo luận các vấn đề chính yếu có thể đã là một sự thiếu khôn ngoan — càng thiếu khôn ngoan hơn nữa khi Hà Nội lại có vẻ như đã sẵn sàng tiếp tục các cuộc nói chuyện song phương. Sự tham dự của Sài Gòn và MTDTGP đã nêu lên các vấn đề về địa vị đáng lý nên hoãn lại thì hơn; nó khiến cho việc thảo luận về cơ cấu nội bộ miền Nam khó tránh khỏi. Dù sao thì các

hiện hơn vẫn còn có thể làm chỉ đạo cho các cuộc thương thuyết. Tình trạng căng thẳng giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn lại còn có thể tác dụng hữu ích là khác, nếu nó buộc hai bên phải biết rằng nếu muốn thương thuyết một cách hữu hiệu, thì phải đương đầu với các vấn đề cơ bản một cách minh thị.

Khi các dòng này đang được viết thì công thức nhằm giải quyết vấn đề tham hội của Sài Gòn vẫn chưa rõ rệt. Nhưng đường lối đại cương vẫn là một, cho dù thỏa hiệp cuối cùng có ra sao đi nữa.

Phương thức tốt đẹp nhất có thể là dựng lên ba nghị trường. Nếu Nam Việt cuối cùng xuất hiện ở Paris — hiện rất có thể — thì cuộc hội nghị tay tư phải được coi sơ khởi như là một phiên họp khoáng đại để thừa nhận công việc của hai ủy ban thương thuyết, và hai ủy ban này có thể chẳng cần được thiết lập một cách chính thức và còn có thể gặp nhau mặt là đẳng khác: (a) giữa Hà nội và H.K. và (b) giữa SAIGON và MTDTGP. Hà nội và Hoa thành đốn có thể thảo luận về sự triệt thoái hỗ tương và các vấn đề liên hệ như bảo đảm nền trung lập của Ai Lao và Cao Miên. (Công thức có thể là thi hành các Hiệp Ước Genève mà cả hai bên đã chấp nhận trên nguyên tắc.) SAIGON và MTDTGP có thể thảo luận cơ cấu nội bộ của Nam Việt. Nghị trường thứ ba có thể là một hội nghị quốc tế để bàn về những đảm bảo và bảo vệ cho các thỏa ước đã đạt được trong các ủy ban khác, gồm cả bộ máy quốc tế nhằm bảo vệ hòa bình.

Nếu Sài Gòn tiếp tục từ chối công thức « phe chúng tôi, phe các anh », thì cùng một phương thức trên vẫn có thể áp dụng được. Các tiêu ban có thể trở thành các nghị trường chính và phiên họp khoáng đại tay tư có thể hủy bỏ. « Hội nghị bảo đảm » quốc tế cùng sẽ không bị ảnh hưởng gì hết.

Tất nhiên, vì những lý do dễ hiểu, Sài Gòn đã một mực từ chối giao thiệp với MTDTGP như một thực thể quốc tế. Nhưng nếu Sài Gòn hiểu biết về những quyền lợi riêng của mình, thì họ sẽ nhận thấy là phương thức sơ lược trên đây đòi hỏi một sự nhượng bộ tối thiểu và cần thiết. Phương thức tam cấp đó sẽ cho Sài Gòn một quyền kiểm soát lớn hơn hết thảy về những vấn đề chính trị, kinh tế, chính sách nhân sinh, các quốc gia



thuyết trực tiếp giữa H.K. và MTDTGP sẽ được ngăn ngừa ngay từ trước. Một chính phủ có chủ quyền, có tự do nói chuyện với bất cứ nhóm nào đại diện cho một căn cứ thế lực quan trọng trong nước mà vẫn không vì thế mà phong cho nhóm đó một chủ quyền; điều này vẫn thường xuyên xảy ra trong các cuộc hòa giải các nghiệp đoàn, hay ngay trong công việc của cảnh sát nữa.

Nhưng tại sao Hà Nội lại phải chấp nhận một phương thức như vậy? Câu trả lời là: một phần, họ không có lựa chọn; họ không thể mang đến một cuộc rút lui quân đội Mỹ bằng nỗ lực riêng của mình, nhất là nếu H.K. có thể theo một chiến lược ít sốt ruột hơn — một chiến lược nhằm bảo vệ dân chúng và có thể duy trì được với những số thương vong giảm thiểu rất nhiều. Hà Nội cũng sẽ có thể tin rằng MTDTGP, được tổ chức giỏi hơn và quyết tâm hơn, có thể thắng được một cuộc tranh đua chính trị. (Lẽ dĩ nhiên, điều kiện tiên quyết cho một cuộc dàn xếp là cả đôi bên đều nghĩ là mình có cơ hội thắng, hoặc, ít nhất, tránh khỏi bị thua). Lý do mạnh hơn hết là có thể là Hà Nội không muốn cho H.K. một tiếng nói vĩnh viễn trong những vấn đề nội bộ miền Nam — nhưng với phương thức tay đôi thì Hà Nội phải chịu. Họ còn có thể được tăng cường trong thái độ này bằng niềm tin rằng một cuộc thương thuyết kéo dài về chính phủ liên hiệp sẽ có thể chấm dứt không thỏa đáng gì hơn, trên quan điểm Hà Nội, là các cuộc thương thuyết ở Genève về Việt Nam năm 1954, và về Lào năm 1962, còn đối với H.K., nếu ta có thể mang tới một sự triệt thoái các lực lượng và áp lực bên ngoài, thế là ta đã làm cái công việc tối đa cho một đồng minh của ta rồi — ngoại trừ chiếm đóng vĩnh viễn.

Tất nhiên, ta chẳng thể yêu cầu Hà Nội phó mặc số phận MTDTGP vào trong tay Sài Gòn được. Nếu một chính phủ liên hiệp là điều không đáng mong ước, thì một ủy hội hỗn hợp có nhiệm vụ phát triển và giám sát một tiến trình chính trị nhằm phục quyền xứ sở — kể cả các cuộc bầu cử tự do — có thể rất có ích. Và phải có một sự hiện diện Quốc Tế để đảm bảo thiện chí. Đồng thời, ta cũng chẳng thể tin cậy vào lời nói của Hà Nội là việc triệt thoái các lực lượng và áp lực của họ khỏi Nam Việt

đường xâm nhập. Lực lượng này còn cần được tăng cường bằng một hàng rào điện tử để kiểm soát mọi cuộc di chuyển.

Một phương thức thương thuyết và một định nghĩa về các mục tiêu chẳng thể nào bảo đảm một cuộc dàn xếp, lẽ tất nhiên... Nếu Hà Nội tỏ ra ngoan cố và nếu chiến cuộc tiếp diễn, thì ta phải tìm cách đạt cho kỳ được càng nhiều mục tiêu của ta càng tốt. Ta phải tiếp tục tăng cường quân đội Việt Nam để có thể triệt thoái từ từ một số lực lượng Mỹ, và ta phải khuyến khích Sài Gòn mở rộng căn cứ đề lớn mạnh hơn trong cuộc tranh đua chính trị với C.S. sớm muộn thế nào rồi cũng xảy tới.

Không một cuộc chiến nào trong thế kỷ đã làm thức dậy nhiều nhiệt tình bằng cuộc xung đột ở Việt Nam. Khi biến V.N thành một biểu tượng của những oán hận sâu xa hơn, nhiều phe nhóm đã đánh gục các mục tiêu mà họ chủ trương theo đuổi. Tại sao ta đã dấn thân vào V.N., hành động của ta bị phê phán ra sao, mặc kệ, chấm dứt cuộc chiến trong danh dự là điều thiết yếu cho hòa bình thế giới. Bất cứ giải pháp nào khác cũng sẽ thả lỏng sức mạnh khiến triển vọng về trật tự quốc tế phức tạp thêm. Một chính quyền mới phải được hưởng cái lợi ích của sự hoà nghi và một cơ hội để tiến tới hòa bình, một nền hòa bình trao tặng người dân V.N điều mà họ tranh đấu đã quá lâu để đạt được: đó là cơ hội hoạch định số mệnh của mình theo đường lối của mình.

**henry a. kissinger**

(FOREIGN AFFAIRS, tháng Giêng 1969)

# MẶC ĐỒ

## « bloc - notes »

*Anh em chúng tôi đã nhiều lần đặt lên bàn cái vụ tìm một danh từ gói được đủ nội dung của những đoạn văn ngắn nối đuôi nhau theo thời gian mà người Pháp gọi là « bloc-notes ». Bàn đi bàn lại đã nhiều nhưng vẫn không tìm ra một danh từ thật ổn. Sổ tay, nhật ký, tạp ghi... mỗi từ này đều mang sẵn cái nội dung Việt hay Hán của nó, ta không thể ép ướng khoác thêm cho nó một chiếc áo mới lột tình không vừa.*

*Trong khi chờ đợi, thôi hãy tạm giải quyết bằng cách lười biếng là mượn ngay danh từ Pháp và thẳng thắn nhận cái tội lười; bằng hai ngoặc kép tạm ổn hóa cái vụ chưa ổn. Nghĩ cho cùng, trong thời đại giao tiếp thường nhật giữa các nền văn hóa chuyên vay mượn như vậy không hẳn là một tổ cáo hay một thủ nhận cái nghèo của người di vay. Tại hại chỉ đáng kể khi cố gắng giữ thuần khiết thật sự chỉ che đậy một mặc cảm, tự tôn hay tự ti.*

● Trong thiên phóng sự về hiện tình Miền Bắc của một nữ ký giả người Ý — mà nhiều nhật báo Sài Gòn mới đăng tải — có một đoạn đưa đến nhiều suy nghĩ cho những người hằng quan tâm tới tương lai dân tộc. Đó là đoạn nhà báo Ý dẫn lời một quan sát viên Tiệp Khắc cũng đang đi thăm miền Bắc cộng sản của chúng ta. Quan sát viên này phàn nàn đã chứng kiến bao nhiêu những lỗi lầm các chế độ cộng sản khác đã vấp phải. Nhận định như vậy có nghĩa rõ rệt là những người cộng sản Việt Nam rất kém óc sáng tạo, không đem lại cho chế độ họ đang xây dựng những nét

cộng sản khác — hành động bằng cách rập khuôn những gì đã thi hành tại các nơi khác với cùng một vọng tưởng. Hiểu rộng thêm về nhận định vừa nói ta có quyền nghĩ rằng quan sát viên Tiệp Khắc lấy làm buồn thấy những người mong xây dựng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam không hề biết rút kinh nghiệm của các đàn anh, tránh vết xe đổ, xây dựng những gì tốt đẹp và bền vững. Năm mươi năm xã hội chủ nghĩa tại Nga, trong ngoài hai chục năm xã hội chủ nghĩa tại Đông Âu đã bày ra biết bao bài học. Trong con mắt những người cộng sản, tư bản chủ nghĩa là thứ đáng đập lên trên và đè bẹp, không thể để lại một chút tàn tích. Nhưng bù lại cộng sản chủ nghĩa không tạo được một chế độ khá dĩ thỏa mãn những người không có cảm tình với tư bản chủ nghĩa. Mác mô tả địa ngục của vô sản tại Anh quốc kỷ nghệ những người Nga may mắn thoát khỏi chế độ Staline tới phiên họ lại mô tả địa ngục Sibérie. Những người cộng sản bây giờ không thể khăng khăng với những giáo điều được nữa, hành động như những đàn anh của họ đã hành động.

Nhận định của quan sát viên Tiệp Khắc tại Miền Bắc còn cho ta suy nghĩ thêm về cái thể đứng của tất cả những người Việt Nam ở hai miền, đau sót hơn nữa, về thân phận của đông đảo những người Việt Nam phải chịu đựng những chế độ họ đang có.

Qua những phát lộ như trong thiên phóng sự vừa kể, ta đã hiểu những người cầm đầu chế độ Miền Bắc nếu không là công cụ của những thế lực ngoại bang thì cũng chỉ là những học trò rất kém óc sáng tạo. Trước những hiện tượng được phơi bày hằng ngày qua mọi hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tại miền Nam, ta cũng có thể có một nhận định đối rất chính với nhận định của quan sát viên cộng sản kia : chúng ta đã vấp phải bao nhiêu những lỗi lầm mà các chế độ quốc gia đã kinh qua, chẳng hạn những lỗi lầm của chế độ Quốc Dân Đảng Trung Hoa trước sau Đệ Nhị Thế Chiến, và trước ngày di sang đảo Đài Loan.

Muốn suy nghĩ thật tích cực và không thiên lệch về hiện trạng và tương lai dân tộc, thiết tưởng cần nhấn vào một điểm quan trọng : chính chúng ta — những người dân Việt Nam miền Bắc và miền Nam — đã tạo ra những chế độ đang có. Chỉ ngồi đó mà than trách mãi mãi những chế độ bất xứng vẫn còn. Nhưng cũng cần nó

thêm : người dân chỉ có một vũ khí là lá phiếu công cử, và cũng còn một điều kiện là phải biết thật sự dùng lá phiếu đó.

Có một hiện tượng thường được ghi nhận trên báo chí : nổi bất mãn khá chua cay của thể hệ đàn em đối với thể hệ đàn anh bây giờ. Vấn đề sự thật già như trái đất, vì đó là động cơ của tiến bộ. Có thể nói trên dòng diễn biến của thời gian và bất kỳ ở đâu, không một thể hệ đàn em nào đã bằng lòng thể hệ đàn anh trực tiếp.

Nếu đặt vấn đề ra, rồi phải viện dẫn, biện minh... tranh luận biết đến bao giờ mới xong. Thái độ khôn ngoan nhất của thể hệ đàn em — ở bất kỳ thời đại nào — thiết tưởng chỉ nên tặc lưỡi, nhún vai, chấp nhận hiện tại xấu xa, rồi gồng mình lên, vận dụng óc sáng tạo, hùng hục làm việc, thực hiện... bất kể những điều kiện khách quan. Vì thể hệ đàn em tương lai sẽ phán xét thể hệ đàn em bây giờ.

Tác động của thời đại vào xã hội Việt Nam hiện tại được phơi bày xum xuê trên trang chót của các nhật báo, đó là những khung chia buồn, chia vui. Nói cho đúng, đó không phải là CHIA mà là KHOE buồn KHOE vui.

Nhật báo Việt Nam, và thế giới, thuở nay vẫn nhận đăng những bài cáo phó thay cho thiệp tang, nhật báo thế giới thường dành riêng một mục để đăng — có lấy tiền — ngoài những tin người chết cả tin người lấy vợ lấy chồng, tin sinh con. Nhật báo Việt Nam và thế giới thuở nay cũng có cái tục mượn cột báo để chia buồn, chia vui nhưng hoàn toàn dành riêng cho cả tòa báo hay cùng lắm là cho một nhân viên trong tòa báo. Không bao giờ có chuyện người ở ngoài thuê đăng chia buồn, chia vui. Lý do rất dễ hiểu là chuyện buồn vui chỉ liên quan giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân có những

hình thức liên lạc mặt thiết riêng, mặt báo không thể thay thế được.

Ở Việt Nam hồi này lại khác hẳn, bao nhiêu buồn vui đều được thả cửa tung ra trên mặt báo. Được tin vui, như cưới xin hay sinh con, đưa lên mặt báo còn khả dĩ chấp nhận được. Nhưng hay tin thân nhân một người bạn hay thân hữu qua đời và thật tình mình chia xẻ nỗi buồn đó thì chỉ có một cách xứng đáng nhất là vội vã tới tận nơi để chia buồn và an ủi người bạn ; ở xa thì ít nhất cũng phải đánh điện hay biên thư chia buồn. Vứt một món tiền ra mượn nhà báo đăng một mẩu chia buồn, nhất định đó không phải là một cử chỉ đẹp và đầy đủ. Ngoại trừ khi người mượn đăng báo có dụng ý không phải chia buồn mà là khoe khoang với thiên hạ sự quen biết với gia đình tai to mặt lớn có người chết.

Tương xứng với tập tục mới lạ đó là thói quen của những gia đình có người chết cũng mượn mặt báo để trưng lên những danh sách tràng giang các vị to lớn đã phàn ưu trong dịp đau đớn.

Thời đại đã tác động mãnh liệt và sâu rộng đến cả sự tỏ bày tình nghĩa. Từ ông to nhất nước đến kẻ cùng đinh dường như đều quên mất cái đẹp của mặt đối mặt những dịp phải tỏ tình.

Nhật báo Sài Gòn sáng ngày 12.5 tung ra cái tin đáng chú ý : Lúa Thần Nông hết thời ! Có tờ lại trang trọng đưa mẩu tin vào một mục bình luận. Tóm tắt, tin đó phản ánh ý kiến một tư nhân chủ tịch Hiệp hội các nhà máy xay lúa Hoa Kỳ, ông ta tuyên bố lúa Thần Nông, một thành công của canh nông tại Á Châu, không đáp ứng khẩu vị của người Á châu nên bán không được và sẽ phải được thay thế bằng một giống lúa khác thích hợp hơn. Tự nó mẩu tin không đáng chú ý vì nó không đem lại một mới lạ gì, nhưng tin đó được lược ra và tung lên mặt báo ở Sài Gòn, đó là điều nguy hiểm đáng chú ý.

Ái nấy đều biết nước ta vốn là xứ xuất cảng gạo nhưng vì chiến tranh diện tích canh tác bị thu hẹp và nhiều nơi vì những điều kiện khách quan năng xuất trở nên rất kém, tình trạng đưa tới cảnh đáng buồn là dân ta phải ăn gạo nhập cảng và

ngay đến gạo nhập cảng đôi khi cũng trở nên thiếu hụt đối với một số địa phương vì những sai lệch trong kế hoạch nhập cảng và phân phối, vì yếu kém trong phương tiện chuyên chở. Trong khi không ai dám quyết là chiến tranh sẽ có thể chấm dứt ngày nào và sau khi im tiếng súng có chắc chắn là có hòa bình thật sự hay không, vấn đề lớn lao phải giải quyết cấp tốc là lo sao cung cấp được đủ gạo cho dân. Lúa Thần Nông chính là đáp số của vấn đề, một phần của đáp số thì đúng hơn, vì còn những vấn đề liên hệ hơi khó giải quyết như cung cấp liên tục giống lúa (Thần Nông là loại lúa lai hạt giống không gây được theo cách thông thường của nông gia), cung cấp phân bón nhập cảng (lúa Thần Nông đòi hỏi có phân bón hóa học mới mọc tốt như ý). Mặc dầu những trở ngại quan trọng như vậy phát triển canh tác loại lúa mới này, trong khi chờ đợi những cải tiến, là một công cuộc đáng tích cực khuyến khích vì kết quả của nó đáp ứng được tức thời một nhu cầu cấp bách.

Sự nguy hiểm của mầu tin lúa Thần Nông hết thời đáng chú ý vì nhiều lẽ: thứ nhất, vấn đề no đói của nhân dân miền Nam vẫn đặt ra cấp thiết mặc dầu viễn tượng hòa bình; thứ hai, lúa Thần Nông là một tiến bộ rõ rệt, trong tương lai ta cần cải tiến cho thích hợp chứ không nên, không thể bỏ; thứ ba, trong khi dư luận nông dân còn e ngại trước giống lúa mới, tuy đã được nhìn tận mắt kết quả tốt đẹp về năng suất, không thể để nông dân ngã lòng vì những tin tức tai hại.

Nhìn rộng ra hơn vụ tương lai lúa Thần Nông và mầu tin bi quan, chúng ta có một đề tài đáng suy ngẫm: đó là vấn đề phân định tới đâu là trách nhiệm của chế độ tại quyền và tới đâu là trách nhiệm chung của hết thảy mọi con dân đối với quốc gia, dân tộc. Mỗi người ở ngoài chính quyền có thể có thái độ đối lập với chính quyền tại vị, nhưng phải cần hạn chế những hành động đối lập tới mức nào để hậu quả của những hành động đó không những kéo đổ chính quyền bị đối lập mà kéo theo cả toàn dân vào cảnh ngộ còn khốn nạn hơn hiện tại.

Đã đành rằng từ ngày nước nhà nếm mùi độc lập — chứ không phải đã độc lập hẳn — dường như chưa có một chính quyền nào — nói chung cả Nam và Bắc — đã xây dựng được chút gì bền vững cho dân tộc trong tương lai, ngoại trừ những

manh tâm củng cố địa vị cho Đảng hay cho cá nhân. Sự liên tục tiếp diễn cảnh mưu đồ trên lưng dân tộc chính bởi những người đứng ngoài, nếu không sục sạo tìm cách lật ê-kíp chính phủ để tới phiên mình mưu đồ thì cũng khoanh tay bàng quan coi như không có trách nhiệm trước những nguy cơ chung đang rình rập.

Chúng ta bất mãn trước chính sách phát triển lúa Thần Nông — đáng lẽ nhà hữu trách Canh nông đã phải nghiên cứu từ lâu về những đặc tính của thứ gạo do lúa Thần Nông tạo nên và đề chừng phản ứng bất lợi trước khi phát động chiến dịch — nhưng chúng ta không thể một mặt quay lưng lại với tiến bộ khoa học, một mặt quên phứt nạn thiếu gạo ăn cho dân trong và sau chiến tranh. Ta buồn vì phải lệ thuộc vào nước ngoài, nhưng ta cũng sẵn sàng đáp trả mọi cố gắng tự lập cho dù cố gắng đó chưa hoàn hảo. Ngồi trước bàn viết trong gian phòng êm tịnh và an ninh, hay bốc đồng đứng ở một diễn đàn sôi nổi, ta dễ dàng dả phá, những lời nói hay viết ra không một chút đau sót cho ta, một thằng hèn trong lúc tràn đầy tự tin có thể viết hay nói ra những lời anh hùng, nhưng vấn đề là tiên liệu hậu quả tai hại chung cho cả dân tộc do những hành động vô lối trong những giây phút thiếu trách nhiệm.

● T.B. — Ba ngày sau khi tin nói trên được tung ra trên mặt báo bộ Canh Nông đã phản ứng bằng một thông cáo giải thích cặn kẽ về trường hợp lúa Thần Nông bị chê là hết thời. Mặt khác bộ Thông Tin cũng phản ứng bằng cách đóng cửa một tháng tờ báo đã đưa tin này vào mục bình luận. Cả hai phản ứng đã nhấn mạnh thêm những nhận định ở trên.

mặc đó

# VŨ KHẮC KHOAN

## những người không chịu chết

(tiếp theo)

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Một lưỡi dao lụi ngấp bưng một tên gác. Đó là một thứ hiện tại. Bằng xương bằng máu. Cứ nhảy đại vô. Đồng ý. Nhưng cũng còn phải nhảy ra chứ. Mà tính chuyện nhảy ra là lại phải đối diện một thứ hiện tại khác, một thứ trần sông khác. (Chợt cười.) Bây giờ là cảnh sát hay tôi, cậu Sơn?

SƠN

(nhìn người đàn ông khá lâu)

Ông yên trí. Bây giờ là cảnh sát.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Bây giờ mới là giai đoạn một. Tôi hiểu.

SƠN

Sẽ không có giai đoạn hai, nếu ông muốn. (Giọng trở nên chân thành.) Tại sao ông lại nghi kỵ tôi như vậy? Ông không tin tôi hay sao?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Hiện thời thì tôi tin.

SƠN

(chưa chát)

Giai đoạn một.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Hiện thời cậu cần tôi.

SƠN

(chán thành)

Đại ca...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Gọi tôi bằng ông. Tiện hơn.

SƠN

Tôi xin lỗi. Tôi quen miệng.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu muốn gì?

SƠN

Tôi muốn... hỏi ông một điều. Tôi rất thành thực hỏi. Và tôi muốn ông cũng thành thực trả lời tôi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cứ hỏi. Tôi nghe.

SƠN

Có bao giờ ông nghĩ đến chuyện ra ngoài... kia? (Một lát.) Ông định ở đây mãi hay sao? (Một lát.) Tôi biết hỏi như vậy là không



phải phép. Nhưng nói chuyện với ông, tự nhiên tôi thấy tò mò muốn biết... muốn biết nhiều về ông. Hình như ông có nhiều điều bí ẩn, ông muốn quên. Ông muốn quên tất cả. Nếu không thì một người như ông...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Như tôi là như thế nào ?

SON

Tôi cũng không rõ. Nhưng thú thực là tôi ngán ông. Mà trước đây tôi đâu có ngán ai ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tóm lại là cậu muốn tôi kể về tâm sự với cậu ?

SON

Đâu dám ? Tôi chỉ nghĩ rằng nếu... ông với tôi... chúng ta...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi với cậu, chúng ta... sao ? (Chợt cười.) À tôi hiểu. Cậu muốn cộng tác với tôi, cộng tác chặt chẽ.

SON

(chân thành)

Ta tạm lánh ở đây ít lâu rồi sẽ tính chuyện ra ngoài làm ăn. Tôi sẽ bắt lại liên lạc với tụi đàn em. Ông sẽ cầm đầu chúng tôi. Ông là đầu não. Ông cứ ngồi yên một chỗ. Việc đàm chém đã có chúng tôi. Ông nghĩ sao ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi nghĩ rằng cậu đang làm một công việc hết sức mâu thuẫn với ý nghĩ của cậu. Cậu Sơn ơi, cậu đang tính chuyện tương lai

đấy. Mà tương lai cũng như quá khứ và vãn vãn thì lại chẳng là mẹ gì cả, nguyên văn lời cậu lúc nãy, chắc cậu còn nhớ. Phìa tuốt. Quá khứ của tôi. Tương lai của cậu. Phìa tuốt. (Một lát.) Mà đúng là như vậy. Quá khứ của tôi là cái gì ? Cậu muốn biết nhiều về tôi. Tôi cũng muốn nói rất nhiều về tôi với cậu, vì tôi đang thêm nói chuyện. Nhưng còn gì đâu ? Cố nhớ, cố gắng nhớ lại, đời xưa chỉ còn để rớt lại một chút sóng thừa mà tôi chịu, mà tôi không thể xếp được vào loại nào. Vị hay mùi ? Âm thanh hay màu sắc ? Một chút sóng thừa. Đó là quá khứ của tôi. Có gì mà nói ? (Một lát.) Còn tương lai... thì cậu Sơn ạ, cậu khỏi lo cho tương lai của tôi. Đó là việc riêng của tôi. Tôi phải thanh toán nó.

SON

(ngơ ngác)

Thanh toán ? Tôi không hiểu.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi là một con chuột. Đừng ngạc nhiên. Đề tôi nói tiếp. Tôi là một con chuột. Tôi gặm, tôi nhấm, từ từ, từng giờ một, từng đêm một, tất cả tương lai của tôi, tất cả cuộc đời, tất cả thời gian. Tất cả. (Một lát.) Còn cậu... thì lại khác. Vì cậu đang đối diện một hiện tại. Một sợi tơ hồng phất phơ ngoài bụi rậm. Lại nguyên văn lời cậu lúc nãy. Một giấc mơ chòn vờn hình giáng một người con gái. Một người con gái, cậu Sơn, đó là hiện tại của cậu, cậu biết không ?

SON

(dần giọng)

Thu. Tôi biết. Tôi đang đợi. Tôi đang đợi đây.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Hãy giải quyết hiện tại rồi nói chuyện tương lai sau.

SƠN  
(chợt)

Ngộ nhớ...

Sơn chợt ngừng bật: tiếng chuông đồng hồ lại vừa vang lên.  
Ba tiếng.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Ba giờ.

SƠN

Trời ! Sao mà lạ thế này. (Một lát. Như vừa nhớ ra.) Nhưng  
ngộ nhớ Thu... không...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Thu không lên ? Dám lắm. (Chợt nghiêng đầu, lắng tai nghe.)  
Cậu đừng lo. Thu đang lên.

SƠN  
(hốt hoảng)

Đầu, đầu ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu không nghe thấy à ?

Tiếng chân đi động ngoài hành lang, nhẹ nhàng, chậm chậm  
trong yên lặng đêm building, nghe đã rõ. Về hốt hoảng càng hiện  
rõ trên nét mặt người tuổi trẻ.

SƠN

Ông...

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Cậu nên giữ bình tĩnh.

SƠN

Bình tĩnh ! Ông thử ở vào địa vị tôi xem !

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Mỗi người một thể sống. Không ai có thể ở vào địa vị cậu  
được. (Chợt.) À, chắc cậu không có khăn tay. (Đi lại phía những  
pho tượng, với lấy chiếc khăn quàng bằng lụa trên cổ pho tượng  
ông già, giơ lên trước ánh đèn, rồi đưa cho Sơn.) Cậu cầm lấy  
chiếc khăn này, dùng tạm được. (Sơn cầm chiếc khăn như một cái  
máy.) Thôi, chúc cậu may mắn.

SƠN

Ông đi đâu bây giờ ?

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Tôi trở về hàng ngũ của tôi.

Người đàn ông quay đi, và phút chốc đã lẫn vào đám người gỗ,  
đã trở thành một pho tượng gỗ trưng bày một kiểu áo — một thứ  
áo choàng bằng lụa xám bóng mặc trong phòng ngủ. Tiếng chân đi  
động ngoài hành lang dừng lại trước cửa căn hàng. Sơn đứng sững  
nhìn ra phía cửa. Yên lặng kéo dài trong chờ đợi. Cửa mở. Thu vào.

vũ khắc khoan

(còn tiếp)

# TỪ KỂ TƯỜNG

## hình dáng

1

Tôi bận rộn suốt ngày trong không khí tĩnh vật  
 Như thành phố có những vùng sinh động  
 Tùy theo sự tìm thấy của mỗi người  
 Sống là thăm gọi tên nhau  
 Đề trao hạnh phúc  
 Nhưng chỉ tôi cô độc ôm lấy bóng mình  
 Gào thét  
 Ngày tháng gần như một dấu võ dưới chân  
 Thật bi thiết  
 Tôi kêu réo suốt ngày trong trí óc tôi  
 Nạn nhân của một cuộc tình bế tắc  
 Em là ai ?  
 Nhân vật huy hoàng nào của đời sống rộng không

2

Mùa mưa sụt sùi quanh những chuyến xe  
 Đêm thật lớn  
 Sâu đen như một đường hầm  
 Đưa tôi về nhà mờ ngoài nghĩa địa  
 Chín giờ không ai hay  
 Nhưng đèn đường đã sáng

Kể xa lạ nào bỗng trở thành quen  
 Trong câu chuyện lơ đãng nhằm chán  
 Không mục đích nhắm tới bí mật em  
 Ít ra cũng một lần  
 Trên mặt hồ phẳng lặng  
 Tại sao tôi lại phải về  
 Tại sao tôi lại phải ngủ  
 Suy nghĩ ăn uống và thờ  
 Trong căn nhà vách gỗ đau đớn mục rã của tháng năm  
 Tại sao tôi lặng thinh  
 Nhận lãnh niềm tủi nhục  
 Như một người mù cam phận quờ quạng cuộc sống mình  
 Tại sao tôi không hề biết ?

3

Đôi mắt nào khóc lại lệ khô  
 Chiều đông bão tố  
 Tuổi trẻ tôi nung nấu chín tâm can  
 Tuổi trẻ tôi ồn ào trong quán rượu  
 Đã sống như du đãng  
 Đã yêu như si tình  
 Một đời khốn nạn

Chim trốn tuyết dạt về núi cấm  
 Hai mươi năm không thấy mặt người  
 Tôi hoài hoài nao động  
 Sắp sửa giết kẻ thù  
 Giữa buổi rạng đông  
 Đầu một ngày đánh cướp  
 Em trăm năm trở lá mùa thu  
 Rừng vàng trái đất

4

Độc kinh sám hối vào lúc nửa đêm

Làm dấu ấn nắn trước giờ em tới  
 Một kẻ nào đó mang hung tin  
 Như lưỡi dao bén ngọt  
 Cắt tim tôi trăm mảnh ném xuống biển sâu  
 Không  
 Tôi không đầu hàng định mệnh  
 Không  
 Tôi không thể chết

## 5

Tôi gõ một lần tại cửa trái tim  
 Hạnh phúc đã đi phía sau tuổi trẻ  
 Em lạ gì tiếng con chim hát  
 Trên mỗi đầu ngón tay màu chảy  
 Mùa nắng thả trôi cơn giông khô  
 Cuốn phăng ký ức  
 Cánh diều ngút mây xanh đã đứt dây  
 Ngoài tầm tay đưa trẻ  
 Em còn lạ gì  
 Nỗi đau đớn đã mất dần trong thộng hối  
 Nếu được im lặng tôi sẽ khóc rất ngon  
 Khóc đến mù đôi mắt  
 Ôi những buổi chiều đặc sệt bóng đêm  
 Mặt trời muộn mằn giữa hai người tình  
 Yêu nhau như cú bắt  
 Tôi không thể hiểu nỗi tôi  
 Bằng sự thông minh của trí óc  
 Em còn lạ gì nỗi căm phẫn của kẻ điên

## 6

Tôi yêu em như sự trở dậy của con rắn hổ mang

Ngủ quên trong hôn cây cỏ sục sùi  
 Mùa đông lẫn đá xuống chân  
 Hạnh phúc khủng khiếp  
 Ta hôn nhau trên môi trên mắt trên nụ cười  
 Trên nỗi đớn đau chưa hàn gắn  
 Hồn em tinh khiết như hoa sứ  
 Mỗi băng đá mỗi đời người  
 Hít lấy hương thơm một lần rồi chết  
 Tội lỗi gồng cùm  
 Tôi tù ngục giam kín  
 Tôi giam kín tự do của trái tim  
 Thật bàng hoàng  
 Như đá ong khô trên thềm mưa bụi phủ

## 7

Những ngày rét mướt đắp lên thân thể tôi cuộn mình trong chăn  
 làm sâu non trên lá cây. Khu vườn xao xác. Tiếng khóc của sỏi  
 đá, của mặt cát im lặng suốt mùa hạ qua đi trong lãng quên một  
 thời. Ở đó em đã lớn lên, cao vút, xanh biếc trong hồn tôi. Thật  
 không ngờ. Thật không bao giờ, em biết không  
 Điều thuốc bồng lên mười đầu ngón tay. Gương mặt tái mét.  
 Buổi sáng giá băng sương mù lãng đãng. Trên những đồi thông  
 rất cao tôi réo gọi chính tôi đã lạc mất  
 Như Hoa như Thủy như Trinh  
 Như kẻ ở lại suốt đời nhớ mong, như Vệ  
 Thành phố của em xa như lời hứa, Di chuyển như những chuyến  
 xe đồ lăm lè qua những cây cầu tạm. Dòng nước, ôi dòng nước  
 trên sông buổi chiều phẳng lặng đục lờ màu phù sa. Tôi đã  
 không về thăm em. Vĩnh viễn không về đứng giữa sàn chiếc bắc  
 nhìn mưa táp trên song sắt vịn. Người bạn co ro lời nói căm.  
 Nụ cười thật không ý nghĩa nào. Như tôi, trên sợi dây ngày  
 tháng giết liên hồi không có giờ ngơi nghỉ

## 8

Chỗ ngồi của tôi trên chiếc ghế bắt vào thời gian bằng những  
 chiếc đinh ốc vẫn không lấy gì làm bền vững  
 Tôi sẽ ngã, sẽ rơi ra ngoài chiếc ghế  
 Như một kẻ khốn nạn bị đâm vào mặt  
 Em nào biết nỗi đau một lần trong đêm tăm tối  
 Tôi bị vây giữa đám đông không lối thoát  
 Thật khủng khiếp  
 Thật tức tối  
 Nếu lúc đó có một lưỡi dao tôi sẽ đâm tất cả mọi người  
 Dễ dàng như trò chơi  
 Nhưng tôi hoàn toàn bất lực  
 Như tuổi trẻ hôm nay  
 Rồi niềm tử nhục ngấm vào thịt da thành con suối nóng  
 Những đường mương âm u nhất của thành phố  
 Chảy qua  
 Kinh lịch mòn mỏi nhất đời ta  
 Ôi chúng ta

## 9

Buổi sáng nào có sương mù rơi trên cổ thành. Tháng năm bất  
 tận. Tôi đốt que diêm ném cho người sống tối tăm thuộc vào một  
 khu da đen  
 Mặt trời điều đứng giữa mọi tàn phá  
 Thần chết mang đến nhiều chứng bệnh thời kỳ quắc  
 Tôi la hét giữa đời cô khô. Những chiếc lá mục rơi phủ kín ngôi  
 mộ người mới chôn hôm qua. Chiếc hòm kềm như nhà giam,  
 những hòn đất như tội lỗi, những cánh hoa như sự tử tội.  
 Bình minh tôi nằm lắng nghe tiếng còi xe lửa chạy băng qua khu  
 rừng nhớ đến giấc mơ của một thời quá khứ. Thật không còn chỗ  
 nào để nói, lời nào để khóc nhớ nhung. Em mỏng manh như chiếc  
 lá tháng chạp lăn lóc dưới hè đường. Tôi mới thoát khỏi bệnh viện  
 chạy về căn nhà cũ tự chữa bệnh lấy tôi

Tiếng khóc muối mặn của đứa trẻ con lúc mười hai giờ trưa đánh  
 thức kẻ ôm lấy chính thân thể mình ngủ rất ngày thơ trên sạp gỗ.  
 Tôi còn có căn nhà để gỗ cửa và nhớ tôi em cũng là điều may mắn  
 cuối cùng lúc tôi sắp chết  
 Và chết là hết

Hay chết là vĩnh viễn còn lại cái mà mình ngỡ đã mất đi.  
 Tôi vẫn nồng nàn hôn lên vết thương, vuốt ve trái tim tái mét lúc  
 trời gập hăm dọa một cơn mưa. Cơn mưa đầu mùa chắc sẽ huyền  
 diệu như lời kinh đọc lúc đi ngủ. Tôi đã ngủ dài một giấc ngủ chưa  
 người nào tìm thấy bằng sự mơ ước của mình  
 Và vuốt mắt

Hãy vuốt mắt nhau như yêu nhau. Như tự đập vỡ chiếc ly không  
 chúng mình từng uống chung một nguồn nước. Và hạnh phúc thấp  
 thoáng ngoài cửa trái tim. Tận hưởng một lần rồi mất hết

## 10

Tôi đã từng khóc lệ đá xanh  
 Như mùa đông khóc giữa băng tang  
 Cơn mưa buổi chiều cho đầy mặt  
 Hơi đất lên

Nồng nàn tiếng thở thịt da  
 Bão động trong đời tĩnh vật  
 Thành phố không còn sự ve vuốt nào hơn là tự nghe ngóng chính  
 cảm giác mình

Tôi gấp rút  
 Như bọt nước vỡ tan khi chưa tới đất  
 Mùa lá me

Và chim chóc  
 Ngồi trong một quán cà phê có cửa kính nhớ sự chuyển động  
 âm thầm trên con đường lớn

Tôi hút thuốc thở đầy mái tóc  
 Nghe chính mùi hương của thời hạnh phúc bay xa  
 Và em lẫn khuất như một loài chim én  
 Không dám về giữa thành phố hôm nay



Ôi những Hoa những Thúy những Trinh những Vệ  
 Những người yêu mãi mãi chỉ còn là hình dáng  
 Bất động  
 Và trở thành tĩnh vật suốt đời dưới bóng trăm năm.

## bài hát

Ly cà phê cuối cùng đưa tiễn nhau  
 Đêm hết trong khói thuốc  
 Hai người bạn bắt tay  
 Nụ cười  
 Tôi gõ chiếc thìa lên miệng ly làm nhip  
 Cô đơn hoàn toàn trong hộp nước  
 Hãy hát  
 Hãy nói với chính mình một lời không ai biết

Ngoài đường có xe cộ, những cành cây rớt vu vơ  
 Chim chết bên cột điện  
 Cặp tình nhân lại hôn nhau trong một góc tối  
 Giấu mặt  
 Tim hơi ấm trên mười đầu ngón tay hạnh phúc  
 Tôi làm gì giữa những thứ ấy  
 Trong một quán nước lần lượt chỉ còn lại mình tôi  
 Nhân vật tới trước và ngồi lại sau cùng

Cơn mưa suốt một buổi chiều  
 Làm đau đớn quần quai kẻ cô đơn nhất thế kỷ  
 Quệt diêm rồi bẽ gãy  
 Ném điếu thuốc cùng chán nản  
 Tôi với ly bia một chỗ ngồi

Bất động  
 Mười hai giờ khuya giới nghiêm  
 Không buồn đứng dậy  
 Chỉ muốn chết  
 Điệu nhạc đã dứt người ca sĩ té xỉu trên bục gỗ  
 Màn khép  
 Tiếng vỗ tay chợt nổi lên cùng với tiếng khóc  
 Tôi đã làm khán giả  
 Yêu em trên ghế cầm  
 Không cần biết, không cần biết  
 Tôi đưa em về  
 Dưới những vì sao rơi  
 Bầu trời đen như biển đêm bao la  
 Người ca sĩ khô tim  
 Trọn đời chỉ còn khúc hát  
 Hai mươi năm tôi vác tuổi trẻ đi lang thang  
 Ném bữa trong thiên hạ  
 Hai mươi năm giàu có để khổn cùng  
 Nhận lấy những đồng tiền rơi rớt  
 Nhìn hạnh phúc mắt mù  
 Ôm khư khư những đồ phế thải  
 Trở về với tin yêu  
 Bị người xưa đuổi  
 Tôi lang thang nằm hối tiếc mặt trời  
 Đã mọc lằm vủ trụ  
 Như em hiện thân làm đàn bà  
 Đề chết cô đơn bản thể  
 Một ngày chủ nhật  
 Một đêm chủ nhật  
 Ôi những đêm chủ nhật  
 Tôi nhàn rồi để kết tội mình  
 Tên khốn nạn  
 Rồi phản cung trước rặng đông  
 Rằng đời sống vẫn còn mặt trời, vui không kể xiết  
 Và em  
 Xanh biếc trong đợt lá non sau cơn mưa

Tôi bẽ gãy một cành độc dược  
Khu vườn, bóng loáng những mặt hồ  
Hồn đá sỏi  
Khóc vu vơ một thảm cỏ non  
Và đêm  
Những đêm bình thường tôi lang thang trên phố  
Trong bóng tối một góc đường  
Cặp tình nhân tiếp tục hôn nhau  
Giấu mặt  
Ở đâu đâu đó em vẫn hát  
Như một người ca sĩ hạnh phúc nhất  
Ở đâu đó  
Dưới chân thang  
Tôi gục xuống kêu thương như loài dế đêm  
Bàng hoàng vuốt mặt.

từ kẻ tường

# TÚY HỒNG

## những sợi sắc không

*tiếp theo*

Minh điềm đăm : lạ nhỉ ? hôm nay Thiên Giang lại say trước cả mọi người. Thảo Trang tiếp lời : anh ấy dạo này thua bạc liên miên. Chu đến ngồi sát bên Trầm khẽ đập nhẹ vào tay nàng : tài từ Thuýên râu kẽm tối mai muốn mời búp bê già đi ăn rửa rang muối đó. Trầm gật gù : gọi tôi là Búp-bê-già à ! tôi thật đồng ý. Chu hóm hỉnh : búp-bê-già của tôi... này, này... hơn tháng nay vào đây em bẽ được công kênh đi ăn luôn. Cái căn phần bốn mạng của cô em nhắm kỹ có thể thất nghiệp một tháng không chết đói đó nhé !

Trong đám người tụ họp ở đây, Thiên Giang là Bộ trưởng, Sơn là Đồng lý văn phòng, Lý cũng là Bộ trưởng thời Diệm... những khuôn mặt đó đã có một lần lớn và khó lớn lại lần thứ hai thứ ba. Cuộc đời của một chính trị gia ngày hôm nay, Trầm ví như chiếc bánh xèo, chỉ rán phồng được một lần và không thể rán phồng thêm một lần nữa. Bộ mặt bự đã một lần xẹp xuống là xẹp hẳn... Chu hiện tại làm giáo sư đại học và đang thêm thưởng cỡi lên một chức vị rực rỡ, cái chức vị mà Lý mà Thiên Giang đã từng tự đó mà rơi vào... Bởi đó, chàng luôn tung người đón bắt mọi hình thái cùng thành quả của công cuộc đấu tranh phát động từ miền Trung. Chàng cũng đi chùa, chàng cũng đi họp, chàng cũng viết bài báo kêu gọi sinh viên cầu cạnh sự đoái hoài của những nhân vật tiếng tăm lãnh đạo Phật giáo... Trầm đưa tay che miệng bảo nhỏ Minh : anh Chu là một tên bợm tranh đấu : trở cò, đón gió... ai mạnh thì ôm, ai lớn thì yêu... nhưng, yêu bao nhiêu

cũng chỉ được một chiều, ảnh sẽ tuyệt vọng lớn... còn Thiên-giang, còn Lý, còn Sơn... thất chính trị còn đau tê mê gấp bội thất tình ái. Họ đành ôm nỗi đau đó mà đi thụt lùi lại để đánh bạn cặp bẻ vởi bọn làm văn nghệ. Nhiều Bộ trưởng mất ghế, nhiều tướng tá mất lon đã rút về cái hậu cứ văn nghệ để viết báo làm văn cho đỡ ứ... Biết chọn cây bút để thủ cái thể cuối cùng kẻ cũng khôn nhĩ... Từ nay, hãy bẻ gãy cái quan niệm « Tiến vi quan, thoái vi sư đi »...

Mình vừa gạt gù vừa cầm ly rượu nốc.

Chu cầm tay Trầm từ già khá lâu trước khi Trầm nâng vạt áo bước lên gác trọ. Trầm bảo Phi : tao bây giờ thân hư, nứt mất, cái chuyện chơi bời khoét ở tao một lỗ hồng lớn, quá lớn, ngày nào cũng đi ăn uống rào rào như người ta đi biếu tỉnh. Mối Phi bĩu : mày đi hoang luông tuôn như con ngựa bà trời. Trầm điềm đăm : tao đang nghĩ là nên vác mặt mo về Huế sớm chừng nào hay chừng đó... ở đây, những cuộc chơi nó hút hồn mình không cho mình làm việc... về Huế, đàn ông Huế thật nhiều chí khí... còn bọn bạn bè của mình ở đây... chỉ có việc ăn chơi và kiếm ra tiền cho thật nhiều, tiền họ kiếm sao mà dễ ợt... chơi với trai Huế cũng có cái lợi, chơi với trai ở Saigon này cũng có cái lợi. Trầm ngừng lại ngáp rồi tiếp : Tao ham chơi quá nên Chu nó gọi là búp bê già... đàn bà mà ham chơi quá hóa thành một đồ chơi... búp bê già. Thấy Phi không có ý kiến gì, Trầm nói nữa : Trẻ con mê chơi quá đến lúc phải đá trong quần, còn tụi mình... đàn bà mê chơi quá... ờ... ờ... giá ngày xưa mẹ tao đóng cho tao một cái gông vào hai đầu gối để giữ gìn trinh tiết. Trầm co chân ngồi xồm đầu gối quá mang tai nói tiếp : tao vào Saigon lần này... cuộc vui đầy tháng, trận cười đủ ba mươi ngày... đoản hậu quá... Đi chơi với bầy kên kên... Trầm ngừng lại nhún vai cười khẽ : bầy kên kên cứ định ninh mình là một xác thối... trong khi mình chỉ là một thân người mỗi mẹt. Phi cong cớn : cô ơi cô, nãy giờ cô độc thoại nhiều quá... Trầm chớp mắt, Phi tiếp : bầy kên kên của mày... chúng nó không rĩa mày như một thầy ma, nhưng chúng sẽ nấu chín mày, chúng sẽ hầm rục mày thành vịt tim cho mà coi. Lúc mày đã mệ lử, đã lả người... bấy giờ, chỉ một thằng đưng khế vào mày là mày rã ra ngay như vịt tim. Trầm đưa tay gãi cằm : ừ...ừ... cứ cái đà này mà ở đây

ừ chắc sẽ chóng thành vịt tim lắm ! Còn về Huế... Trầm ngậm miệng lại, Phi cười xòa : Tuy nhiên... ờ... không mày chưa đến nỗi ã ra như vịt tim đâu con à, mày chỉ sẽ mềm mềm như cà-ri-gà nà thôi... Hai người đàn bà cùng sáng mắt banh miệng cười lớn, Phi bảo thôi đi ngủ.

Trầm nằm xuống giường vớ cuốn sách trên đầu xem không hết một trang đã vứt, nàng nhìn thẳng trần nhà nghĩ tới buổi chiều đến thăm Cỏ May nghe những đứa em gái múa ngón tay lên trời thề độc chị Cỏ May đi chơi tay hai với Lê Hùng, một kẻ luôn luôn hô « tôi có mặt » bên đám người đẹp. Trầm nghĩ : nó bắt Lê Hùng dễ như bắt ốc gạo... mình chưa biết đó có phải là một đoạn kịch hay không ? hay là nó đang cố học đòi mình... học ai chứ học mình thì đòi nào bằng được. Bàn tay này là bàn tay bắt nhân tình vừa khéo vừa ngọt ! Trương bị gạt một cái xứng vừng đang ôm rìa bàn... mình hụt đà trong cú bước lớn cũng đang ôm rìa bàn... Trương như con diều giấy lơ lửng mãi chưa ai bắt... mình như cái bong bóng hơi lơ lửng mãi chưa ai bắt... Trương tội nghiệp... mình cũng tội nghiệp... Trầm lắc đầu nhắm mắt vuốt vạt tóc mai lòa xòa : (Thôi) lương tâm đã táng tận hay vẫn còn một đom đóm... hãy giữ lấy nếu vẫn còn một cái gì, nếu còn một tí hi nhân đạo trong tình bạn. Xảy mặt ra phía kia kia ! Quay lưng lại phía kia kia ! để chỉ nên thấy rằng những người đàn ông đều là những thằng người giả lòe loẹt bày trong tủ kính tiệm may âu phục... Trầm ơi khi Trầm yêu ai thì Trầm nên nghĩ rằng người ấy không bao giờ yêu Trầm. Bao lâu Trầm đã miệt mài cố luyện, luyện tâm tình trở nên lạnh, trở nên nguội ánh thép. Luyện tâm tình cũng cam go như luyện gà chọi... kiên nhẫn, lâu bền hàng 3 tháng, hàng 6 tháng, hàng 9 tháng. Gà thấy gà mà xông tới chọi liền là gà dở, yêu mà dở ngay trở yêu ra là yêu xoàng. Trầm phải luyện Trầm như ngày xưa Kỷ tinh Tử luyện gà đá cho vua. Gà thấy gà không buồn nghinh đấu, Trầm thấy Trương không buồn dở ngón yêu...

Trầm ngủ dậy muộn, rửa mặt xong định ra ngồi xa lông xem sách thì đã thấy Chu lò dò đến, Chu nói :

— Phải lại đây buổi sáng vì chiều bận đi.

— Đi đâu ?

— Có ông bạn rủ đi ăn thịt chó... Vậy sau 7 giờ tối em bé chờ tôi lại đón nhé !

Trầm reo lên :

— Thịt chó ! Hời hợt nhỉ ? Mực đỏ đáng được liệt vào danh sách ngon của đàn ông... ngon quá ! Đàn ông và chó ! Ngon quá !

— Không thích... nhưng phải đi vì nó mời nhiều lần quá. Thịt cây phải đi ăn với bạn thân mới có ý nghĩa.

Trầm xoa tay vui vẻ :

— Khi ngồi chén mình ngẫm nghĩ ra nhiều điều. Người ta gọi thịt chó là thịt hươu thêm... con hươu nằm ở thềm nhà !

Chu hỏi xin Trầm tách nước mát. Ngoài cửa sổ nắng trắng trợn cả bầu trời. Nụ cười Huế cũng hà khắc, áp bức nhưng đường Huế tiếp tiếp cây nhiều, màu lá xanh khiến người ta tưởng tượng giảm bớt một phần sức nóng cho thị giác. Chu uống từng ngụm nhỏ hết nửa cốc nước đặt xuống mắt lừ đừ :

— Em bé đừng ở Huế 1 mình nữa đi. Hãy nghĩ đến việc định cư ở Saigon thôi.

— Đối với tôi, bỏ Huế vào Saigon là một thiệt hại quá lớn lao... Có một sự bán rẻ và có một sự mua đắt...

— Nhưng em bé sẽ được đền bù.

Ánh mắt Chu trùng hắt xuống nhìn bạn gái, cái nhìn mãnh liệt như một sức ép và Trầm hất hất mái tóc ra sau như làm một cử động lắc đầu. Người đàn bà lại hút Salem. Người đàn ông chau mày nhẹ gắt :

— Miệng luôn luôn ngậm một miếng thuốc lá là lòng luôn luôn mang một mặc cảm. Hãy tự giải thoát.

Trầm xoay qua thế ngồi gò bó, vòng hai tay lại, treo hai chân lại. Đôi môi Chu phẩy nét cười nhẹ :

— Trước hết, khuyến cáo em bé hãy bỏ cái lối xưng hô tâng tặn tình nghĩa của em bé đi, đừng với ai cũng anh anh tôi tôi, nhóc con mười hai tuổi cũng gọi anh, già khú đế sáu mươi hai tuổi cũng gọi anh, rồi xưng mình là tôi chan chát... đó là thứ ngôn ngữ gổ.. Em bé nên tìm một lối xưng hô đẹp dành cho một đối tượng.

Trầm khẽ gấp miếng thuốc giữa hai ngón tay :

— Kiếp sau mới có một tên đàn ông cho phép tôi xưng em với y... Kiếp sau tôi sẽ đàng hoàng. Mỗi một chúng ta có đến

mười hai kiếp luân hồi, một kiếp làm bầy, mười một kiếp còn dư dùng để làm lại cuộc đời.

— Em bé ăn nói dễ ghét lắm... Coi chừng nói xàm mải anh đánh chết, anh giết đầu.

Trầm đùn vai :

— Giết tôi đi vì tôi dễ ghét lắm.

— Bấm vụn chữ « tôi » ngổ ngáo đi, xưng em nghe ngọt hơn. Nắng hôm nay dịu xuống, ngày tươi hơn hôm qua bằng một màu trắng toát. Bức rèm cửa bóng nhưng ép mịn màng láng mượt, da chuột sờ vào cũng mượt tay như thế này là cùng.

— Em bé làm chi ngoài nớ mà không chịu viết thư cho anh. Ba năm không hề gửi cho người ta được một chữ hoặc một con tem... Luôn ba năm nay anh vẫn van xin em ban cho anh một chỗ dựa tinh thần, một điểm tựa, một chân đứng... Thiếu em, anh sẽ quờ quạng, bì bõm, cà nhắc giữa cuộc đời như một kẻ bị phế thải chẳng làm ăn gì được nữa cả...

Trầm dập tắt miếng thuốc lá, Chu nói :

— Em hãy nuôi anh trong vài ba năm... nghĩa là hãy mơn man nâng đỡ cái tinh thần anh trong ba năm.

Trầm cúi mặt cho tóc che hết hai chiếc má một lát rồi đứng lên bảo :

— Đợi tôi sửa soạn 5 phút rồi đi chơi nhé.

Trầm kéo mõm bút chì than kẻ dài theo mí mắt rồi độ đậm màu nâu lên trên, đánh rối đầu tóc và chát phấn hồng vào má. Hai người lượn ra khỏi nhà, áo dài Trầm sóng sánh khẽ chạm vào gót chân di chuyển núng nính. Kiểm năm canh không ra một chiếc Taxi, Chu và Trầm cùng ngồi lên một chiếc xích lô máy. Chu đưa Trầm vào Tax để mua bộ đồ xây trái cây.

Cái thang gác ọp ẹp dẫn họ lên một căn gác bày biện sơ sài bàn viết, giường nằm ghế mây. Chu nhìn quanh bảo :

— Căn gác này vẫn để không từ ngày Trọng nó đi Đài Loan... anh vẫn để dành cho em lúc nào chán Huế thì vô.

Trầm không biết Trầm đã rung mình hay nhún vai. Căn gác này, căn gác xếp bề ngang đo bằng chín bước, bề dài mười một bước đi của Trầm. Trầm đã trải qua ở đây một đoạn đời, làm thơ ở đây, viết văn ở đây, và chung sống với Chu ở đây một năm với thật nhiều suy nghĩ. Trầm nhớ lại một định nghĩa khá

đúng của Trầm : nghệ sĩ còn là một kẻ cuồng nộ tình dục. Chính trong căn gác này mà nàng đã nằm sóng soài vào cái định nghĩa đó như tay giang hồ kiếm sĩ nằm hẳn trong thế giới mãi võ. Và bằng rất nhiều nhất kiếm nàng đã chém đứt phăng những đầu lâu luân lý. Gian phòng im lặng không đủ ánh sáng khiến Trầm bật lên một tiếng kêu khô. Tất cả những đồ đạc do thợ mộc làm để kê ở đây đều có vẻ cộc cằn thiết thực. Trầm nhìn mãi vào những cây đinh đóng ầu tã ở vách gỗ rồi ra đứng ở cửa sổ trông xuống đường. Chu theo ra bên, bàn tay sờ vào ót nàng nhột nhột, nàng hất cổ ra đằng sau. Trầm quay ngoắt vào đi một đường quanh gian phòng bằng những bước dài rồi ngồi xuống chiếc ghế sơn màu lục già mặt ngưng đọng nhiều điều ngờ ngác. Chu đến trước Trầm đặt một tay lên bờ vai lì lợm, người đàn bà vụt đứng dậy, hai chân chưa vững miệng người đàn ông đã bần rít một hơi lên môi. Thân thể người đàn ông như cái bàn ủi lớn là sắt người Trầm cứng bức da thịt trong một sự đàn áp rúm rỏ. Trầm không đủ hơi sức để cười gằn một tiếng, thân hình nàng cứng bó đờ đẫn và không hiểu làm sao cái đầu của nàng lại bị kẹp vào nách Chu. Nàng rút ra nặng nề và ngồi thụp xuống sàn gác cười thành cơn. Cười mãi cười hoài rít qua kẽ răng, nàng càng cảm mình đừng cười, lại càng cười thêm. Chu tròn mắt quát thôi nghỉ, thôi ngậm, ngậm cái lỗ miệng lại cho rồi. Tiếng cười người đàn bà cương lên nữa, dần mạnh, điên tiết và rách nát rung giật đôi vai gầy gò. Khi cơn cười xẹp xuống như bong bóng xì hơi người đàn bà quát mất tự hỏi : tôi rục ra rồi phải không ? Tôi rã ra rồi phải không ? Tôi mềm như vệt tim rồi phải không ?

Chu mơn man làn tóc bạn gái.

Trầm nói thông thả :

— Hồi xưa trên căn gác này tôi với anh đã sống chung, tôi với anh là một công ty. Sau đó, chúng ta giải tán... mỗi người một măn nguyện. Tự đó, tôi đã bao lần gọi anh là ông, anh đã bao lần gọi tôi là chị... Một tình bạn, một tình văn nghệ... sự kéo dài này khá ổn thỏa. Giữa chúng ta chẳng còn những lờm chớm lờm, những răng cưa của tình yêu cũ nữa phải không anh ? Bây giờ, tôi không muốn tái diễn, tôi không thích học ôn lại...

Chu buông một câu làm cho mặt Trầm sưng sỏ như củ khoai sượng :

— Ôi... sao thì sao... bây giờ chúng ta hãy ủng hộ nhau cái đã.

Trầm dang thẳng cánh tay tát vào má bên phải của Chu, tát vào má bên trái của Chu rồi ngồi phịch xuống sàn gỗ ôm đầu hét lớn :

— Tôi muốn đòi lại cái khoảng cách phải có giữa tôi và anh, và các anh... Bất cứ người đàn bà nào cũng có được một khoảng cách đối với người đàn ông đang đối diện. Còn tôi, người đàn ông đã xấp sát lại rồi, đã xấp lá cà rồi, đã thủ tiêu cái khoảng cách giữa tôi với họ rồi...

Đôi môi Trầm thoáng một mếu máo rồi nàng bình tĩnh vuốt vạt tóc lòa xòa trước trán ra đằng sau. Da mặt nàng trắng mát, chiếc môi dưới bĩu, hai mắt chong to nhìn thẳng vách tường. Một vùng cấm địa tâm hồn bị thốn mạnh nhói đau, Trầm cảm thấy thương thân bội phần, nhưng, chẳng hề trách phận tí nào khi từng mảnh tự ái rã tan bốc theo hơi khói. Trầm nghĩ : tôi đã đã thương tôi như con thú dữ đã thương con thú dữ. Tôi táng tận lương tâm đối với tôi như con thú dữ táng tận lương tâm đối với con thú dữ. Tôi thấy tình yêu gắn liền với giấc ngủ sinh lý mở mắt trao tráo theo sự thao diễn động tác cuồng nộ. Tình yêu, đôi môi tôi lại mấp máy cái chữ đó rồi, yêu ít ỏi hay yêu hung tàn, ngầm ngầm hay bộc phát, định cho sạch nghĩa chẳng qua cũng chỉ là sự giao thoa, của hai thót thụt. Trầm cẩu kính giơ tay phất vào đùi giết chết tươi con muỗi đang đậu tại đó. Nàng chụp cứng tăng vai Chu, chích mạnh năm móng nhọn kéo ri cho cái xác và máu con muỗi dính vào áo sơ mi màu lam nhạt. Chu quỳ dưới chân Trầm :

— Một năm trời được em nuôi, anh đã bao lần đắc tội... Ôn nghĩa của tình yêu em ban cho, ơn đó cũng là ơn dưỡng dục. Ôn dưỡng dục này không phải là nuôi lớn một thằng Chu bằng cơm bằng cá ; mà là nuôi lớn thằng người hùng chưa xuất hiện ở trong thằng Chu này đây. Em đã cho anh một chỗ dựa và vô số huê lợi tinh thần. Tình yêu đó anh giữ khư khư như lá bùa đeo vào cổ.

Trầm ngồi yên đón nhận những lời suy tôn thừa mứa, gục mặt vào hai đầu gối đưa lên quá tai :

— Hết rồi... chuyện cũ đã hết tận gốc rồi, tuyệt sơn tuyệt nguồn rồi... tại sao anh cứ đeo làm phiền tôi mãi ?



Chu nói rồi rít và quỳ úp mặt vào đầu gối Trầm :

— Em là điếm tựa của anh... Cho anh xin một sự hy sinh nhỏ là yêu anh trong vài ba năm nữa, cứu cấp anh, đỡ trĩ anh trong vài ba năm nữa. Anh dựa vào em, tìm khích lệ nơi em để hăng say hành động. Nuôi anh đi, đừng để anh côi cút. Công việc của anh làm, anh cảm thấy quá gay go khó khăn. Anh bật lui, anh rùn lại. Sau lưng anh cần có đôi bàn tay mềm xò anh lao thẳng vào nhiệm vụ phía trước. Anh bây giờ đang đứng trong cái bước đầu khó khăn nhất tí như người lính, nhảy dù ở lần nhảy đầu tiên : cửa máy bay đã mở, dù đã trương, nhưng, người lính sợ quá quỳnh lên không dám ló đầu ra, huấn-luyện-viên phải đứng đằng sau xô đại xuống... Đó cũng là bước đầu của anh, em đưa hai cánh tay mềm xò anh đi.

Trầm lạnh lùng gằn môi cười. Công việc của anh chỉ là một cái nhảy, nhảy cao, nhảy xa, nhảy vọt vào chính trường. Và đây là cái lúc anh đang đề khi... Tôn giáo đó, tin ngưỡng đó, phong trào cách mạng đó, dân miền Trung đau khổ đó và đây là tôi huấn đến !... anh đề khi đi, anh lấy hơi chuyển gân đi ! Trầm bấu môi :

— Anh nhảy tham quá... ném mình ra xa quá... Coi chừng què dờ. Bản mặt anh làm đến giáo sư đại học là đã phóng lớn hết cỡ rồi, tôi nghĩ thế.

túy hồng

(Còn tiếp)